



HOÀNG TRỌNG THỰC

TINH THẦN TRÀO PHÚNG
TRONG THI CA XỨ
HUẾ



IN LẦN THỨ NHẤT

1973



CÙNG MỘT TÁC-GIẢ :

Đã xuất bản :

— **HƯƠNG-BÌNH THI-PHẨM :**

(tập 1) năm 1962 (thi-tuyển)

— **THI-CA CHÂM-BIỆM VÀ TRÀO-LỘNG V.N. :**

năm 1970 (thi-tuyển và khảo-cứu)

— **TIHH-THẦN TRÀO-PHÚNG TRONG**

THI-CA XỨ HUẾ: năm 1973 (khảo-cứu)

Sẽ xuất bản :

— **HƯƠNG-BÌNH THI-PHẨM :** (tập 2) (thi tuyển)

— **NGHỆ-THUẬT TRÀO-PHÚNG**

TRONG THI-CA V.N. : (khảo-cứu)

— **VUA DUY-TÂN :** (lịch-sử ký-sự)

TÁC-GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

HOÀNG-TRỌNG-THỰC

tinh thần trào phúng
trong thi ca xứ Huế

1973

MỤC-LỤC

| | TRANG |
|---|-------|
| MỤC-LỤC | 6 |
| TỰA | 9 |
| LỜI NÓI ĐẦU | 13 |
| 1— MỘT NÀNG CÔNG-CHÚA YẾM-THẾ | 17 |
| 2— MỘT ÔNG HOÀNG LÃNG-MẠN | 19 |
| 3— MỘT CÁCH TRẢ THÙ ĐỘC ĐÁO | 23 |
| 4— MIỆNG THẾ-GIAN | 25 |
| 5— RĂNG CẢN LƯỚI | 27 |
| 6— TRÊU VUA | 29 |
| 7— NHÀ VUA CHƠI CHỮ | 33 |
| 8— VỀ NGỰ-CHẾ CHÂM-BIỆM CÁC QUAN | 35 |
| 9— NHỮNG BÀI THƠ GÂY RA THẢM HỌA TÂY TRỜI | 39 |
| 10— NHỮNG CÂU CA-DAO CHÂM-BIỆM VIỆC XÂY CÁT KHIÊM-LĂNG | 49 |
| 11— BỐN «ANH HÙNG» NƯỚC NAM | 59 |
| 12— TRÊU QUAN ĐẠI-THẦN | 75 |
| 13— VUA THÀNH-THÁI : MỘT ÔNG VUA HOANG DÂM HAY ÁI-QUỐC | 79 |
| 14— VUA DUY-TÂN : MỘT ANH HÙNG DÂN-TỘC | 97 |

| | |
|---|-----|
| 15— LÀM VỢ VUA | 117 |
| 16— BÀI VĂN-TẾ ĐƯA TRẺ ĐỀ HOANG | 127 |
| 17— BÀI VĂN VỢ CHÍNH TẾ VỢ HẦU | 131 |
| 18— ÔNG GIÀ GÂN | 137 |
| 19— LÊN ĐÈO XUỐNG ÀI | 141 |
| 20— LÀM THƠ ĐƯỢC VỢ | 145 |
| 21— THÂN LƯƠNG | 147 |
| 22— CON VOI | 149 |
| 23— ĐÓN NGÀM CỦA NHÀ NHO | 151 |
| 34— VÌ TÌNH, VÌ TIỀN | 155 |
| 25— NHỮNG BÀI THƠ CẦU-KỶ | 157 |
| 26— CHƠI CHỮ VÀ NÓI LÁI | 163 |
| 27— TIỆC QUÁ | 169 |
| 28— CON CÒ VÀ CÁI HẸM | 173 |
| 29— ĐÀO VI THƯỢNG SÁCH | 177 |
| 30— CUỘC CHÍNH-BIỆN NĂM 1933 | 185 |
| 31— CHÀU HOÀNG-ĐẾ | 191 |
| 32— NHƯ DÂY BUỘC MINH | 197 |
| 33— NÀM GỐC CÂY SUNG | 199 |
| 34— BIA KỶ-NIỆM CHÓ | 201 |
| 35— LÀM THƠ SUYẾT BỊ TÙ | 203 |
| 36— CÔ GÁI HUẾ | 207 |
| 37— TRÒ ĐEN BẠC | 211 |
| 38— SANH-ĐIẾU | 213 |
| 39— TIỆC MỪNG CỬU TUẦN THƯỢNG THỌ | 219 |
| 40— « CẨM TREO HÈO NHỊN ĐÓI » | 221 |
| 41— THUYỀN-QUYÊN TRUNG-BỘ | 225 |

| | | | |
|-----|-----------------------|-----------|-----|
| 42— | MỘT TRÒ CHƠI LÝ-THÚ | | 229 |
| 43— | NHÀ NGỌC PHUN CHÂU | | 233 |
| 44— | NỔI GÓT HỒ-XUÂN-HƯƠNG | | 235 |
| 45— | MÃ-TƯỚC | | 239 |
| 46— | ĐÁ GÀ | | 241 |
| 47— | LÀM THƠ BỊ KIỆN | | 243 |
| 48— | KHÔNG CHỜNG | | 247 |
| 49— | THÁM-HIỆM CUNG-TRĂNG | | 251 |
| 50— | HAI CẢNH CHẠY LOẠN | | 253 |
| 51— | THƠ ÁM-DỤ | | 265 |
| | KẾT LUẬN | | 279 |

TỰA

Trước hết, tôi xin thành thật cảm ơn Ông Hoàng-trọng-Thực đã có nhã ý đưa cho tôi xem trước bản thảo tập khảo-cứu này nhan-đề là «TINH-THẦN TRÀO-PHÚNG TRONG THI-CA XỨ HUẾ» đề nhờ tôi đề tựa. Nhưng thật ra, tôi xin cảm ơn Hoàng tiên-sinh nhiều hơn hết về những thích-thú mà tôi đã được hưởng trong khi đọc tập khảo-cứu này mà Tiên-sinh đã dày công sưu-tầm và biên soạn.

Thật vậy, trước kia, khi đọc các tám-phẩm khảo-cứu cùng loại của ông Lãng-Nhân Phùng-tất-Đặc nhan-đề là «GIAI-THOẠI LÀNG NHO» và «CHƠI CHỮ», tôi đã cảm thấy thích-thú nhiều lắm. Nay được đọc tác-phẩm «TINH-THẦN TRÀO-PHÚNG TRONG THI-CA-XỨ HUẾ» của Hoàng tiên-sinh, tôi cũng cảm thấy thích-thú không kém. Thật là một bên tám lạng, một bên nửa cân.

Những câu chuyện có thực mà Tiên-sinh đã kể lại chứa đựng một tinh-thần hài-hước cao độ, vừa thanh-nhã, vừa sâu-sắc, vừa tế-nhị, rõ là một tinh-thần hài-hước đặc biệt Á-Đông. Những bài thơ trào-phúng mà Tiên - sinh đã ghi lại, thật là thâm - trầm và ý - nhị. Đã thế, lối kể chuyện của Tiên - sinh lại rất dí dỏm và lôi cuốn, khiến cho tôi, sau khi đã đọc xong một chuyện rồi, phải đọc tiếp chuyện kế theo, không thể nào dừng lại được nữa, cho đến khi đọc hết trang cuối cùng rồi mà vẫn muốn đọc trở lại từ đầu, chứng tỏ tập sách có sức hấp dẫn biết chừng nào.

Nội-dung phong-phú của tác-phẩm chứng tỏ Tiên-sinh đã đọc nhiều và nhớ cũng nhiều. Tiên-sinh đã có công rọi ánh sáng vào một vài giai-đoạn rất mù mờ của nước nhà như là triều-đại của các vua Thành-Thái và Duy-Tân, mà các sách lịch-sử chỉ nói phớt qua hoặc không hề đề động đến. Tiên-sinh cũng đã nhắc lại một vài cổ-tục hay của xứ Huế như là sắm « Thọ-Đường », trò chơi « thả thơ », lễ « sanh-điếu », v.v... mà chúng ta rất tiếc là ngày nay không còn nữa. Lối hành-văn của Tiên-sinh biểu-lộ một ngòi bút khá điêu luyện, đã từng được chứng tỏ trong hai tác-phẩm mà Tiên-sinh đã cho ra đời vào các năm 1962 và 1970 : đó là các tập « Hương-Bình-Thi-phẩm » và « Thi-ca châm-biểu và trào-lộng Việt-Nam » mà nhiều nhà văn hiện nay thường trích dẫn.

Giữa lúc chúng ta sống một cuộc sống đầy ưu-tư, ăn bữa nay lo chạy bữa mai, đêm đêm vẫn còn nghe

tiếng súng từ xa vọng về, đọc được một cuốn sách khả dĩ làm cho chúng ta quên đi, dù trong chốc lát, những nỗi ưu-tư ấy, nó đè nặng lên tâm hồn của chúng ta hằng ngày, không phải bất cứ lúc nào chúng ta muốn thì cũng được. Cho nên, sau khi đọc tập « *Tinh-thần trào-phúng trong thi-ca xứ Huế* » của Hoàng tiên-sinh, trong đó tôi đã có dịp thường-thức biết bao nhiêu là cái hay, cái đẹp, cái thâm thúy, cái tế-nhị cá biệt của nền thi-ca trào-phúng Cổ-đô, tôi rất vui lòng ghi lại mấy dòng này gọi là « TỰA » hay là cảm tưởng của tôi thì đúng hơn, trước là đề cảm ơn tác-giả về những giây phút sáng-khoái tinh-thần mà ông đã cho tôi, và sau là đề xin giới thiệu với độc-giả cuốn sách giá-trị này.

Huế, ngày 1 tháng 6 năm 1973

ĐẠI-THANH

LỜI NÓI ĐẦU

Dân-tộc Việt-Nam là một trong những dân-tộc có tinh-thần trào-phúng nhất thế-giới. Tinh-thần đó được bộc lộ bất-cứ ở hoàn-cảnh nào, dù bi-đát đến đâu chăng nữa :

Tương truyền rằng năm 1854, sau khi khởi loạn chống lại Triều-đình Huế bị thất bại, ông Cao-bá-Quát bị bắt giam, chân tay đều bị xiềng xích. Tuy vậy, nhà thơ cách-mạng vẫn còn giữ được tinh-thần trào-phúng, nên đã tức cảnh ngâm hai câu thơ :

« Một chiếc cùm lim ngồi thế để »

« Ba vòng xích sắt bước thì vương ! »

Và đến khi bị khép vào tù tội, lưỡi gươm dao-phủ đã kề vào cổ, Cao-bá-Quát còn ứng khẩu đọc rằng :

« Ba hồi trống dục đủ cha kiếp,

« Một nhát gươm đưa đáo mẹ đời ! »

Thật ra, trào-phúng là một tình-tự cố-hữu của người Việt-Nam. Chính nhờ tinh-thần trào-phúng mà con người

Việt luôn luôn vẫn duy-trì được bản-sắc nòi-giống qua bao nhiêu thăng-trầm, biến-đổi của đất nước trước những nguy-cơ đô-hộ, đồng-hóa, tiêu-diệt Tinh-thần trào-phúng là một lợi-khí sắc bén giúp cho con người Việt vui vẻ, tin tưởng và phấn đấu. Do đó, trào-phúng đã thành một dân-tộc-tính của người Việt-Nam.

Tiếng cười ở ngoài đời đã chuyển sang địa-hạt nghệ-thuật, kết tinh nên một kho tàng vô giá của dân-tộc : văn-chương trào-phúng Việt-Nam.

Mỗi địa-phương, mỗi thời-kỳ lịch-sử đều có một thứ văn-học trào-phúng riêng đại-biểu cho ý-thức tư-tưởng của địa-phương đó, của thời-kỳ lịch-sử đó, nói lên thái-độ của mọi tầng lớp xã-hội trước chính-tình đương thời hay trước nhân-tình thế-thái. Văn-học trào-phúng Việt-Nam sở dĩ phong-phú là vì vậy.

Riêng về nền văn-học trào-phúng của cổ-đô Huế, qua các thi-ca tuyển chọn ghi lại dưới đây (*), ai cũng có thể nhận thức được rằng nền văn-học đó có một cá-tính rất là độc-đáo, nói lên tinh-thần trào-phúng cao độ của các thi-sĩ miền sông Hương núi Ngự. Đặc biệt, nghệ-thuật chơi chữ và nói lái của các thi-sĩ ấy, có thể nói là đã đạt đến mức tinh-vi. Những cốt chuyện hài-hước được kể lại trong tập sách này, điểm xuyết bởi những bài thơ dí dỏm và tài tình, đều là những chuyện có thật một trăm phần trăm. Duy có điều tên họ của các nhân-vật chính trong truyện nhiều khi phải được nguy-trang đi đề khởi làm phật lòng các người trong cuộc hoặc là con cháu họ, mong quý vị độc-giả thông cảm.

Chúng tôi biên soạn tập khảo cứu này không ngoài

mục - đích ghi lại cho hậu-thế một số thi - ca trào - phúng đặc sắc của cổ-đô Huế,—mà một phần lớn chưa hề được ấn-hành,—trước là để cho số thi-ca đó khỏi bị mai một với thời-gian, và sau là để góp một phần nhỏ mọn vào kho tàng văn - học trào - phúng của nước nhà. Nếu chúng tôi đạt được một phần nào hoãi-bảo sau, thì đó là một phần, thường tinh-thần quý giá dành cho công-trình biên-khảo này vậy.

Nhơn dịp này, chúng tôi xin thành thật cảm ơn các bậc tiền-bối như các Cụ Tôn-thất-Sa, Lê-thanh-Cảnh, Tôn-thất-Tồn, Ưng-Thuyên, Nguyễn-ngọc-Sinh, Nguyễn-bá-Nhiệm và các bạn Phan-văn-Dật. Nguyễn-đôn-Dur, Trần-Văn-Tường, Võ-văn-Triêm, Thái-văn-Kiểm, đã sốt sắng cung cấp cho chúng tôi tài-liệu hoặc thi-liệu, nhờ đó mà nội-dung của tập biên-khảo này được thêm phần phong-phú.

Sau hết, chúng tôi cũng xin nồng nhiệt cảm tạ Phủ Quốc-vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã yểm-trợ chúng tôi về mặt tài-chánh để cho công việc ấn-hành tập sách này được thực-hiện viên mãn.

Saigon, ngày 15 tháng 08 năm 1973

HOÀNG-TRỌNG-THUỘC

(*) Các thi-ca này gồm cả một số thi-phẩm sáng tác tại Huế do những thi-sĩ tuy không sanh tại cổ-đô nhưng đã chịu ít nhiều ảnh-hưởng của sông Hương núi Ngự vì đã sống tại đây trong một thời-gian dài.

MỘT NÀNG CÔNG-CHÚA YẾM-THẾ

Dưới Triều Nguyên, có một nàng công-chúa em vua Minh-Mạng, vừa trẻ vừa đẹp, nhưng chán đời. Nhà vua đã kén cho nàng một nho-sinh tuần-tú để làm phò-mã, nhưng nàng từ chối, rồi, sợ bị ép duyên, bỏ cung cấm trốn vào tỉnh Quảng-Nam lên ở tu chùa Non-Nước trên núi Ngũ-Hành.

Vua cho mấy vị quan lên chùa đón nàng về cung, nàng nhất quyết ở lại, làm một bài thơ gửi về, hứa rằng ai mà họa được, nàng sẽ lấy làm chồng. Về sau, không ai họa nổi, nên nàng khỏi phải xuất các. Bài thơ ấy như sau :

THẾ-SỰ

*Thế-sự nhìn xem rồi cuộc cờ,
Càng nhìn càng ngấm lại càng dơ.
Khua tan tục niệm hồi chuông sớm,
Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa.*

*Châu-tử chán mùi nên vãi ẩm,
Đỉnh-chung lợm giọng hóa chạy ra.
Lên đàn cửu khổ toan quay lại,
Bề ái trông ra nước đục lò !*

MỘT ÔNG HOÀNG LĂNG-MẠN

Câu chuyện hy-hữu vừa kể trên là chuyện của một nàng Công-chúa yếm-thế, em vua Minh-Mạng, tuy trẻ đẹp, nhưng không muốn lấy chồng, vì cho rằng thế-sự là dơ bẩn và bề ái là một vũng nước đục lờ, nên đã bỏ cung vàng điện ngọc mà vào chùa thí-phát quy-y.

Và sau đây là một câu chuyện hy-hữu khác, trái ngược hẳn, — chuyện của một ông Hoàng lăng-mạn, ngông cuồng và truy-lạc, mà cuộc đời chỉ là một chuỗi ngày chơi bời trác-táng, nên đã bị một người đương-thời mai mỉa bằng một bài thơ trào-phúng còn truyền tụng cho đến ngày nay: đó là chuyện của « Hải-Ninh Quận-công », con vua Minh-Mạng.

« Hải-Ninh Quận-công », sinh ngày 27-10-1828, mất ngày 26-4-1896, là người con thứ 42 của vua

Minh-Mạng, húy là Miên-Tăng. Lúc sinh-thời, ông khét tiếng ăn chơi, nợ như chúa Chôm.

Lúc mới xuất Phủ ở riêng, ông cũng giàu có như các ông Hoàng khác, nhưng ông đem hết của cải ra mua gà đá, chó săn — mắc mấy cũng mua — và lập trường hát bội, trong nhà con hát bao giờ cũng trên năm chục người. Vợ và hầu của ông rất đông, đều được chọn chọn trong đám các đào hát bội. Những cuộc mây mưa ân-ái của ông thật là độc đáo: « Chỉ trong những lúc các cô ả bước lên sân-khấu nai nịt chỉnh-tề trong những bộ võ-phục rực rỡ, dưới lá cờ lệnh với cặp song kiếm lông lánh hay ngọn giáo dài tua chỉ trong những khi họ đăng-đàn bái tướng hay tung hoành giữa một chiến-trường tưởng tượng, chỉ những lúc ấy, chủ-nhân-ông mới nghĩ đến việc kiếm con. » Rồi ngay sau khi cô ả vừa hát xong vào buồng, ông liền dùng dao bén rạch giáp ra làm tình để cho có cái cảm tưởng rằng mình đang giao-hợp với Phàn-lê-Huê, với Đoàn-Hồng-Ngọc, với Lưu-Kim-Đính, với Trại-Ba công-chúa v.v...

Với cái đà ăn chơi như vậy, chẳng mấy chốc mà ông bị khánh tận. Ông bèn xoay đi buôn bán với các tàu Pháp để kiếm tiền. Chính vì sự đi lại với tàu Pháp mà ông đã gây lụy cho vua Hiệp-Hòa và vì thế mà ông bị hai quyền-thần Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường lột tước đầy đi Bình-Định.

Đến khi Nguyễn-hữu-Độ lên cầm quyền và vua Đồng-Khánh lên ngôi, ông mới được tha về

và phục lại nguyên tước. Được vua Đồng-Khánh yêu dùng và chu cấp tiền bạc, ông lại đi buôn bán với các tàu ngoại-quốc. Chẳng bao lâu, ông trở nên giàu có to. Đã có lần, muốn chọc đời chơi, ông đem bạc nén của ông sắp từng sè to phoi ra ngoài nắng, nói rằng để cho hết mốc đi. Ông lại nuôi con hát, lại mở trường gà, lại mua chó săn. Cuộc đời trác-táng của ông lại nhóm lên từ đó và có phần hăng hơn trước nhiều, đến nỗi ông mắc phải bệnh đau tim mà không biết.

Năm 1888, vua Đồng-Khánh thăng-hà, ông mất đi người đỡ đầu, và kể từ đó, cuộc đời của ông lại xuống dốc, và lần này thì vô phương cứu chữa. Đến khi ông chỉ còn lại hai bàn tay trắng, thì con hát mỗi người đi một ngã, ông đem bán cả đồ đạc, áo quần, gà đá, chó săn, cho đến cả phủ-đệ của ông, ông cũng đem bán nốt để trang trải nợ nần.

Không còn có chỗ ở, ông phải sống trên một chiếc nốt (tức là chiếc đồ nhỏ), chen chúc với các chiếc nốt của bọn lái beo tại bến chợ Dinh-Ông. Có khi túng quẫn quá, ông tìm đến các nhà quen thuộc ngày trước, các phủ-đệ hoàng-thân, làm cái trò đề nhục mà người ta thường gọi là « *hầu cháu* » để xin một ít tiền gạo sống lây lất qua ngày. Cũng có khi ông làm tiền bằng cách đến mấy trường hát bội, chỉ vẽ câu tuồng điệu múa cho những con hát chưa lành nghề, hay la cà ở các trường gà, làm thầy dùi cho những kẻ có tiền mà không am tường các mảnh khõe của nghề chơi.

Rồi một ngày nọ (ngày 26-4-1896), ông lần dần ra chết, giữa khi ông đang chen chúc xem một cuộc chọi gà. Vì phẩm-phục của vua ban, ông đã đem cầm bán đi từ trước rồi, nên người ta phải thuê thợ mã cắt giấy ngũ-sắc thành một bộ triều-phục theo hàng Quốc-công để tẩm liệm cho ông, vì ông vừa mới được tấn-phong làm « Hải-Ninh Quận-công ». Ông thọ được 68 tuổi.

Nhơn dịp đám táng của ông, một thi-sĩ đương-thời đã sáng tác bài thơ sau đây, tuy có giọng hài-hước, nhưng đã toát-yếu được cả cuộc đời phù-trầm lãng-mạn của ông, thật là tài tình :

*« Mới nghe trống hát lối hôm qua,
Đau đón làm sao đến thể mà !
Sống ở lui cui bên nổi lộn,
Thác nằm lẫn lóc giữa trường gà.
Ba sinh duyên phụ cùng dì Đá, (1)
Chín tuổi tình chung với mẹ Na. (2)
Bạc nén từng sẽ đâu hết thấy ?
Mang hia đội mả của ông bà ! »* (Vô-danh)

(Viết theo tài-liệu của nhà văn Trần-thanh-Mại trong sách lịch-sử ký-sự nhan đề là « TUYÊN-LÝ-VƯƠNG » xuất bản tại Hà-nội năm 1938).

-
- (1) Dì Đá là người thiếp yêu của Hải - Ninh quận - công, nay ông chết đi bỏ Dì ấy lại.
(2) Mẹ Na cũng là một ái-thiếp của ông và đã chết từ trước, nay ông về Âm-ty sẽ được tiếp nối tình duyên cũ với mẹ ấy.

MỘT CÁCH TRẢ THÙ ĐỘC ĐÁO

Ở thôn Vỹ-Dạ (Huế), nơi đã sản xuất ra lắm thi-sĩ nổi tiếng như là Tuy-lý-Vương, Ưng-Bình Thúc-gia-thị, v.v..., có một bà góa chồng mà người lối xóm thường gọi là bà Huyện Thi (chồng bà tên Thi trước kia làm đến chức tri-huyện). Bà có một người con gái tuổi vừa đôi chín rất xinh đẹp tên là Chuột, được nhiều vương-tôn công-tử ngắm nghé. Trong số này, có người cháu trai của Tuy-lý-Vương là «mệ Cò Theo», mê cô gái ấy như điên đảo, đòi cha mẹ phải đi hỏi cho mẹ cho kỳ được.

Sau lễ dạm hỏi, nhà gái yêu sách nhà trai đủ điều, như là vào các dịp tết nhất hay là kỵ giỗ, bắt buộc nhà trai phải đi lễ heo mới chịu.

Nhà mẹ Cò Theo đã mất cho bà Huyện Thi hết bốn con heo rồi mà cuối cùng cũng đành

phải bỏ cuộc, không dám theo đuổi nữa, vì nhà gái thách cưới nặng quá, nhà trai không sao kham nổi, nên về sau, phải đi cưới cho mẹ Cò Theo một cô vợ khác.

Ước quá, mẹ Cò Theo muốn ăn tươi nuốt sống bà Huyện Thi để trả thù, nhưng lại có tánh nhát gan, nhất là sợ làm liên lụy đến gia-đình. Mẹ Cò Theo bèn nghĩ ra một cách trả thù khá ngộ nghĩnh và độc đáo như sau, mà chỉ có các «mẹ» trong hoàng-phái mới căc có nghĩ ra được :

Khi vợ Cò Theo sanh con đầu lòng, anh ta bèn đặt tên cho nó là «Mèo» để... cắn cồ «Chuột» là tên cô con gái của bà Huyện Thi.

Nhơn câu chuyện khá hy-hữu ấy, cụ Hồng-Sâm, con ngài Tuy-lý-Vương, đã sáng tác bài thơ trào-phúng sau đây :

*« Không ai như thê Mẹ Cò Theo,
Một «Chuột» mà làm mất bốn heo.
Giận Mẹ Huyện Thi toan cắn cồ,
Sinh con nên phải đặt tên «Mèo» ».*

MIỆNG THẾ-GIAN

Ông Nguyễn-công-Trứ (1778-1858-Hà-Tĩnh) đỗ thủ-khoa năm Gia-Long 18, làm quan đến chức Tổng-Đốc và Binh-Bộ Thượng-thor, nhưng trong đời làm quan của ông, lúc thăng lúc trầm, có khi bị vu-cáo, triều-đình lột hết chức tước và phát đi làm lính thú ở tỉnh Quảng-Ngãi.

Trước khi về hưu trí và rời kinh-đô Huế, ông Nguyễn-công-Trứ sắm một cỗ xe, dùng một con bò cái, cõ đeo nhạc, để kéo. Ông đi cỗ xe ấy đến từ giã các bạn bè. Khi đến nhà ông Hà-tôn-Quyền là một vị đại-thần trước kia đã dèm pha ông và gây cho ông nhiều bước thăng trầm, ông lấy một cái mo cau, chép một bài thơ rồi buộc vào phía trong đuôi con bò. Thiên-hạ xúm lại xem thơ cười rúc-rích, khiến họ Hà cũng muốn coi. Ông gạt đi và úp sấp tấm mo lại. Nhưng

Hà muốn coi cho kỹ được, sẵn lại lật ngựa tẩm mo lên đọc :

BIA MIỆNG THẾ-GIAN

*Xuống ngựa lên xe nọ tướng nhân,
Lợm mùi giáng chức với thăng quan.
Điền-viên dạo chiếc xe bò cái,
Sẵn tẩm mo bụng miệng thế-gian!*

Đọc xong, Hà đỏ gay mặt, vì hiểu rằng Nguyễn-công-Trứ chơi khăm mình, vì miệng thế-gian hay dèm pha như miệng của họ Hà, nằm phía trong đuôi con bò cái.

Trước kia hai người cũng đã từng chơi xỏ nhau bằng câu đối : Một hôm trong một bữa tiệc, Hà nói với Nguyễn :

« *Quân-tử ố kỳ văn chi quý Ngài* ».

Nguyễn đáp ngay :

« *Thánh-nhân bất-đắc-dĩ dụng Cụ Lớn* ».

Câu trên nguyên là : « *Quân-tử ố kỳ văn chi trứ* », nghĩa là người quân-tử ghét những sự lòe-loẹt bên ngoài. Hà dùng chữ « quý Ngài » để đề thay cho chữ « Trứ » là tên của Nguyễn.

Câu dưới nguyên là : « *Thánh-nhân bất-đắc-dĩ dụng quyền* » nghĩa là thánh-nhân bất-đắc-dĩ phải dùng đến quyền-lực, Nguyễn dùng chữ « Cụ Lớn » để thay cho chữ « Quyền » là tên của Hà.

RĂNG CẮN LƯỖI

Dưới triều vua Tự-Đức (1828-1883), trong một buổi dạ-yến ở Đại-Nội, răng vua cắn phải lưỡi. Nhon đó, vua ra đề thơ : « Răng cắn lưỡi ».

Trong các hàng quan tỵ tiệc, có ông Nguyễn-hàm - Ninh (1808-1867 — Quảng-Bình) ứng khẩu đọc bốn câu thơ sau đây :

*« Sinh ngã chi sơ, nhữ vị sinh,
« Nhữ sinh chi hậu, ngã vi huynh.
« Bất tư cộng hưởng trần cam vị,
« Hà nhẫn tương vong cốt-nhục tình ? »*

Nghĩa là :

*Thuở bác sinh ra, chú chưa sinh,
Từ sinh ra chú, bác làm anh.
Ngọt bùi chẳng để cùng chia sẻ,
Cốt nhục đần tâm nghiêng dửng tình.*

Vua khen hay, nhưng nghĩ một lúc, vua phán rằng :
« Văn-chương của khanh thật lưu loát, Trẫm thưởng mỗi câu một lượng vàng, song ý thơ sâu sắc và bi ẩn, Trẫm phạt mỗi chữ một roi ».

Sở dĩ xử phạt vì nhà vua đã hiểu rằng tác-giả mượn bốn câu thơ trên để ám chỉ việc vua đã đàn áp sát hại anh mình là Hồng-Bảo.

Theo di chiếu vua Thiệu-Trị, thì Hồng-Bảo sẽ lên ngôi kế vị sau này. Nhưng sau khi vua Thiệu-Trị thăng-hà, Triều - đình, do Tuy - Thanh quận-công Trương-dăng-Quế cầm đầu, lập em Hồng-Bảo là Hồng-Nhậm lên ngôi Hoàng-Đế, lấy niên-hiệu là Tự-Đức.

Bất mãn về sự phế lập bất công ấy, Hồng-Bảo bèn cùng các đồng-chí âm mưu đảo-chánh, nhưng công việc bị bại lộ, vì có kẻ tố giác. Hồng-Bảo bị hạ ngục và kết án tử-hình (1853), nhưng vua Tự-Đức nghĩ tình anh em, tha cho tội chết, chỉ bắt giam. Nhưng một ngày nọ, người ta thấy Hồng-Bảo chết thối cổ ở trong ngục (1854). Người đương-thời cho rằng đó là một cái chết rất khả nghi và không tin Hồng-Bảo tự sát mà là bị ám-sát do lệnh của Tự-Đức.

Với bốn câu thơ trên, ông Nguyễn-hàm-Ninh dụng ý trách khéo vua Tự-Đức đã xử sự quá ư tàn-nhân đối với anh ruột mình. Kề ra ông Ninh cũng gan thật, may mà chỉ bị nhà vua cho đánh đòn mà thôi, một hình-phạt coi là nhẹ dưới thời phong-kiến đối với tội *« khi quân »*.

TRÊU VUA

Trong thời-gian ông Cao-bá-Quát làm quan ở Huế, một hôm vua Tự-Đức nằm mê thấy ngăm hai câu thơ chữ nho câu nào cũng có hai tiếng nôm xen vào :

*«Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ,
«Dã ngoại đào hoa lấm lấm khai».*

Nghĩa là : Trong vườn, chim oanh học tiếng khê khà. Ngoài nội, hoa đào nở lấm lấm. Vua truyền cho các quan chép lại.

Ông Cao-bá-Quát, muốn trêu vua, liền quỳ tâu :
«Muôn tâu, hai câu thơ ấy không có gì lạ. Đó là hai câu tam tứ ở một bài thơ mà thần đã được nghe»

Vua truyền đọc toàn bài, ông ứng khẩu đọc rằng :

*«Bảo mã tây phong huếch hoác lai,
 «Huênh hoan nhân sự thác đề hồi.
 «Viên trung oanh chuyển khề khà ngữ,
 «Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai.
 «Xuân nhất bất văn sương lộp bộp,
 «Thu thiên chỉ kiến vũ bài nhài.
 «Khù khờ thi tứ đa nhân thức,
 «Khệnh khạng tương lai vấn tú tài».*

Nghĩa là :

*Gió đưa ngựa huếch hoác về,
 Huênh hoan người cũng tự đi theo vào,
 Khề khà oanh hót vườn nào,
 Ngoài đồng lấm tấm muốn đào nở hoa.
 Xuân không sương lộp bộp sa,
 Trời thu chỉ thấy giọt mưa bài nhài.
 Khù khờ thơ đã quen tai,
 Còn đem khệnh khạng hỏi người làng văn.*
 (Tiêu-Lang dịch)

Nghe xong, vua biết ông Quát bịa ra bài thơ để giễu mình, nhưng cũng phải chịu là có tài.

Ở Huế, thời bấy giờ, có Tùng-Thiện-Vương (con vua Minh-Mạng) lập ra Mạc-Vân Thi-Xã, có nhiều vị công khanh và quan chức tham-gia như : Tuy-lý-Vương, Tương-An Quận-Vương, Hà-Tôn-Quyền, Trương-đăng-Quế, Nguyễn-đăng-Giai, Nguyễn-văn-Siêu, v.v... đều là những nhà thơ cự-phách thời bấy giờ.

Một hôm, nhân được xem những bài thơ xướng họa của Thi-Xã, ông Cao-Bá-Quát lắc đầu bịt mũi ngâm rằng :

*« Ngán cho cái mũi vô duyên,
« Câu thơ Thi-Xã, con thuyền Nghệ-An. »*

Nghĩa là ông Cao-Bá-Quát vì cái mùi thơ của Thi-Xã với mùi phân người chổ trên thuyền Nghệ-An.

* * *

NHÀ VUA CHƠI CHỮ

Một hôm nhân rồi, Vua Tự Đức cao hứng làm một bài thơ chữ Hán, rồi trong một buổi họp bàn luận văn - chương, vua đọc cho các quan chép :

*« Tiêu-hà tá hán khởi ư phong
« Sản nhập trùng-vi nhiều trướng trung.
« Bất luận huân tiêu phàn khoái lực,
« Hốt văn hàn-tín tự tiêu không ».*

Các quan ai nấy đều hiểu như sau :

Tiêu-Hà giúp nhà Hán ở đất Phong-Bái, không dùng tới sức mạnh của Phàn-Khoái, chỉ cần ở tài Hán-Tin là nên việc.

Ai ngờ trong bài thơ trên, nhà vua dụng ý tả con muỗi :

« Tiều-hà » có nghĩa là tàu chuối, lá sen.
« Phong » là gió, « hán » là nó, « hàn-tín » là tin
lạnh, «phàn-khoái » là hun đốt.

Ông Lãng - Nhân Phùng-tất-Đắc dịch bài thơ
trên ra thơ nôm như sau :

*Bẹ chuối, dài sen nổi cánh vung,
Bay vào màn trướng quấy lung tung.
Chẳng cần phải tốn công hun đốt,
Tin lạnh vừa đưa tàu tán cùng.*

VỀ NGỰ CHẾ CHÂM BIẾM CÁC QUAN

Tháng tư năm quý-dậu (1873), vua Tự-Đức ngự giá Thuận-An, có nhiều quan văn, võ và binh lính theo hộ-giá. Thuyền rồng đến Thuận-An thì có chín chiếc tải-thuyền của Triều-đình cũng vừa ra khỏi cửa biển. Bỗng có hai chiếc tàu ô xuất hiện, xáp đến tấn công tác tải-thuyền. Vua liền ra lệnh cho quan quân hộ-giá bắn vào tàu ô, nhưng vô hiệu. Tàu ô bắt dẫn đi mất hai chiếc tải-thuyền, còn binh lính của Ngài thì bị thương rất nhiều. Vua giận lắm, trở về Nội làm một bài vè trách mắng quan quân, rồi dạy cho cung-nhân, thị-nữ trong Nội hát, làm cho cả triều đình rất xốn xang khó chịu. Bài vè ngự chế như sau :

*« Rằng năm Quý-Dậu tháng tư,
Ngửa vâng Hoàng-Thượng thánh từ Sắc ban :*

Mười hai giá ngự Thuận-An,
 Triều-đình vắn, võ quân quan hộ tòng.
 Tung bùng cờ phất, trống rung,
 Chèo ba mái nhẹ thuyền Rồng như bay.
 Càng nhìn càng đẹp càng say,
 Dẫu mà trăm cảnh không tày Thuận-An.
 Ai ngờ một phút tự nhiên,
 Bỗng đâu chín chiếc lái-thuyền chạy ra.
 Ngọn buồm trông thấy xa xa,
 Gần vờ nghe tiếng súng ra ùng ùng.
 Tàu ó hai chiếc buồm giông,
 Đều buông tiếng súng gấm cùng to gan !
 Trông buồm chạy dọc chạy ngang,
 Cấm hờn mấy lũ mấy đoàn tàu ó.
 Tung hoành «bổ mạy», «xi-lô»,
 Đưa đâm, đưa chém, đưa xô xuống tàu.
 Các quan khi ấy gọi tàu :
 «Ngửa trông Hoàng-Thượng lên lầu ngự ra».
 Lệnh truyền hộ-vệ thần-cơ :
 «Ai mà bắn đặng tàu ó nó rày,
 Quyền ban lộc thưởng cao dày».
 Sắc vờ ban xuống nấp ngay súng liễn.
 Bắn thời phát thẳng phát xiên,
 Bắn ra chẳng trúng vào thuyền tàu ó.
 Hở ra thì nó chạy vô,
 Bắt đi hai chiếc ai mô chẳng lường !
 Thấy thôi nửa giận nửa thương,
 Giận thay chúng nó, thương đường quân ta.

Đưa thời bị thuốc cháy da,
 Đưa thời bị đạn máu ra đầm mình,
 Làm cho chúng nó dễ khinh,
 Nghĩ lại giận mình chẳng biết cứu nhau.
 Phải chi diệu vơi nơi đau,
 Đã toan lập lượng chước mầu tau vô.
 Chẳng qua sự đã sờ sờ,
 Ai ai cũng lặng như tờ nin hơi.
 Nghĩ đời mà ngán cho đời,
 Làm tôi ớn uổng lộc trời lắm ru !
 Nghênh-ngang vồng vồng dù dù,
 Bài vàng thêm mảo xuân thu tháp đầu.
 Gấm không tài-cán chi đầu,
 Rồi ra mùa mỏ, vênh râu chồm chòe !
 Phen này mắt thấy tai nghe,
 Tham sanh úy tử một bè như nhau.
 Ăn thời giành trước giành sau,
 Đến khi có giặc rút đầu rút đuôi. !
 Cũng xưng là dấng làm tôi,
 Có sao chẳng biết hổ ngươi trong mình ?»

NHƯNG BÀI THƠ GÂY RA THẨM-HỌA TÀY TRỜI

Trong lịch-sử của nền văn-hóa Việt-nam, có những bài thơ đã gây ra thẩm-họa tày trời cho tác-giả vì có kẻ xuyên-tạc đem ra sàm-tấu với vì «Thiên-tử» đang trị vì. Xin kể ra sau đây hai trường-hợp điển hình nhất :

I) — TRƯỜNG-HỢP CỦA CẬU ẤM NGUYỄN- VĂN-THUYỀN

Nguyễn - văn - Thuyền là con trai của đệ - nhất công-thần Truug-quân Nguyễn-văn-Thành, nguyên là người tỉnh Thừa-thiên, dưới triều vua Gia-Long.

Thuyền là một công-tử tài ba, đỗ Cử-nhân sớm nhưng không chịu ra làm quan, mà lại lập tao - đàn ở phường Đông-Ba để tiêu - khiển bằng cầm, kỳ, thi, tửu. Thuyền lại là một trang hảo-

hơn, hay tìm cách kết thân với các văn-nhân thi-sĩ. Chính vì tánh hào-hoa phong-nhã ấy mà xảy ra câu chuyện vô cùng bi-đát sau đây :

Năm Gia-Long thứ 13 (1814), nhơn nghe ở Thanh-Hóa có hai văn-nhân lỗi lạc là Nguyễn-đức-Nhuận và Nguyễn-văn-Khuê, Thuyên làm bài thơ sau đây rồi sai người nhà tên là Nguyễn-trương-Hiệu cầm đi mời họ vào chơi :

*« Văn đạo Ái-châu đa tuần kiệt,
Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.
Vô tâm cứu bảo kinh sơn phác,
Thiên tướng phượng tri kỳ bắc kỳ.
U-cốc hữu hương thiên-lý viễn,
Cao cường minh phượng cứu thiên tri.
Thử hồi nhược đắc sơn trung tể,
Tá ngã kinh luân chuyển hóa kỳ ».*

Nghĩa là :

*Ái-châu (1) nghe nói lắm người hay,
Ao ước cầu hiền đã bấy nay.
Ngọc phác kinh-sơn tại sẵn đó,
Ngựa kỳ Kỳ-bắc biết đâu thay.
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.
Sơn-tể phen này dù gặp gỡ,
Giúp nhau xoay đổi hội-cơ này.*

(Lời dịch của Cụ Trần-trọng-Kim)

(1) Ái-châu là Thanh-Hóa.

Về phương-diện văn-chương, đó là một bài thơ xuất sắc. Tác-giả có ý tâng bốc hai ông bạn làng văn chưa quen biết: nào là ngọc phác kinh sơn, nào là ngựa kỳ kỳ bắc, nào là mùi hương trong hang tối, nào là tiếng phượng ở gò cao. Duy có hai câu kết:

*«Thử hồi nhược đắc sơn-trung-tê,
Tá ngã kinh luân chuyển hóa kỳ».*

(Sơn-tê phen này dù gặp gỡ,

Giúp nhau xoay đổi hội-cơ này),

mặc dù đó chỉ là khẩu-khi của một cậu ấm ngông-cuồng, cũng đã bị kẻ thù của ông Nguyễn-văn-Thành lợi-dụng đem ra xuyên-tạc, đến nỗi gây nên một thảm-họa tày trời: cha con ông Nguyễn-văn-Thành phải ôm hận về chín suối: cha thì tự-tử ở trong ngục, con thì bị chém đầu.

«Sơn-Trung-Tê» là gì mà gây nên thảm-họa như thế?

Theo truyện Tàu, đời Lương-Vũ-Đế (502-549), Đào-Hoàng-Cảnh học-thức uyên thâm, không chịu ra làm quan mà thích vào núi ở ẩn. Mỗi khi vua muốn hỏi ý-kiến của tiên-sinh về quốc-sự, phải cho sứ-giả vào núi tìm: nhưn đó, người đương-thời tặng cho tiên-sinh cái danh-hiệu « Sơn-Trung Tê-Tướng » nghĩa là Tê-Tướng ở trong núi.

Về phương-diện chính-trị, dưới thời quân-chủ chuyên-chế, bài thơ trên là một lợi-khí vô cùng sắc bén để hãm hại phe thù.

Nguyên trong thời kỳ Nguyễn-phúc-Ánh (tức vua Gia-Long sau này) cầm quân đánh Tây-Son để khôi phục nhà Nguyễn, hai ông Nguyễn-văn-Thành và Lê-văn-Duyệt đều lập công to, nên về sau đều được vua phong tặng chức tước lớn. Ông Lê-văn-Duyệt xuất thân ở đám hoạn-quan, gốc dân-giả, còn ông Nguyễn-văn-Thành là con nhà quý-tộc, xuất thân ở đám sĩ-phụ. Vì thế, ông Thành có ý coi rẻ ông Duyệt, nên ông Duyệt rất căm tức ông Thành.

Ông Thành có một môn-hạ tên Nguyễn-hữu-Nghi, vì bất mãn với ông Thành nên trốn qua nương náu, lập công bên ông Duyệt. Một hôm, Nghi được người bà con là Nguyễn-trương-Hiệu đưa cho xem bài thơ nói trên của cậu ấm Thuyên, Nghi lập tức phi báo cho Lê-văn Duyệt hay. Ông này không bỏ lỡ cơ-hội, bèn đem bài thơ tang chứng « phản nghịch » tâu vua: Do đó, Thuyên bị bắt giam ngay lập tức.

Vua Gia-Long vốn đã không ưa ông Thành vì hai lẽ: một là ông Thành vẫn giữ thái-độ thân mật với vua như là khi còn cùng nhau bốn ba trên đường phục quốc, một điều mà vì « Thiên-tử » tuy không nói ra nhưng chẳng thích. Hai là nhiều phen ông Thành năn nỉ xin vua lập Hoàng-tôn-Đán, con Hoàng-tử-Cảnh, làm tự-quân, là điều mà vua rất bất mãn, vì cho rằng ông Thành có dụng ý như thế là để sau này dễ bề lộng-hành. Cho nên, mặc dầu ông Thành, một hôm

tan châu, chạy theo núu áo bào của vua khóc-lóc kề-lễ thăm-thiết, vua giật áo bỏ đi vào cung, rồi từ đó cấm không cho ông Thành vào châu nữa ; và mặc dầu Binh-Bộ Tham-Tri Võ-Trình xin vua mở lượng khoan-hồng đối với Thuyên, viện cớ . Tuy bài thơ chứa đựng ý phản bội, nhưng Thuyên còn biết *« đầu thượng hữu quán thân »*, còn biết trọng Thánh-triều, bởi lẽ trong câu thơ *« U-cốc hữu « hương » thiên lý viễn »*, đáng lẽ Thuyên phải dùng chữ *« lan »* thay cho chữ *« hương »*, nhưng Thuyên biết chữ *« lan »* là chữ húy nên không dùng. Mặc dù vậy, vua Gia-Long vẫn không thêm đếm-xia đến, và oái-oăm hơn nữa, vua lại giao việc này cho Tả-quân Lê-văn-Duyệt, kẻ thù của ông Thành, cửu xét. Thế là số phận hai cha con ông Thành đã được quyết-định kể từ đây. Ông Duyệt liền cho hạ ngục ông Thành ngay mặc dầu ông này vô tội.

Trước sau, ông Thành vẫn một mực kêu oan cho con. Một hôm, trong nhà giam, ông Thành than với Thị-Trung Thống-chế Hoàng-công-Lý rằng : *« Vua bắt tôi chết mà tôi không chết là bất trung »*. Ông hòa lệ viết thư, tả nỗi oan tình rồi uống độc-dược tự-tử. Còn cậu ấm Thuyên thì bị án phân thân vô cùng bi-thảm, nguyên do chỉ vì hai câu thơ mà cậu làm trong khi cao hứng :

*«Thử hồi nhược đắc Sơn-trung-lê,
«Tả ngã kinh luân chuyển hóa kỳ».*

Trong cuốn «Việt-Nam Sử-lược», tác-giả Trần-trọng-Kim đã phê-bình vua Gia-Long như sau :

« Công-nghiệp của Ngài thì to thật, tài-trí của Ngài thì cao thật, nhưng chỉ hiềm có một điều là khi công việc xong rồi, Ngài không bảo-toàn cho những công-thần, mà lại lấy những chuyện nhỏ nhặt đem giết hại những người có công với Ngài, khiến cho hậu-thế ai xem đến những chuyện ấy cũng phải... thở dài mà thương tiếc cho những người ham mê hai chữ công-danh về đời áp-chế ngày xưa ».

Khi viết mấy dòng trên đây, chắc cụ Trần-trọng-Kim đã nghĩ đến trường-hợp đáng thương đáng tiếc của đệ-nhất công-thần Trung-quân Nguyễn-văn-Thành.

II. — TRƯỜNG-HỢP CỦA AN-PHONG-CÔNG HỒNG-BẢO

Dưới triều vua Tự-Đức, nền văn học Việt-Nam ở vào thời kỳ toàn thịnh. Trong các vua triều Nguyễn, Tự-Đức là ông vua hay chữ nhất. Suốt 26 năm trị vì, không lúc nào là Ngài không trọng-đãi văn-nhân và khuyến-khích việc học hành. Ngài chăm về việc khoa-giáp, sửa sang việc thi cử, đặt ra *Nhã-sĩ-khoa* và *Các-sĩ-khoa* để chọn lấy người văn-học ra làm quan. Ngài lại đặt ra *Tập-hiễn-viện* và *Khai-kinh-Diễn* để Ngài ngự ra

cùng các quan bàn luận văn-chương hay chánh-trị. Lại sai soạn bộ «*Khâm-Định Việt-Sử*» từ đời thượng-cổ cho đến hết đời Hậu-Lê. Chính dưới thời Ngài trị vì, đã xuất hiện biết bao tài-hoa lỗi lạc như Nguyễn-văn-Siêu, Cao-bá-Quát. Về thơ, có những thi-bá lừng danh như Tùng-thiện-Vương, Tuy-lý - Vương, Trương - An Quận - Vương, Hồng-Bảo, v.v... Hai câu thơ sau đây mà có người cho là của Ngài, còn truyền tụng cho đến ngày nay :

«*Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán,
Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường.*»

Nghĩa là : «*Văn của đời Tiền-Hán là hay nhất, thế mà văn của ông Nguyễn-văn-Siêu, ông Cao-bá-Quát còn hay hơn. Cũng như thơ đời thịnh Đường là rất hay, thế mà thơ của Tùng-Thiện-Vương, Tuy-Lý-Vương, lại hay hơn. Từ khi có bốn nhà thơ này nổi lên, thi Hán, Đường mất tiếng.*» (Lời dịch của Cụ Ứng-Trình).

Về Văn-học thì thế, nhưng về chính-trị, vua Tự-Đức không ngần ngại sát hại những văn-nhân, thi-sĩ, dù là thân-thích ruột-rà, mà ngài nghĩ là có tư-tưởng đối lập. Câu chuyện sau đây là một bằng chứng :

Trong một buổi họp Tao-Đàn mà Ngài làm Nguyên-súy, Ngài ra đề thi là «*Vô đề*» với những sự bắt buộc như sau : Tám chữ đầu của tám câu phải là : «*Phong, hoa, tuyết, nguyệt, cầm, kỳ, thi, họa*». Trong mỗi câu thơ, lại phải có một

chữ số theo thứ tự : « Nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát ».

Với sự hạn-chế như thế mà An-Phong-Công Hồng-Bảo (anh ruột của Ngải) cũng đã làm được một bài thơ tuyệt-tác như sau :

VÔ ĐỀ

*Vân đạm, phong khinh, nhất diệp châu,
Hoa cù ửn ước nhị tầng lầu.
Tuyết ngưng địa thượng tam đông lãn,
Nguyệt đảo thiên trung tứ bích sầu.
Cầm vận ngũ huyền ca nhĩ hứng,
Kì vi lục cuộc thức doanh thâu.
Thi thành thất bộ chung hoài cổ,
Họa nhập Tiêu Tương bát cảnh đầu.*

Nghĩa là :

*Gió nhẹ, mây êm, một lá thuyền,
Lầu hai lớp ló khóm hoa hiên.
Ba đông tuyết phủ đồn hơi lạnh,
Bốn vách trắng soi gọi nổi phiền.
Đàn gảy năm dây ca hát thú,
Cờ vây sáu cuộc đổi thay phiên.
Thơ xong bảy bước xui hoài cổ,
Bút họa Tiêu Tương tám cảnh tiên. (1)*

(Quỳ-Uu Nguyễn-đôn-Dư dịch)

Vua khen hay và ngâm nga mãi. Nhưng có kẻ

ghét Hồng-Bảo xuyên-tạc ý thơ và sàm tấu, cho rằng câu thơ :

« *Nguyệt đảo thiên trung tứ bích sầu* »

là có ý chỉ trích vua, cho rằng vua thuộc về Âm, về tà, chứ không thuộc về dương, về chánh như Hồng-Bảo, cho nên khi trăng lên giữa trời là gieo thảm gieo sầu cho thiên-hạ.

Sẵn có lòng nghi-ky Hồng-Bảo nuôi ý thoán-vị, vua Tự-Đức cho lời nói trên là có lý, nên về sau, nhơn vụ án Hồng-Bảo âm-mưu đảo-chánh, vua đã thẳng tay trừng-trị Hồng-Bảo như chúng ta đã biết (xin xem bài « Răng cắn lưỡi » ở trên.

(1) Tám bức họa tuyệt đẹp do Tống-Địch vẽ ra là :

- 1-Bình sa nhận lạc (bãi cát nhận sa)
- 2-Viển phổ phạm quy (bến xa buồm về)
- 3-Sơn thị tình lam (trời quang mây tạnh nơi núi và chợ)
- 4-Giang thiên mộ vân (trời nước mây chiều)
- 5-Động-Đình thu nguyệt (trăng thu ở Động-Đình)
- 6-Tiêu Tương dạ vũ (mưa đêm ở sông Tiêu sông Tương)
- 7-Yên tự văn chung (khói chùa và tiếng chuông chiều)
- 8-Ngư thôn tịch chiếu (xóm chài bóng ngả)

NHỮNG CÂU CA-DAO CHÂM-BIỆM VIỆC XÂY CẮT KHIÊM-LĂNG CỦA VUA TỰ-ĐỨC

Dưới thời phong-kiến, các vua chúa thường cho xây lăng-tẩm của mình trước khi an giấc nghìn thu. Công việc xây cất ấy, ngoài sự gây tổn phí lớn lao cho công nho, nhiều khi còn gây thiệt hại biết bao nhiên là nhân-mạng khiến cho dân-chúng đồ-thán. Trong lịch-sử Ai-Cập, việc các vua Pharaons cho xây cất các ngôi mộ Kim-tự-Tháp là một thí-dụ điển-hình.

Còn ở việt-nam, dưới triều vua Tự-Đức, trong lúc sinh thời, vua ra lệnh xây cất lăng-tẩm của mình gọi là «Vạn-niên-Cơ», tức là Khiêm-Lăng, tại làng Dương-xuân-Thượng ở phía Tây-Nam thành phố Huế.

Qua các câu ca-dao còn truyền tụng cho đến ngày nay, người ta được biết việc xây cất Khiêm-Lăng đã gây ra nhiều công-phần trong đám thợ-

thuyền binh lính bị trưng-tập vào công xiệc xây cất đố. Lòng oán hận nhà vua và tiếng căm hờn của họ được cô đọng lại trong câu ca-dao :

«Vạn-niên là vạn niên nào ?

«Thành xây xương lính, hào đào máu dân» !

Thật ra, khi hạ lệnh xây cất «Vạn-niên-Cơ», vua Tự-Đức đã ấn-định công việc xây cất phải được hoàn tất trong vòng sáu năm. Nhưng viên Biện-Lý Công-Bộ là Nguyễn-văn-Chất, muốn lấy lòng vua, lại tâu xin hoàn thành trong khoảng ba năm mà thôi. Vua bèn ra lệnh cho biện Chắt cùng Thống-Chế Nguyễn-văn-Xa đôn-đốc việc kiến-trúc và đặt lệ cho thợ-thuyền binh-sĩ phục-dịch, cứ sáu tháng thay phiên một lần để nghỉ ngơi dưỡng sức. Nhưng vì muốn làm cho chóng xong việc đề tâng công, Biện Chắt và Thống-chế Xa không cho họ nghỉ-ngơi thay phiên gì cả. Họ phải làm lụng khổ-sở, lương bổng thì ít ỏi, ăn mặc thì thiếu thốn, sinh ra đau ốm chết chóc rất nhiều, nên họ rất oán-thán. Lúc ấy có câu ca-dao rằng :

«Thế-gian Đặng-Trở (1) là đầu,

«Chiếc thuyền thương-mãi qua Tàu qua Tây.

«Một thằng Biện Chắt nên ghê,

«Xem quân như cỏ chẳng hề xót thương» !

(1) tức Đặng-huy-Trở, Biện-lý Bộ Hộ, có tiếng là khảng-khái và thanh-liêm, đã được vua phái ra hải-ngoại đề trừ tính việc giao-thương với nước ngoài.

Công việc xây cất « *Vạn-niên-cơ* » bắt đầu từ năm 1864 và hơn ba năm sau mới hoàn thành. Trong khoảng thời-gian ấy, có xảy ra vụ khởi loạn chống lại nhà vua do Đoàn-hữu-Trung cầm đầu với sự tham-gia của các em là Đoàn-tư-Trực, Đoàn-hữu-Ái, Đoàn-Hòa và Đoàn-Thi, và với sự cộng-tác của Trương-trọng-Hòa, Phạm-Lương kết làm « *Sơn-Đông-Thi-Tử-Hội* ».

Đoàn-hữu-Trung, người làng An-Truyền (lục danh là làng Chuồng), huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên, là một thanh-niên tài-ba lỗi-lạc, tuổi mới 20 mà sĩ-phu thời bấy giờ đã cầm chắc là bậc khoa-giáp. Năm 1864, Trung lấy con gái trưởng của Tùng-Thiện-Vương là Thê-Cúc, một giai-nbạn tài sắc tuyệt vời.

Lợi-dụng lòng công-phẫn của binh lính thợ-thuyền, anh em Đoàn-hữu-Trung định dựa vào họ để lật đổ vua Tự-Đức và sau đó lập Ưng-Đạo, con trưởng của An-phong Công-Hồng-Bảo (1) (anh vua Tự-Đức), lên làm vua. Anh em Đoàn-hữu-Trung mới chiêu dụ bọn binh lính, thợ hồ, thợ voi làm ở Vạn-niên-Cơ để khởi sự, có quan hữu-quân Tôn-thất-Cúc làm nội-ứng. Đêm mồng 8 tháng 8 năm Tự-Đức thứ 19 (tức năm Bính-Dần, 1966), anh em Đoàn-hữu-Trung kéo họ vào

(1) Hồng-Bảo âm-mưu khởi loạn chống vua Tự-Đức bị thất bại, bị bắt và kết án tử-hình năm 1853, và qua năm 1854 thì chết thất cô trong ngục. (xin xem bài « Răng cắn Lưỡi » ở trên).

Hoàng-Thành để hạ bệ vua Tự-Đức. Dẫn đầu là một lá cờ to tướng, có thêu bốn chữ « *Ngũ Đại Hoàng Tôn* » vì từ Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế (tức vua Gia-Long) truyền đến Ưng-Đạo vừa đúng năm đời.

Việc không thành, vì có quan Chưởng-vệ là Hồ-Oai đóng được cửa Điện lại kịp thời, tuy đã bị chém ở cánh tay phải, anh em Đoàn-hữu-Trung và đồng-đảng bị bắt và bị giết. Tôn-thất-Cúc thì tự-vận, còn cả nhà Ưng-Đạo cũng bị họa lây. Vì bọn thợ vôi, thợ hồ đi theo Đoàn-hữu-Trung lúc khởi loạn, có cầm chày giã vôi trong tay, nên mới có tục danh là « *giặc chày vôi* ».

Tướng cũng nên nhắc lại đây thái-độ đầy khí-phách anh-hùng của anh em Đoàn-hữu-Trung sau khi bị bắt : Khi bị tra tấn, Đoàn-hữu-Ái khai : « *Việc này tự tôi gây nên, chứ không bị ai sai khiến.* » Khai xong, Ái liền cầu cổ tự-tử. Vua sai chém bêu đầu.

Rồi đến lượt Đoàn-hữu-Trung và mấy người em khác bị tra tấn. Họ đều khai rằng :

« *Việc thành thì làm vua thiên-hạ, việc chẳng thành thì làm quý dưới đất, hà tất phải tra hỏi nhiều làm chi* ». Quan Binh-Bộ Thượng-Thơ bấy giờ là Lê-Bá-Thận, sai đem kèm sắt nung đỏ ra kim kẹp tra khảo họ. Lúc kẹp thì tội-nhân cắn răng và nhắm nghiền mắt lại, nhưng sau khi kim xong, họ lại cười nói như thường, đến nỗi cả hai vế đuôi của họ chỉ còn trơ lại xương không

mà họ vẫn không chịu khai. Thật là một gương anh-hùng hiếm có.

Tương truyền rằng Hồng-Nhậm (sau này là vua Tự-Đức) là con của Trương-đăng-Quế (1), lúc bấy giờ là một quyền thần rất có thế lực tại Triều, lại là chồng của một bà Công-chúa em vua Thiệu-Trị, nên xuất nhập bất cấm ở cung điện nhà vua. Nhơn dịp vợ vua Thiệu-Trị là bà Từ-Dũ Hoàng-Thái-Hậu và vợ Quế cùng sanh con trai nhậm một ngày, Quế lợi-dụng sự bất cấm nói trên để đem con trai mình tên là Trương-quang-Đản vào Nội (giấu vào trong tay áo thụng) đánh lộn sòng vơi con trai vua Thiệu-Trị. Trong hàng nội-giám và thị - nữ trong cung, có người hay chuyện nhưng không ai dám hé môi vì sợ Quế hảm hại.

Có lẽ đó cũng là một duyên-cớ cho Đoàn-hữu-Trung vin vào để lật đổ vua Tự-Đức và sách-lập con trưởng của Hồng-Bảo là Ung-Đạo lên ngôi.

Trong khi bị giam và trước khi thọ hình, Đoàn-hữu-Trung đã sáng tác bài thơ trường-thiên nhan-đề là «Trung-Nghĩa Ca». Bài thơ trường-thiên này, gồm có 498 câu, đã được ông Bùi-quang-Tung lục đăng trọn vẹn trong Tạp-chí Viện Đại-học Huế số 34 tháng 8 năm 1963.

(1) Một ông Thầy Địa đã tiên đoán về họ Trương:
«Tam đời công-hầu nhất đời vương».—

Ông Bùi-quang-Tung đã phân tách các đoạn quan hệ như sau :

«Trong một đoạn đầu, tác-giả (Đoàn-hữu-Trung) nhắc lại tình-hình nghiêm trọng của nước nhà dưới Triều Tự-Đức như sau :

*«Hay đâu gió bụi quanh trời,
Can qua đầy đất côi ngoài chũng an.
Thuyền Tây khói lửa dọc ngang,
Lui nơi Đà-Nẵng lại sang Cần-Giờ,
Làm cho trăm họ ngẩn ngơ,
Lò hương mưa bọt, giòng thờ gió nghiêng».*

«Sau đó, tác-giả cho ta biết sự bất lực của Triều-đình trước sự thao túng của ngoại bang :

*«Có đâu sóng dậy đất bằng,
Chẳng ai bắt được một thằng giặc Tây.
Bởi vì lương tướng không tài,
Khéo đem binh lính bỏ thây chiến-trường».*

«Tờ Hòa-ước Pháp-Việt 1862 nhường ba tỉnh Nam-Kỳ (Gia-định, Biên - hòa, Định-Trường) cho Pháp và chịu đóng góp cho Pháp-đình một số tiền bồi thường chiến-tranh to tát làm cho trăm họ bất bình, được tả như sau :

*«Tiếc thay nghiệp cũ giang-san,
Ba thành bằng mất ai hoàn lại cho.
Đua chen Hoa lộn với Hồ,
Máu tanh nhuộm khắp một bầu giang-san.*

.

*Một dây bó chặt chữ hòa,
Của tiền trả mãi, lĩnh ba cắt dành».*

«Tình hình nội-trị lại thối nát :

*«Xâu bới đóng góp nặng nề,
Cực thày lính dưới, sướng về quan trên».*

.

*Nhiều nơi phủ trọng hình oan,
Binh kêu đói rách, dân van khó nghèo !»*

« Còn sự đau khổ thiếu thốn của linh dân
trung dụng để kiến tạo Khiêm-lăng được tả bi-
thiết như sau đây :

*«Tôi thăm công sở Vạn-niên,
Lùa quân treo ngược đầy miền núi non.
Đói vai gánh đá xương mòn,
Móng tròn roi đánh chẳng còn mảng da.
Đưa người cắt đá xông pha,
Cả đêm vôi quét chẳng tha anh nào,
Kẻ thời sức mồn hơi hao,
Người thời mắc lấy ốm đau chẳng lành.
Người thời quần áo tan tành,
Miệng thêm khát nước, dạ dành đói cơm
Phá tan một cõi trời Nam,
Xương xây thành kín, máu làm hào sâu.
Ghẻ sang ruồi đậu kiến bầu,
Đày chơn sắt đóng rồi dầu tơ quây.
Có đâu sướng đặng lâu ngày,
Ly-sơn thuở trước tôi rày in không.*

Kia chàng Biện Chất đốc-công,
 Cầu yên một chúa mất lòng muôn dân.
 Trăm bề sâu độc lười giăng,
 Thời trong buổi tối đất bằng sấm nghiêng.
 Thương quân lương sạch đồng tiền,
 Cơm lương gắp nuốt nước phèn chua le.
 Nặng dang đầu chẳng chỉ che,
 Đến cơn mưa gió dầm dề lạnh da.
 Bạc ban khéo lộn đồng già,
 Đói ăn khó đổi được và củ khoai»

«Trong đoạn khác, tác-giả lại bàn đến các việc
 đã xảy ra trong Triều, sau khi vua Thiệu-Trị
 băng, làm cho Hồng-bảo mất ngôi như sau :

«Cởi ròng vừa thuở thắng thiên,
 Kim ngôn Sắc để ngôi truyền trì quân.
 Vì Trương-đăng-Quế tôi gần,
 Dùng mưu kiêu chiêu xây vắn cho ai» ?

«Sau đó tác-giả diễn tả lại tình-cảnh thương-
 tâm của các con Hồng-Bảo bị giam cầm trong
 ngục thất :

«Lời gièm ton-ngót bên tai,
 Thừa-Thiên ngục-thất đem về câu giam,
 Ai ai thấy dạ thương thăm,
 Lụy tuôn đôi mắt kim châm chín chiu.
 Một gian ngục-thất buồn thiu,
 Mấy thu nắng lửa mưa dầu biết chi l»

«Vì vậy nên tác-giả và các đồng-chí mới định mưu toan lập lại Đinh-Đạo là dòng chính-thống lên làm vua :

*«Chi bằng ra sức phò trời,
Đem về chánh-thống mới hay tôi lành».*

«Còn vua Tự-Đức thì tôn làm Thái-Thượng-Hoàng :

*«Trước tôn vua Thái-Thượng-Hoàng,
Sau tôn Ngũ-dại đồng đường lên ngôi».*

«Để kết-luận, tác-giả tiếc rằng không thành công được như ý muốn, đành cam số phận bị án tử-hình và đợi cái chết đau đớn (xử lãn tri) sắp đến một cách bình thản và cao-thượng :

*«Tôi chưa oán trả ân đền,
Cầu mau nhưt tử may liền tái sinh».*

«Trong những câu cuối của bài ca, tác-giả trước khi từ biệt cõi trần, xin hậu-thế lấy công tâm mà suy xét :

*«Kìa ai đem dạ mà thương,
chớ vu bạn nghịch mà oan tặc lòng.*

* * *

Sau khi cuộc âm-mưu đảo-chánh của Đoàn-hữu-Trung thất bại, nhiều người bị bắt và bị xử tử. Đến khi vụ án đã hoàn tất rồi mà vẫn còn nhiều

người bị tố cáo làm phản, khiến cho nhiều kẻ vô can mà phải bị liên lụy và hàm oan.

Giữa lúc ấy, thì quan kinh-lược Bắc-Kỳ là Nguyễn-tri-Phương và quan Tổng-Đốc Nam-định là Võ-trọng-Bình đang ở ngoài Bắc, tiếp được Chỉ-Dụ triệu về Kinh, nhận thấy tình-bình như vậy, bèn tâu xin vua cho kết-thúc vụ án để chấm dứt mọi liên lụy. Bởi vậy, thời bấy giờ mới có câu ca-dao :

*«Thanh-liêm có Võ-trọng-Bình,
«Thành-nghiêng muốn chống một mình sao xong.
«Nguyễn-tri-Phương bạch đầu ông,
«Sống không được mấy giờ xong nạn đời».*

(Viết theo tài-liệu của Trần-gia-Thoại đăng trong tập «Giai-thoại văn-chương» và tài liệu của Bùi-quang-Tung đăng trong tạp-chi Viện-Đại-học Huế số 34 tháng 8 năm 1963)

BỐN «ANH-HÙNG» NƯỚC NAM

Vào khoảng hậu bán thế-kỷ thứ 19, sau khi nước Pháp đặt xong nền bảo-hộ lên nước Nam bằng Hòa-ước Patenôtre 1884, và sau khi việc đánh úp quân Pháp tại Huế năm 1885 bị thất bại, thì ở Huế, trong dân-gian, người ta truyền khẩu với nhau câu ca-dao sau đây, không rõ xuất xứ từ đâu :

*«An-Nam có bốn anh hùng,
«Trường gian, Viêm lão, Khiêm hùng,
Thuyết ngư»*

Rõ ràng là câu ca dao ấy có tính cách châm-biểu. Bốn nhân-vật được nêu tên đều có dự phần ít nhiều vào thời-cuộc lúc bấy giờ. ấy là các ông Nguyễn - văn - Trường, Hoàng - kế - Viêm, Ông-ích-Khiêm và Tôn-thất-Thuyết. Tựu trung, hai ông

Nguyễn-văn-tường và Tôn-thất-Thuyết giữ một vai trò quan trọng hơn cả.

Họ là ai và họ đã làm gì để phải bị dư-luận đương thời mỉa mai một cách chua chát như vậy?

Chúng ta thử ôn lại sơ qua một số dữ-kiện lịch-sử thuộc vào giai-đoạn có thể nói là đen tối vào bậc nhất của nước nhà (mất quyền tự chủ) để xem tại sao có câu ca dao trên :

NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG và TÔN-THẤT-THUYẾT

Sau khi vua Tự Đức mất (ngày 17-7-1883), thì việc gì trong Triều-đình cũng đều do hai quan phụ-chánh là Nguyễn - văn - Tường và Tôn - thất-Thuyết chuyên quyền định đoạt.

Trong vòng có mấy tháng mà hai ông ấy phế lập đến ba vua (Dục Đức, Hiệp-Hòa và Kiến-Phúc) Những trung thần nào dám lên tiếng can ngăn hoặc chỉ trích hai ông, liền bị hãm hại ngay: như trường-hợp của quan Ngự-sử Phan-đình-Phùng can gián hai ông phế bỏ vua Dục Đức, liền bị bắt giam rồi cách chức đui về nguyên quán, và trường hợp của quan phụ-chánh Trần-tiến-Thành không theo ý hai ông phế bỏ vua Hiệp Hòa, liền bị hai ông sai người giết chết. Cho nên trong Triều, từ hoàng-thân quốc-thích cho đến các quan, không ai dám hó hé, vì sợ rước họa vào mình.

Ông Tôn-thất-Thuyết nắm binh-quyền là người có tính hung hãn, hay chém giết, nhưng tài trí

lại kém, nhát gan và hay đa nghi. Ông mộ quân «phấn-nghĩa» để giữ mình và thường tiếm dùng nghi-vệ của nhà vua.

Tương truyền rằng ông Thuyết có tánh khó ngủ, hề có tiếng chó sủa hay tiếng run rẻ kêu là không thể nào ông ngủ được, mà hề đêm nào ông không ngủ được là nội ngày mai, thế nào cũng có sự chém giết dân, dù chỉ vì một cơ rất nhỏ mọn, cho nên ông Thuyết ngủ lại đêm nơi nào, thì nơi đó, dân-gian lo giết hết chó và lấy nước sôi tưới lên đất để giết hết run rẻ.

Còn ông Nguyễn-văn-Tường nắm quan lại, là người học giỏi tài cao, ăn nói hoạt bát, giao thiệp khéo léo, nhưng lại có tánh tham lam và tà dâm.

Ông Tường nhận tiền hối lộ của bọn người Tàu, cho chúng đem «*tiền sên*» là một thứ tiền niên-hiệu Tự-Đức, mỏng và xấu, đúc ở bên Tàu đem sang, bắt dân-chúng phải tiêu, ai không tiêu thì phải tội.

Vua Kiến-Phúc lên ngôi hơn sáu tháng thì ngọa bệnh. Đêm, vua thấy Nguyễn-văn-Tường lên vào trong cung cấm và có những cử chỉ bất chánh với bà mẹ nuôi của vua là bà Học-Phi, nên vua quở trách, thì sáng hôm sau, vua ngộ thuốc mà chết.

Hai ông Tường và Thuyết bèn chọn Ưng-Lịch, lúc đó mới có mười hai tuổi và còn đang ăn mặc rách rưới chơi đùa với các trẻ con nhà bình-dân ở ngoài đường, lên ngôi, lấy niên-

hiệu là Hàm-Nghi. Nhưng đối với hai ông, điều đó không quan trọng bằng làm sao cho có một ông vua bù-nhìn để hai ông dễ bề thao túng Triều-đình.

Việc đánh úp quân Pháp đêm mồng 4 rạng ngày 5-7-1885 tại Huế, là do hai ông quyết-định, chứ nhà vua không hay biết gì cả.

Trước đó, vào ngày 3-7-1885, Thống-tướng De Courcy cho đòi hai quan phụ-chánh là Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường sang Tòa Khâm-sứ để bàn về việc Thống-tướng vào Nội-tiên yết-kiến vua Hàm-Nghi. Nhưng vì ông Thuyết biết âm-mưu «đòi» ông sang Tòa-Khâm là để giữ ông lại luôn,— âm-mưu này do bọn bồi bếp Tòa-Khâm tiết lộ ra ngoài,— nên ông Thuyết cáo bệnh không đến mà chỉ để ông Tường cầm đầu phái-đoàn đến mà thôi. De Courcy bảo : *«Nếu ông Thuyết ốm thì phải đi vắng mà sang»*.

Thấy tình-hình thật gay cấn, trưa ngày 4-7-1885, một phái-đoàn khác thuộc Cơ-Mật-Viện lại sang Tòa-Khâm để xin tiếp tục bàn về nghi-lễ yết-kiến, nhưng De Courcy không tiếp. Đã thế, bà Từ-Dũ Thái-Hậu sai người đem phẩm-vật sang tặng, De Courcy cũng khước-từ luôn.

Tôn-thất-Thuyết thấy De Courcy ra oai như thế, phần thì tức giận, phần thì sợ, bèn quyết-định sửa soạn *«sống chết cũng liều một phen»* để đánh nhau, biết đâu địch trở tay không kịp, và ra lệnh khai hỏa vào nửa đêm hôm đó.

Chiều hôm 4-7-1885, Thống-tướng De Courcy làm tiệc đãi các quan Pháp. Lúc tiệc vừa tan, thì súng ở trong Thành-nội bắn qua đùng đùng. Quân Pháp thấy thành linh nửa đêm quân ta đánh phá như vậy, chưa biết thế nào, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến sáng ngày 5-7-1885 mới tiến lên đánh, thì quân ta thua chạy. Tổng kết vụ đánh úp, quân ta bị chết khoảng từ 1.200 đến 1.500 người, về phía quân Pháp có 16 người chết.

Bị đánh tan, quân ta rút hỗn độn khỏi thành qua các cửa Đông-ba và cửa Hữu. Vua Hàm-Nghi, bà Từ-Dũ Hoàng-Thái-Hậu (mẹ Tự Đức), bà Thái-Hậu Thuận-Hiếu (vợ Tự-Đức và mẹ nuôi Dục-Đức, bà Học Phi (vợ thứ của Tự-Đức và mẹ nuôi của Kiến-Phúc) và đoàn tùy tùng cũng theo cửa Hữu mà chạy lên phía Trường-thị-Võ thuộc làng An-ninh-Hạ, cạnh chùa Thiên-Mu.

Đến trưa ngày 5-7-1885, Nguyễn-văn-Tường trốn vào nhà ông Giám-mục Caspard ở Kim-Long rồi nhờ ông ấy đưa ra đầu thú với Thống-Tướng De Courcy. Ông này phục chức phụ-chánh cho Tường, cho ở Thương-Bạc-Viện, có một toán lính Pháp coi giữ, và hẹn trong 2 tháng phải làm thế nào cho mọi việc đều được đẹp đẽ.

Còn Tôn-thất-Thuyết thì hộ tống xa - giá và Tam-cung từ Trường-thị ra Quảng-Trị vào tối ngày 6-7-1885. Qua ngày 9-7-1885, Thuyết nghe tin có tàu Pháp sắp đến, bèn rước vua lên Tân-Sở, để Tam-cung ở lại Quảng-Trị. Ít hôm sau, Tam-cung

trở về Huế sau khi tiếp được thư của Nguyễn-văn-Tường xin rước xa-giá trở về Đê-đô.

Bị quân Pháp rượt đuổi gấp rút, Tôn-thất-Thuyết bỏ Tân-Sở rước vua ra Quảng-Bình vào ngày 19-7-1885. Ở đây, Tôn-thất-Thuyết cho làm hịch Cần-Vương, truyền đi khắp nơi, kêu gọi kháng-chiến cứu quốc. Nhưng rồi thấy thế không chống nổi quân Pháp, bèn bỏ vua Hàm-Nghi ở lại đồn Vê, thuộc huyện Tuyên-Hóa, tỉnh Quảng-Bình (có các con của Thuyết là Tôn-thất-Đạm và Tôn-thất-Thiệp gìn giữ), rồi đi đường thượng đạo ra vùng Hưng-Hóa theo thượng-lưu sông Đà lên Lai-Châu nương tựa vào họ Điều. Đến khi nghe quân Pháp lên đánh, liền bỏ họ Điều mà trốn sang Tàu. Con cháu họ Điều kể chuyện lại rằng khi Tôn-thất-Thuyết đến Lai-Châu, còn có mấy chục bộ hạ đi theo. Nhưng ở đấy một độ, Thuyết chém giết gần hết. Về sau, Thuyết chết già ở Thiều-Châu, thuộc tỉnh Quảng-Đông bên Tàu.

Ngày 1-11-1888, do sự phản bội của hai tên Nguyễn-đình-Tĩnh và Trương-quang-Ngọc, vua Hàm-Nghi bị bắt ở làng Tả-Bảo (Quảng-Bình) rồi nộp cho Pháp. Pháp đem vua xuống tàu thủy về Thuận-An rồi đem đày sang xứ Algérie (Bắc Phi-Châu). Về sau, vua Hàm-Nghi lấy một người vợ Pháp sanh được hai con: một là công-chúa Như-Mai sau này đỗ kỹ-sư canh-nông và lấy chồng Pháp, và một hoang-tử là Minh-Đức, đến nay không có tin tức gì.

Về phần Nguyễn-văn-Tường, đến ngày 6-9-1885 là đảo hạn mà De Courcy đã cho Tường đề lo thu xếp mọi việc cho đẹp đẽ, nhưng Tường chẳng làm được trò trống gì cả, mặc dầu Tường đã ra tuyên cáo kết tội ông Tôn-thất-Thuyết, mang quân đi lùng bắt vua Hàm-Nghi và ông Thuyết, bắt giam cha ông Thuyết, v.v... nên De Courcy đày ông Tường ra Côn Lôn rồi sau đày qua Tahiti. Ông chết già ở đó vào khoảng tháng 2 năm 1886 và đến ngày 30-7-1886, thi xác được đưa về quê nhà mai táng.

HOÀNG-KẾ-VIÊM

Ông Hoàng-kế-Viêm là một phò mã (1), đồng thời cũng là một quan võ có công đánh dẹp giặc giã và kháng Pháp đắc lực ở Bắc Hà từ năm 1870 cho đến năm 1884.

Năm 1870, ông được Triều-đình cử ra Bắc làm Lạng-Bình-Ninh-Thái thống-đốc quân-vụ đại-thần, cùng với quan tán-tương Tôn-thất-Thuyết đi dẹp giặc khách là Tô-Tứ ở tỉnh Lạng-Son.

Cuối năm 1873, trong khi quân Pháp, dưới quyền chỉ-huy của đại-úy Francis Garnier, đánh chiếm Hà-Nội lần thứ nhất, thì ông được cử làm Tiết-chế quân-vụ đóng ở Sơn-Tây, có đảng Cờ-Đen

(1) Hoàng-kế-Viêm là chồng của công chúa Hương-Lan con vua Thiệu-Trị.

là bọn Lưu-vĩnh-Phúc về giúp. Quân Cờ-Đen đem quân về đóng ở mạn phủ Hoài-Đức. Ngày 21.12. 1873, quân Cờ-Đen về đánh Hà-Nội. Francis Garnier đem quân đi đánh đuổi, lên đến Cầu Giấy thì bị phục-quân giết chết.

Năm 1880, vì Bắc-Hà có giặc-giã luôn cho nên Triều-đình đặt ra chức Tỉnh-biên-sứ để giữ các nơi về đường ngược. Ông Hoàng-kế-Viêm được phong làm Tỉnh-biên-sứ coi hai đạo Lạng-Giang và Đoan-Hùng.

Năm 1882, khi quân Pháp dưới quyền chỉ-huy của đại-tá Henri Rivière, hạ thành Hà-Nội lần thứ hai, thì quan tiết chế Hoàng-kế-Viêm đem quân về đóng ở mặt Mỹ-Đức để chống giữ, rồi sau phải lui quân về phía Bắc-Ninh trước khí thế tấn công của quân Pháp. Cũng như lần trước, Hoàng-kế-Viêm sai Lưu-vĩnh-Phúc làm tiên-phong đem quân về đóng ở phủ Hoài-Đức và giết được Henri Rivière trong một trận phục-kích

Sau khi quân Pháp lấy thành Bắc-Ninh, Sơn-Tây và thành Thái-Nguyên rồi, Hoàng-kế-Viêm rút quân về giữ ở mạn Hưng-hóa. Nhưng rồi Hưng-hóa cũng thất thủ, quân Cờ-Đen đốt hết phố xá trước khi bỏ thành Hưng-hóa rút lên mạn ngược. Còn bọn ông Hoàng-kế-Viêm thì kéo lên mạn núi, rồi đi đường thượng đạo rút về Kinh, bị triều-đình lột hết chức tước.

Sau khi vua Hàm-Nghi xuất hôn, Thống-tướng De Courcy sai ông De Champeaux đến yết kiến đức

Tư-Dũ đề xin lập ông Chánh-Mông là Kiên-Giang Quận-công lên làm vua.

Ngày 14.9.1885, ông Chánh-Mông phải thần hành sang bên Tòa Khâm-Sứ làm lễ thụ-phong rồi làm lễ tấn-tôn, lấy niên-hiệu là Đồng-Khánh.

Tuy nước Nam đã có vua mới rồi, nhưng ở Trung-Kỳ, quân Cần-vương ở các tỉnh vẫn đánh phá, quân Pháp và quân của Triều-đình Huế đi đánh dẹp mà không sao dẹp nổi. Muốn dẹp cho yên, họ phải lòng bắt vua Hàm-Nghi cho ký được.

Năm 1886, Pháp bảo vua Đồng-Khánh khôi phục nguyên hàm cho Hoàng-kế-Viêm rồi phong cho làm Hữu-Trực-Kỳ An-Phủ kinh-lược đại-sứ (1) với toàn quyền hành động, đề chiêu dụ vua Hàm-Nghi và các quan cựu thần về. Trong tờ Dụ giao cho họ Hoàng (đã được Thống-đốc Paul Bert đồng ý), đại ý nói rằng: « Nếu vua Hàm-Nghi mà quy thuận, thì sẽ phong cho làm Tổng-trấn ba tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh và cho hưởng lương bổng như một cấp vương. Còn các quan cựu thần mà về quy thuận thì sẽ được phục hồi nguyên chức, cho làm quan từ tỉnh Quảng-Trị trở vào ».

Tháng 11 năm 1886, Hoàng-kế-Viêm mang 300 lính khố xanh ra Quảng-Bình, cho người đi

(1) Hữu-Trực là Quảng-trị, Quảng-bình; Hữu-kỳ là ba tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh.

chiêu dụ các quan cựu thần về, nhưng không ai thềm thưởng ứng cả, chỉ có vài kẻ không mấy quan-trọng ra quy thuận mà thôi. Bởi vậy, việc Hoàng-kế-Viêm ra kinh-lược cũng không có kết-quả, cho nên qua năm 1837 lại phải tiếp tục

ÔNG-ÍCH-KHIÊM

Từ năm 1865 đến năm 1875, trong lúc giặc-giã nổi lên ở Bắc-Kỳ vua Tự-Đức cử ông Ông-ÍCH-Khiêm ra Bắc để dẹp giặc. Nhờ có tài võ và đánh giặc giỏi, ông đã lập được nhiều công-trạng: như là năm 1865, ông đã phá được quân giặc Tạ-văn-Phụng lấy lại thành Hải-Ninh do giặc chiếm giữ. Năm 1868, ông đánh phá giặc Ngô-Côn ở Thất-Kê và năm 1870, ông bắn chết Ngô-Côn ở tỉnh-thành Bắc-Ninh và phá tan quân giặc. Nhờ vậy, ông được vua phong cho chức đốc-binh rồi tiểu-phủ-Sứ. Người đương thời gọi ông là Cụ Sơn Phong-Lệ hay Cụ Tiểu Phong-Lệ, vì ông sanh ở làng Phong-Lệ, huyện Hòa-vang, tỉnh Quảng-Nam.

Năm 1875, ông lại được vua cử ra Bắc-hà để coi việc phòng-thủ tỉnh Hải-Dương dưới quyền Tổng-dốc Phạm-phú-Thứ và Tổng-dốc Ninh-Thái là ông Tôn-thất-Thuyết.

Đến tháng 8 năm 1883, ông có dự vào cuộc chống Pháp ở cửa biển Thuận-An (Huế).

Ông Ông-ích-Khiêm có tánh cương-trực, ngạo

đời, không chịu khuất phục ai, nhất là tỏ ra bất khuất đối với hai quyền-thần đương thời là Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết.

Cái tánh ngạo nghễ của ông đã nổi tiếng. Ông xem Triều-đình như không có người, nên thỉnh-thoảng để lộ ra lắm cử-chỉ mỉa mai, ngạo mạn, vì lòng nhiệt-thành yêu nước.

Người ta kể chuyện rằng:

Khi ông ra nhậm chức ở Bắc-hà, ông đến trình diện Tổng-đốc Thái-Ninh Tôn-thất-Thuyết. Ông này tiếp đãi ông rất tử tế, coi như là anh em bạn, cùng ngồi ăn một mâm. Trong lúc ăn, ông Khiêm nói: *«Biết nhau đã lâu năm, nay tôi xin con anh: nghe nói anh đánh giặc rất hăng, nhưng giết dân ta nhiều quá, dân lấy làm khổ-sở. Còn tôi, Khiêm này chỉ giết quân Tàu và quân phản loạn thôi, không khi nào giết hại dân ta»*. Nghe xong, ông Thuyết cười gằn không trả lời. Mối hiềm khích giữa hai ông sinh ra từ đây.

Người ta còn kể chuyện rằng:

Có lần ông Khiêm thiết tiệc các quan trong Triều, nhưng ông dặn trước đăn bếp không được pha trà như thường lệ sau bữa ăn. Ăn xong, ông gọi nước, chẳng thấy nước đâu, ông quát vang lên: *«Mẹ cha bây! Gục đầu xuống ăn, không lo gì nước! Ăn cho no, không nước, ăn-làm gì!»*. Đám quan khách mới biết họ đã bị ông «chơi» cho một mẻ.

Lại một lần nữa, ông đãi cơm các quan đại-

thần nhưng dọn toàn thịt chó, nấu rất ngon, không ai biết là thịt chó. Có người hỏi ông thịt gì mà ngon thế, ông bèn đưa tay chỉ và nói lớn: *«Trên cũng chó, dưới cũng chó, toàn là chó cả»!* Các quan lại bị ông «chơi» cho một mẻ nữa.

Sau hết, người ta cũng kể chuyện rằng: Sau mỗi lần thắng trận trở về, thường tướng khao quân, trong khi thù tiếp các quan khách trọng yếu, Ông-ích-Khiêm cũng chỉ bận có một chiếc khố đủ che bụng dưới mà thôi.

Ai cũng biết Ông-ích-Khiêm khi nào xuất trận, cũng ở trần đóng khố, ngồi trên mình voi và đi tiên-phong. Có người trách Khiêm trong những cuộc tiếp tân mà không biết thủ lễ, thì Ích-khiêm chỉ chiếc khố, trả lời rằng: «Khi ra đầu trận, tôi cũng nhờ có nó mà thắng được giặc, há bây giờ lại quên nó đi sao?»

Hai quyền-thần Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết không thể tha thứ cho cái tánh ngạo mạn của ông, bèn kiếm cớ bắt giam ông. Trong lúc bị giam, ông làm thơ trêu tức và thách thức hai vị quyền-thần ấy (xin xem bài «Trêu quan đại-thần» ở dưới), khiến họ nổi xung đày ông vào tỉnh Bình-Thuận. Ở đây, ông đã tự-tử bằng độc dược vì quá phẫn uất.

* * *

Sau khi ôn lại một số dữ-kịch lịch-sử như trên, bây giờ thì chúng ta đã rõ Tường, Viêm,

Khiêm và Thuyết là ai và họ đã làm gì.

Nguyễn - văn - Tường và Tôn - thất - Thuyết là một cặp bài trùng, luôn luôn hành-động nhất-trí trong lúc chuyên quyền. Thế mà, sau khi họ khởi-nghĩa chống Pháp, bị thất bại, ông Nguyễn-văn-Tường cam tâm ra đầu hàng Pháp, ra thông-cáo kết tội ông Thuyết, mang quân đi lùng bắt vua Hàm-Nghi và ông Thuyết, bắt giam cha ông Thuyết, v.v...

Đương là bầy tôi của vua Kiến-Phúc, Nguyễn-văn-Tường lại thông dâm với mẹ nuôi của Kiến-Phúc là bà Học-Phi (vợ thứ của vua Tự-Đức).

Tôn-thất-Thuyết là một quan văn mà lại làm tướng võ để giữ nước, thì làm sao mà nước nguy không được. Trong trận đánh úp quân Pháp ở Huế vào đêm mùng 4 rạng ngày 5-7-1885 mà ông có sáng kiến, ông không lường trước được sức mình và sức địch, thì thất trận là dĩ nhiên.

Trong lúc vận nước ngửa nghiêng, ông Thuyết cầm quyền trong tay mà không biết thu phục lòng dân, chỉ lấy sự chém giết làm phương-sách củng-cố quyền-uy, thì đến khi hữu sự, ai mà ủng-hộ ông?

Trên bước đường lưu vong, khi thấy nguy đến nơi, ông đã bỏ mặc nhà vua mà chạy thoát lấy thân, bên mình chỉ còn mấy mươi người tâm phúc đi theo, mà ông cũng nở tâm chém giết gần hết.

Trong khi Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết chuyên quyền, hễ ai làm trái ý là bắt giam hay chém giết. Trường-hợp của hai ông Phan-đình-

Phùng và Trần-tiến-Thành đã rành rành ra đó, thế mà ông Ông-ích-Khiêm không chút e dè mà vẫn tỏ thái-độ ngạo mạn và khiêu khích đối với hai quyền-thần ấy đến nỗi phải mất mạng.

Những kẻ yêu nước chống lại quân thù, một khi thất bại và tàu thoát, thì ai mà dụ ra đầu hàng cho được?

Ông Hoàng-kế-Viêm không hiểu hoặc không muốn hiểu tâm-lý ấy, nên đã lãnh sứ-mạng đi chiêu dụ vua Hàm-nghi và các quan cự thần về đầu thú, với những miếng mồi công-danh phú-quý, thì ai mà tin cho đặt?

Cho nên người đương-thời đã châm-biếm các hành-vi trên của các ông bằng câu ca-dao :

*«An-Nam có bốn anh-hùng,
«Tường gian, Viêm lão, Khiêm hùng,
Thuyết ngu.»*

tuy văn tắt, nhưng thật là đầy đủ ý nghĩa, và mỉa mai ở chỗ các ông được đề cao như là những vị anh-hùng ở câu trên, thì xuống câu dưới, các ông bị hạ bệ ngay một cách tàn-nhân.

* * *

Trên đây là dư-luận của người đương-thời, e không khỏi có phần quá đáng, do sự kích-thích của những cảm-xúc gây ra bởi những đột biến quá ư lớn lao của thời cuộc.

Về sau, khi số phận của nước Nam đã được

an bài và những cảm-xúc bỗng bột đầu tiên đã lắng xuống với thời-gian, người đời sau, khi nhìn chung vào đại-cuộc, đã nhận ra rằng bốn vị đại-thần nói trên đều là những vị anh-hùng có công kháng Pháp một cách tích-cực, đến nỗi có vị đã phải hy-sinh luôn cả thân-thể và tính-mạng. Cho nên ngày nay, chúng ta không lấy làm lạ khi chánh-quyền quốc-gia đã chọn tên của họ, như là « Tôn-thất-Thuyết » và « Ông-ích-Khiêm » chẳng hạn, để đặt tên cho vài con đường trong những thành-phố lớn (1), để tri ân lòng can đảm, hy-sinh và yêu nước cao cả của họ.

(1) Ở Saigon, có con đường Tôn-thất-Thuyết và ở Đà-nẵng, có con đường Ông-ích-Khiêm.

TRÊU QUAN ĐẠI-THẦN

Dưới triều vua Tự-Đức, hồi giặc Pháp ra quấy phá ở ngoài Bắc, vua mật thuê quân Cờ-Đen của Lưu-Vĩnh-Phúc sang giúp quân ta chống Pháp. Nhưng quân Tàu sách nhiễu dân ta rất là tàn ác, khiến dân-chúng oán thán. Ông Ông-Ích-Khiêm được vua cử ra Bắc kháng Pháp, thấy tình-cảnh khốn khổ của dân ta, cho rằng việc thuê quân Tàu sang đánh Pháp là thất sách, nên làm bài thơ sau đây đề mĩa mai các quan ta xúi vua cầu viện quân Tàu :

THUÊ TÀU ĐÁNH TÂY

*Ao chứa cơm vua hưởng bấy lâu,
Đến khi có giặc phải thuê Tàu.
Tùng phen vơng giá mau chân nhẩy,
Đến bước chống gai thấy mặt đầu ?*

*Tiền bạc quyền hoài dân xác nước,
Trâu dê hiến mãi đũa răng bầu.
Ai ơi ! hãy chống trời Nam lại,
Kẻo nữa dân ta phải cạo đầu ! (1)*

Vì không luôn lụy quan trên và hay tỏ thái độ xác xược, nên Ông - Ích - Khiêm bị Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường kiểm cớ hạ ngục. Trong lúc bị giam ở Huế, ông có làm hai bài thơ và hai câu đối hàm xúc sau đây :

Thơ :

*Ủa ! Ủa ! làm sao đến thế này ?
Ừ ! Dây danh lợi buộc mình đây !
Bên tai rộn rảng dờng đeo ngọc,
Trước bụng xuềnh xoang tựa thắt đai.
Cái tháp Trồn-Phồn ngồi bên đít,
Khúc đả Dũ-Lý khảy bên tai.*

.
.

* * *

*Mình ốc mang râu rửa sạch ai !
Rung cây nhát khỉ thói quen hoài.
Mèo cào xuề vách còn chỉ sức,
Sứa nhảy qua đặng mới gọi lài.*

(1) Cạo đầu theo tục của nhà Mãn-Thanh.

*Hiềm chữa gấp đường dung vó ngựa,
Dễ đâu lấy thúng úp mình voi.
Trông qua chưa khỏi đứng khinh khái,⁽¹⁾
Chim sồ lòng ra đề đó coi.*

Bài thơ trên đây tái-tính ở chỗ mỗi câu đều dùng một điển ngụ-ngữ và tên một con thú, để chê bai, ngạo nghễ hoặc thách thức Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường. Câu chót lại có hàm ý đe dọa nữa là khác. Bài thơ lọt đến tại hai vì quyền-thần khiến cho họ nổi giận và đẩy tác-giả vào tỉnh Bình-Thuận, làm cho ông Khiêm phân-tất mà uống thuốc độc tự tử vào ngày 19 tháng 8 năm quý-vị (1883).

CÂU ĐỐI:

*«Nhất giang lưỡng quốc nạn phân thuyết,
«Tứ nguyệt tam vương triều bất tường!»*

Nghĩa là: Sông Hương chia hai dòng nước, thì khó mà nói chuyện (vì một bên là Tòa Khâm-Sứ và một bên là Nam-Triều). Trong bốn tháng mà thay đổi đến ba vua (Dục-Đức, Hiệp-Hòa và Kiến-Phúc) là điềm chẳng lành.

Nhưng dụng ý dùng hai chữ cuối câu «Thuyết» và «Tường» là để ám-chỉ hai ông Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường.

(1) Khái là cộp.

VUA THÀNH-THÁI: MỘT ÔNG VUA HOANG DÂM HAY ÁI- QUỐC ?

Cách đây vào khoảng mấy chục năm, tại cố-
đô Huế, trong dân-gian, người ta có truyền khẩu
câu ca-dao sau đây mà cho đến nay, nhiều người
ở địa-phương còn nhớ :

*«Kim-luong có gái mỹ miều,
«Trầm thương, Trầm nhớ, Trầm liêu
Trầm đi!» (1)*

Câu ca-dao trên ám-chỉ vua Thành-Thái (1878-
1954).

Tương truyền rằng hồi ông vua này còn đang
tại vị, đêm đêm Ngài hay xuất các đề đi lòng
bắt các cô con gái đẹp đem về cung cấm làm tỳ

(1) Cũng có người nhớ là :

*«Kim-luong lắm gái mỹ miều,
«Cho nên Trầm mới đánh liêu đến đây».*

thiếp, khiến cho các nhà nào có con gái nhan-sắc trông được, phải sợ nơm nớp mà lo gả chồng đi cho sớm, hoặc đêm đến, thì gởi đi ngủ ở nhà khác để tránh tai họa. Người ta đồn rằng ban ngày, Ngài cho lính cận-vệ đi khắp các nẻo chợ thì què dò xem nhà nào có con gái đẹp chưa chồng, thì về tâu Ngài hay. Rồi thì, khi màn đêm buông xuống, Ngài cho lính dùng xe song mã bít bùng đi bắt cóc các cô gái ấy đem về Nội. Cũng có khi chính Ngài thân chinh nữa.

Làng Kim-luông (1) ở phía Tây Thành-nội Huế là nổi tiếng có lắm «gái mỹ miều» hơn cả, nên thường hay được Ngài và lính của Ngài chiêu cố. Do đó, mới có câu ca-dao trên, có ý mỉa mai châm-biểu ông vua «hoang dân» ấy.

Thật ra, câu chuyện trên đây chỉ là một giai-thoại hoang đường do các tay sai của thực-dân Pháp bịa ra để hạ uy-tín của một ông vua nhà Nguyễn thực lòng yêu nước, có tư-tưởng và thái-độ chống Pháp mãnh liệt, hoặc do chính nhà vua đặt ra và cho lưu truyền trong dân-chúng để đánh lạc hướng dư-luận và che dấu việc chuẩn bị kháng Pháp: khi mà một ông vua đã tỏ ra hoang dân truy lạc, thì kẻ thù là thực-dân đâu còn đề ý đến nữa, nhất là về phương-diện chánh-trị.

(1) Chính ra là làng «Kim-Long», nhưng chữ «Long» là lúy (tên vua Gia-Long) nên phải đọc trại ra là «Luông».

Các sự việc ghi lại sau đây sẽ chứng minh điều đó :

Ông vua bị câu ca - dao nói trên châm biếm tên là Bửu-Lân, con vua Dục-Đức, sinh năm 1878.

Ngày 27 tháng chạp năm Mậu-tí (28-1-1888), vua Đồng-Khánh phải bệnh mất, thọ 25 tuổi, làm vua được ba năm, miếu-hiệu là Cảnh-tông Thuần-Hoàng-đế.

Lúc bấy giờ ông Rheinart lại sang làm Khâm-sứ ở Huế, thấy con vua Đồng-Khánh còn nhỏ, và lại nhớ đến ông Dục-Đức ngày trước, khi vua Dục-tông hãy còn thường hay đi lại với người Pháp, hỏi vậy viên Khâm-sứ nghĩ đến tình cũ mà truyền lập hoàng-tử Bửu-Lân là con ông Dục-Đức lên làm vua.

Hoàng-tử Bửu-Lân bây giờ mới lên 10 tuổi, đang cùng với mẹ bị giam ở trong ngục. Triều-đình Huế vào rước ra và đặt lên ngôi, lấy niên-hiệu là Thành-Thái. Hai ông Nguyễn-trọng-Hợp và Trương-quang-Đản được cử làm phụ-chánh cho thiếu-quân.

Sanh ra vào buổi loạn-ly, đất nước đặt trong vòng áp-chức của người Pháp, lúc thiếu thời còn bị sống trong cảnh giam cầm đầy đọa, nên Ngài rất sớm thông cảm nỗi khổ cực của xứ sở. Vì vậy, trong nhiều trường-hợp, Ngài đã tỏ ra chống Pháp.

Năm 1903. Ngài định ra Bắc rồi trốn sang Tàu để mưu đồ đại-sự, nhưng khi Ngài mới đến

Thanh-hóa, thì cơ-mưu bại lộ. Viên Khâm-sứ Trung-kỳ đánh điện ra cho Công-sứ Thanh-hóa chặn xe Ngài lại và đưa Ngài trở về Huế. Vì không có bằng-cớ mưu-phản, nên Ngài còn tại vị.

Kể từ khi xảy ra vụ trên, Ngài bị Tòa Khâm-sứ đề ý và kiểm-soát rất ngặt. Đề che mắt người Pháp, Ngài giả điên, hò hét và hay đánh đập các người hầu hạ. Ngài bỏ tiền ra tuyển mộ một số phụ-nữ, lập thành một đội nữ-binh, cho mặc áo quần theo kiểu riêng, hằng ngày luyện tập quân-sự cho họ, có ý dùng họ vào việc kháng Pháp sau này.

Việc tuyển mộ nữ-binh nói trên được làm trong vòng bí mật: Ngài cho lính cận-vệ thân tín đến tiếp xúc với họ và gia-đình họ, đã được móc nối từ trước. Nếu được sự chấp thuận, Ngài cho dàn cảnh việc «bắt cóc» họ bằng cách hẹn ngày giờ (thường là ban đêm) và địa-điểm gặp gỡ, rồi lính cận-vệ của Ngài hoặc chính là Ngài đem xe song mã đến đón họ — người ngoài tưởng là bắt cóc — đem vào cung cấm. Ở đây, mỗi đội nữ-binh gồm 50 người, được huấn luyện quân-sự. Sau khi luyện tập thành thục, 50 nữ-binh ấy được bí mật giao trả về gia-đình, đợi khi hữu sự thì nhập ngũ chống Pháp. Sau đó, Ngài lại tuyển mộ 50 nữ-binh mới — cũng bằng cách trên — để thay thế toán trước, và cứ như thế cho đến khi nào đào tạo đủ số nữ-binh dự liệu.

Để bảo mật, các cô gái bị «bắt cóc» thường

được đưa vào Cấm-thành bằng cửa Hữu của Thành-nội, đối diện với làng Ktm-luông, vì con đường chạy dọc theo bên ngoài Hoàng-thành dẫn đến cửa Hữu rất vắng vẻ vào ban đêm, hai bên đường lại không có nhà cửa của dân chúng. Cũng vì lý-do vị-trí làng Kim-luông thuận tiện như vậy mà các cô gái của làng này được tuyển mộ ưu-tiên và nhiều hơn cả. Điều đó rất dễ hiểu: bí-mật tuyển-mộ dễ được bảo-vệ hơn.

Lý-do thứ hai là các cô gái An-Ninh (giáp với Kim-Long) được tuyển, hầu hết đều là thợ dệt vải (vải An-Ninh rất nổi tiếng), nên vua Thành-Thái cho tổ chức ở Đại-Nội một cái chợ dệt vải, một mặt để đánh lừa thực-dân Pháp và mặt khác, để cho các nữ-binh của Ngai vừa luyện tập quân-sự vừa dệt vải bán lấy tiền trang trải các chi-phí về họ. Do đó mà tên « Kim-Luông » được nhắc đến trong câu ca-dao kể trên.

Nhưng, than ôi ! Ở thế-gian này, bí-mật nào, dù được giữ kín đến mấy chẳng nữa, không chóng thì chầy, thế nào rồi cũng sẽ bị « bật mí » : Việc tuyển-mộ và huấn-luyện nữ-binh do nhà vua chủ-trương và cho thi-hành từ mấy lâu nay, khi gần đạt kết-quả, thì bị kẻ gian-thần tiết-lộ cho Pháp biết. Nhưng Pháp cũng chưa ra tay vội mà chờ bắt được bằng-chứng cụ-thể về âm-mưu của nhà vua trước đã. Thì đây, dịp may đã đến với bọn thực-dân :

Năm 1907, vua Thành-Thái chọn một người tâm-phúc trong Hoàng-tộc tên là B.T., dự định sai qua Nhật-Bổn bằng tàu thủy lấy cớ là để mua cho Ngài ít thứ đồ dùng, mang theo một tờ mật-Chỉ sẽ trao cho hai ông Cường-Đề và Phan-Bội-Châu lúc bấy giờ đang hoạt-động chính-trị ở Nhật với mưu-đồ đánh đuổi thực-dân Pháp ra khỏi Việt-Nam. Tờ mật-Chỉ được giấu trong lòng cây cần trúc của ống điếu mà B.T. sẽ đem theo trong hành-lý. Nào ngờ, B.T. sinh lòng phản trắc, đem dự định tối mật ấy mách với trùm mật-thám Pháp là Sogny. Tên này bảo B.T. cứ việc tiến hành sứ-mệnh mà nhà vua đã giao phó như là không có chuyện gì xảy ra. Thế là, đến khi B.T. sắp bước chân xuống tàu thủy ở Đà-nẵng, mật-thám Tây ập đến khám xét hành-lý của y và bắt được trong lòng cần ống điếu tờ mật-Chỉ nói trên. Pháp giả vờ bắt câu lưu B.T. để điều-tra, nhưng đến khi mọi việc đã được giải-quyết xong xuôi, chẳng những B.T. không hề hấn gì mà về sau, lại còn được Pháp cất nhắc lên đến chức Thượng-thor, đề tưởng-thưởng công-trạng phản bội vua của hắn.

Trước âm-mưu đánh rành rành ấy, cộng thêm với vụ vua Thành-Thái định trốn qua Trung-Quốc năm 1903, Pháp liền bắt Ngài ngay rồi đày Ngài đi Vũng-Tàu, khiến cho hoài-bão lớn của Ngài chưa thành mà phút chốc, Ngài đã phải lâm vào vòng lao-lý.

Gần mười năm sau, thực-dân Pháp lại đày Ngài sang đảo Réunion thuộc Phi-Châu cho đến năm 1947. Ngài mới được phép trở về nước với điều-kiện là Ngài chỉ được sống ở miền Nam Việt-Nam mà thôi.

Qua năm 1953, Ngài được phép về Huế viếng thăm mộ phần tổ-tiên.

Rồi đến năm 1954 (ngày 24-3), Ngài mất tại Saigon, để lại nhiều tiếc thương cho dân cho nước. Đề tri-ân sự hy-sinh cao cả của Ngài, chính-quyền quốc-gia đã lấy niên-hiệu của Ngài để đặt tên đường ở nhiều thành-phố lớn.

* * *

Những sự-kiện thuộc về ngoại cảnh vừa kể trên chứng tỏ vua Thành-Thái là một ông vua nhiệt tình yêu nước, đến độ phải hy-sinh thân-thể và vương-nghiệp, đồng thời cũng đánh tan huyền-thoại hoang đường theo đó, Ngài là một ông vua hoang dâm vô độ, chỉ chăm lo thỏa mãn các thú tính cá-nhân chứ không nghĩ gì đến quyền-lợi của quốc-gia dân-tộc đang ở trong vòng kiềm-tỏa cay nghiệt của thực-dân, như thâm ý chứa đựng trong câu ca-dao kể trên muốn bói nhọ Ngài.

Và sau đây là những sự-kiện thuộc về nội-tâm chứng tỏ bầu nhiệt-huyết của Ngài đối với dân với nước :

Đó là những bài thơ mà Ngài đã sáng-tác trong những hoàn-cảnh đã làm cho Ngài cảm xúc

tốt độ, — những kiệt tác văn chương làm ly thống thiết, mà mỗi lần đọc lại, chúng ta không khỏi bồi ngùi thương tiếc và khâm phục một vị Hoàng-Đế đã vì nước quên mình :

Năm 1902, Pháp mời Ngài ra Thăng-Long dự lễ khánh-thành cầu Paul Doumer (về sau gọi là cầu Long-Biên). Nhơn dịp này, viên Kinh-Lược Bắc-Kỳ là Hoàng-cao-Khải đưa cho Ngài châu phê Sắc phong chức tước cho một số quan văn quan võ do Pháp chọn lựa. Ngài từ chối, nói: *«Ta có biết mặt mũi đứa nào đâu!»* Nhưng sau khi Hoàng-cao-Khải khẩn khoản tâu bày mọi lẽ thiệt hơn, Ngài mới chịu hạ bút châu phê một cách miễn cưỡng.

Tương truyền rằng nhơn dự các buổi tiệc tùng có ca-nhạc và khiêu-vũ do Pháp tổ-chức vào các dịp ấy, Ngài cảm-tác bài thơ sau đây gói ghém tâm-sự bi-thiết của mình :

*Võ võ vẫn vẫn ý cầm bào,
Trầm vi Thiên-tử tối gian lao.
Tam bối hồng-tửu quần lệ huyết,
Nhứt trần thanh trà vạn cốt xao.
Thiên lệ lạc dư nhân lệ lạc,
Ca thanh cao vũ khắp thanh cao.
Can qua thế-sự hưu đàm luận,
Lân tuất thương sinh phó nhĩ tào.*

Nghĩa là :

*Quan võ quan văn lãnh cầm bào,
Ta làm Thiên-tử lãnh gian lao.
Ba chung rượu đỏ đường dân huyết,
Một chén trà xanh tợ cốt xao.
Trời nhỏ lệ như dân nhỏ lệ,
Tiếng ca cao mùa khóc càng cao.
Chiến-tranh thế-sự thôi đừng nói,
Thương tiếc mà chỉ phó mặc tào.*

(Lời dịch của cụ Tôn-thất-Sa)

Trong một thời-gian dài mấy chục năm, ai ai cũng đinh ninh rằng bài thơ trên đây là của vua Thành-Thái. Cho đến khi Ngài được trở về nước vào năm 1947 (sau 40 năm bị lưu đày), trong một buổi hội-kiến giữa Ngài và cụ Lê-thanh-Cảnh (năm nay 79 tuổi hiện sống ở Saigon), Ngài cho cụ Cảnh hay rằng bài thơ trên không phải là của Ngài mà chính là của Hoàng-cao-Khải, Kinh-lược Bắc-Kỳ. Ngài chê hai câu «*Trăm vì Thiên-tử tối gian lao*» và «*Lân tuất thương sinh phó nhĩ tào*» trong bài thơ ấy. Ngài bảo: «*Một vì Thiên-tử xứng danh-hiệu ấy không bao giờ than phiền gian khổ vì việc nước, và cũng không bao giờ phó mặc kẻ dưới giải-quyết việc nước, mà phải lãnh trách-nhiệm đối với quốc-dân đồng-bào. Một ông vua có những tư-tưởng và hành-động như vậy là một ông vua hèn. Tôi không phải là một ông vua hèn nên không bao giờ sáng-tác những bài thơ có cái giọng hèn nhát như vậy*».

Lời tuyên bố trên đây của cựu-hoàng Thành-Thái với cụ Lê-thanh-Cảnh, đã đánh tan một ngộ nhận đáng tiếc trong giới học thức về tác-giả của một bài thơ đã đi vào văn-học-sử nước nhà.

Cũng như dịp Bắc du lần ấy (1902), Ngài đã cảm tác bài thơ hoài cổ sau đây :

THĂNG-LONG THÀNH HOÀI CỔ

*Kỷ độ tang-thương kỷ độ kinh,
Nhất phiên hồi thủ nhất phiên tình.
Ngưu hồ dĩ biến tam triều cuộc,
Hổ động không dư bách chiến thành.
Nùng-lĩnh phù vân kim cổ sắc,
Nhĩ-hà lưu thủy khắp ca thanh.
Cầm hồ đoạt sáo nhân hà tại ?
Thùy vị giang-san tấy bất bình.*

Nghĩa là :

*Bề dâu đòi đòi trải bao nhiêu ?
Ngoảnh lại càng đau ruột chín chiều.
Bến cũ ba triều trâu mẹp lấm,
Lũy xưa trăm trận cọp nằm queo.
Bức tranh mới cũ mây Nùng chấm,
Khúc nhạc vui buồn nước Nhĩ reo.
Hàm-tử, Chương-dương còn đó đó,
Non sông luống để bụi trần đeo !*

Hoài-Nam Nguyễn-trọng-Cần dịch

Như đã nói ở trên, năm 1947, cựu-hoàng Thành-Thái được phép trở về nước và bị quản-thức ở Vũng-Tàu trong một thời-gian. Đến khi được phép về cư-trú ở Thủ-đô, trên con đường từ Vũng-Tàu đến Saigon, nhìn lại non nước, Ngài nhớ lại chuyện cũ, không khỏi bùi ngùi trước cảnh khói lửa đang lan tràn trên đất nước, nên đã sáng-tác hai bài thơ hàm xúc sau đây, gói ghém nhiều tâm-sự bi thiết náo nùng :

CẢM HOÀI

I

*Sống thừa nào biết có hôm nay.
Nhìn lại non sông đất nước này
Sừng ngựa (1) chưa quên câu chuyện cũ,
Ruột tằm thêm bận mối sầu tày.
Thành Xuân nghìn dặm mây mù mịt,
Bề Cáp tư bề sóng bể vầy.
Tiếng súng đêm ngày như nhạc khúc,
Dẫu cho sắt đá cũng chau mày !*

-
- (1) Trong truyện Chiêu-Quân cống Hồ, Tướng nhà Hán là Tô-Vũ bị rợ Hồ bắt đầy lên phương Bắc. Sau khi Chiêu-Quân trăm mình chết, vua Hán yêu cầu vua Hồ thả Tô-Vũ về. Vua Hồ nói : « Bao giờ ngựa mọc sừng và dê đẻ đẻ con, ta mới thả Tô-Vũ. » Về sau, vua Hán bày đặt chuyện chim nhạn có mang thơ của Tô-Vũ gửi về, vua Hồ nghe tin ấy tưởng thật, cho là điềm lạ, mới chịu thả Tô-Vũ sau 19 năm đầy ải.

II

*Chau mây lụy ứa suốt canh thâu,
 Đất tổ, hồn thiêng đâu ở đâu ?
 Dưới một bầu trời chung Bách-Việt,
 Trên hai cõi đất vạch Hồng-Cần,
 Gió than trách kẻ lòng đen bạc,
 Để khóc thương ai kiếp dãi dầu.
 Mãi đứng núi này trông núi nọ,
 Biết bao giờ bể hóa thành dâu ?*

Cai khí-tiết hào hùng và bất khuất của Ngài được truyền lại cho con là vua Duy-Tân với cuộc nổi dậy vào đêm mồng 3 rạng ngày 4 tháng 5 năm 1916 sẽ được lược kể ra ở phần dưới.

* * *

NHỮNG GIAL-THOẠI LÝ-THỨ VỀ VUA THÀNH-THÁI

Vua Thành-Thái có tiếng là nghiêm khắc đến dũ tợn với tất cả mọi người, đối với con cái cũng vậy, nhưng Ngài rất ham chuộng nghệ-thuật và trọng nhân-tài nên lắm khi Ngài tỏ ra rất quảng đại đối với những ai đã làm cho Ngài khâm phục, bất cứ về phương-diện gì. Người thời nay có thể

gán cho Ngài cái danh-từ «chịu chơi». Những câu chuyện (1) kể lại sau đây là một bằng-chứng:

CẬU HAI HÓT

Hồi vua Thành-Thái còn đang trị-vì thiên-hạ, tại Đắc-Đò, có xuất hiệạ một hiện-tượng kỳ lạ: đó là một thanh-niên người Bắc, đẹp trai, ăn nói có duyên, khiến cho nhiều bà và nhiều cô mê hẫ như điên đồ, có khi mất cho hẫ cả tỉnh lẫn tiền. Đến như đàn ông cũng còn bị hẫ lừa gạt nữa là phụ-nữ. Hẫ chỉ sống nhờ có một khuôn mặt đẹp trai và tài ăn nói (tài «hót»). Do đó, người đương thời đặt cho hẫ một cái tên hay hay: «Cậu Hai Hót».

Nghe danh Cậu Hai Hót, một hôm, vua Thành-Thái cho đòi hẫ vào Bệ kiến. Ngài nói: «Ta nghe mi hót hay lắm, đến nỗi có kẻ khuy nh gia bại sản vì mi. Vậy mi hãy trở tài đi! Nếu mi hót được ta, ta thưởng cho mi ba lạng bạc, bằng không, ta lấy cái đầu mi.»

Cậu Hai Hót đứng sững người, không thốt lên được một tiếng, nước mắt nước mũi ràn rụa, tay chun run lầy bầy, miệng há hốc như người sắp chết. Vua quát: «Tại sao mi không hót? Ta chờ mi một phút nữa thôi; nếu mi vẫn

(1) Viết theo «Chuyện xưa kể tại trường Quốc-Học» của Ông Võ-văn-Triêm, đăng trong Đặc-san Ái-hữu Quốc-Học (tập IV năm 1972).

không hút, ta xin mi cái đầu ! Nghe chưa ? ».

Hai Hót liền quỳ xuống tâu: «Muôn tâu, con xin thú thật với Ngài Ngự, con có tật nghiện thuốc trà (thuốc lão). Từ sáng sớm đến giờ, bị bắt dân vào đây, con chưa được hút một điếu nào cả, cho nên khi chợt trông thấy cái ống điếu thuốc trà của Ngài Ngự để trên bàn kia kia, con bị cơn ghiền nổi lên hành hạ, khiến cho con không tài nào hút được nữa. Vạy xin Ngài Ngự chém đầu !»

Vua bèn truyền thị-vệ đem cái điếu thuốc trà của Ngài để gần đó, nhét thuốc vào và châm lửa cho Hai Hót hút. Sau khi rít một hơi dài, hắt ngấn mắt lên, phả khói thuốc ra cả đằng mũi đằng mồm, trong có vẻ khoan khoái lắm. Mặt hắt tươi hắt lên, mắt hắt sáng ngời, miệng hắt lại chum chim cười nữa, ra vẻ đắc chí không ai bằng. Nhưng hắt vẫn vòng tay đứng im không hút.

Vua mới hỏi: «Mi đã hút qua cơn nghiện rồi, tại sao mi không hút?»

Hắt đáp: «Muôn tâu, dạ rồi, dạ con hút rồi!»

Vua đáp bàn, quát: «Láo ! Mi hút hồi nào ? Bộ mi muốn giỡn mặt với ta hả ? Mi to gan thật!»

— «Muôn tâu ! Con đầu dám giỡn với Ngài Ngự ! Con nói thật mà : Con đã hút được của Ngài Ngự một điếu thuốc trà rồi đó ! Thử hỏi, ai mà hút được điếu của Ngài Ngự ?»

Vua Thành-Thái bật ngửa ; té ra nãy giờ, vua đã bị Hai Hót đánh lừa mà không biết. Tuy vậy,

vua cũng phải phải phục tài hần và thưởng cho hần ba lạng bạc như vua đã hứa.

Về sau, trong khi đi hành nghề «hót» ở Bao-Vinh, hần đã bị một chú lái ghe đá văng xuống sông chết lốt, vì hần bị bắt quả tang thông gian với vợ chú lái mà hần đã «hót» được.

MỘT TAY TRỐNG CỪ KHÔI

Vua Thành-Thái là một ông vua có tài đánh trống rất giỏi. Nhưng vua nghe nói ở đất Truồi (Thừa-thiên), có một tay trống cừ khôi hơn nhiều. Vốn là một ông vua ham chuộng nghệ-thuật và trọng các nhân-tài, vua bèn cho triệu tài-lử ấy vào trong Nội biều-diễn đánh trống cho Ngài xem chơi. Quả thật, tay trống ấy đã tỏ ra xuất sắc, lỗi lạc, Ngài chào thua. Ngài nói: «Ta phục tài đánh trống của nhà ngươi lắm đó, ta thưởng cho ngươi ba lạng bạc. Nhưng có một điều ta cần phải nói cho nhà ngươi rõ là trong khi biều diễn, nhà ngươi có tạt lúc lắc cái đầu, trông xấu lắm. Hôm nay, ta cho nhà ngươi về, rồi sáu tháng sau, ta sẽ cho triệu nhà ngươi trở lại đây. Nếu lúc đó, cái đầu của nhà ngươi vẫn còn lúc lắc trong khi nhà ngươi biều-diễn, ta sẽ mướn nó.»

Kể từ đó, ngày nào tay trống cừ khôi cũng tập dượt ráo riết. Nhưng đã gần hết hạn sáu tháng rồi mà tạt lúc lắc đầu trong khi đánh

trống vẫn không sao sửa chữa được. Hắc đàm ra lo lắng quá chừng, mất ăn mất ngủ, rồi ngọa bệnh mà chết.

Khi nghe tin ấy, vua Thành-Thái nói với viên thị - vệ hầu cận : « Trước đây, ta chỉ nói chơi với hắc đàm thôi, cốt là để cho hắc đàm bỏ cái tật lúc lắc cái đầu trong khi đánh trống, trông không-được đẹp mắt, ta có ngờ đâu hắc đàm tưởng ta nói thật mà đàm ra lo sợ đến nỗi chết, thật là tội nghiệp ! » Rồi vua truyền ban tiền bạc cho gia-đình hắc đàm lo táng táng hắc đàm hoi, và còn ban cho vợ con hắc đàm một số tiền to để mưu sinh nữa. Có lẽ nhà vua đã hối hận vì lời nói chơi trước đây của mình chăng ?

MỘT HOÀNG-TỬ LẠNH TRÍ KHÔN

Vua Thành-Thái có nhiều con, trên ba chục « mẹ » (1). Mẹ nào phạm lỗi, Ngài đập thẳng tay, nhưng trong thời-gian chưa kịp đánh đập mà người phạm lỗi làm cho Ngài cười là Ngài tha tội liền

Đêm hôm đó, chùa Linh-Mụ làm chay, vua và đình-thần có đến dự lễ, có Mẹ Vĩnh-san (lúc đó mới lên bảy, sau này là vua Duy-Tân) được chọn theo vua cha hầu điều tráp. Trước đó, mẹ Vĩnh-San có phạm một lỗi gì đó mà vua chưa

(1) « Mẹ » : Danh-từ của Hoàng-phái chỉ các con vua

kip trừng phạt. Trong khi chờ buổi lễ cử hành, vua lấy thuốc vắn kiêu sâu kèn ra để hút, bảo mẹ Vĩnh-San quệt diêm. Mẹ tâu không có diêm, mặc dầu trong tráp có sẵn diêm, rồi chạy một mạch thẳng xuống nhà bếp của chùa, vác một lễ củi to tượng đồ hừng hực lấy ở bếp nấu bánh tét, lễ mễ đi thẳng đến trước mặt vua và đình-thần nói lớn : « *Dạ thưa lửa đây* ». Vua và đình-thần cười xòa. Thế là mẹ Vĩnh-San khỏi bị đòn.

VUA DUY-TÂN: MỘT ANH-HÙNG DÂN-TỘC

Năm 1925, vua Khải-Định thăng hà, thọ được hơn 40 tuổi, sau chín năm trị - vì kể từ giữa năm 1916.

Trong dịp đám táng linh đình của nhà vua ấy, Hoàng-gia nhận được rất nhiều trưng liên phúng-diếu từ nhiều nơi gửi đến, trong đó người ta chú ý đến một bức trưng khá to, từ đảo Réunion tạt bên Phi-Châu gửi về, với đôi câu đối diếu như sau :

*«ÔNG VỢI BỎ ĐI ĐẤU, BỎ TIỀN, BỎ BẠC,
BỎ VỢ, BỎ CON, BỎ THẦY TU HÁT BỘI, BỎ
HẾT TRẦN-DUYÊN TRONG MỘT LÚC*

*«TÔI MAY CÒN LẠI ĐÓ, CÒN TRÒI, CÒN
ĐẤT, CÒN NƯỚC, CÒN NON, CÒN ANH-HÙNG
HÀO-KIỆT, CÒN NHIỀU VẬN-HỘI GIỮA NĂM
CHÂU.»*

Với hai vế đối trên, tác-giả tỏ ra thương tiếc người đã khuất, nhưng lại đề lộ ra một ý mỉa mai và châm-biếm rõ rệt: vế trên ám-chỉ các thị-dục tầm thường của vua Khải-Định lúc sinh-tiền, vế dưới nói đến cái cái ý-chí hào hùng của tác-giả.

Tác-giả đôi vế đối tuyệt tác nhưng ngạo mạn ấy là ai vậy?

Xin thưa: đó là cựu-hoàng Duy-Tân, lúc bấy giờ đang bị lưu đày ở đảo Réunion, một ông vua tuổi trẻ mà chí lớn, đã dám hy-sinh cả thân-thế và vương-nghiệp để mưu khôi-phục lại giang-san đang ở trong vòng kiểm-chế của thực-dân Pháp, một ông vua xứng danh là anh-hùng của dân-tộc, mà ít người biết đến một cách tỏ tường.

Vậy nhắc lại sơ lược ở nơi đây cuộc đời của vị anh-hùng ấy, tưởng không phải là vô ích.

Một cuộc tuyên chọn Hoàng-Đế kỳ lạ.

Vào khoảng tháng 7 năm Đinh-vị (1907), sau khi truất phế vua Thành-Thái và đày Ngài đi Vũng-Tàu như đã nói ở trên, Pháp lập con của Ngài là Hoàng-tử Vĩnh-San lên ngôi Hoàng-Đế, lấy niên-hiệu là Duy-Tân, vào ngày 28 tháng 7 năm Đinh-Vị (1907).

Trường-hợp Pháp chọn Hoàng-tử Vĩnh-San, con thứ 5 của phế-đế, mới được 8 tuổi (Vĩnh-San sinh ngày 25 tháng 8 năm Canh-tí — 1900),

chứ không chọn người con trưởng là Hoàng-tử Vĩnh-Trân (tức Ngũ-Đại) hay một vị Hoàng-tử nào khác lớn tuổi hơn, là một trường-hợp khá ngộ nghĩnh và thích thú, đáng được kể lại :

Một ngày vào khoảng tháng 7 năm Đinh-Vị (1907), sau khi đã bắt giam vua Thành-Thái, viên Toàn-Quyền Đông-Dương, có viên Khâm-sứ Trung-Kỳ và một số viên-chức cao cấp Pháp tháp tùng, rần rộ kéo vào Đại-Nội họp với đông đủ các quan đại-thần của Nam-triều, nhằm mục-đích chọn một vị Hoàng-tử để kế vị vua Thành-Thái.

Pháp bắt buộc Nam-Triều phải đem ra trình diện tất cả các Hoàng-tử con của phế-đế để Pháp «*chọn một gỏi vàng*». Sau khi ăn mặc chỉnh-tề, các Hoàng-tử đều lần lượt được đưa ra trước «*Hội-nghị thượng-đỉnh*». Nhưng khi kiểm điểm lại, thì thấy thiếu đi một «*mẹ*» : đó là Hoàng-tử Vĩnh-San lên 8 tuổi. Pháp buộc phải tìm cho ra mới nghe. Thôi thì, tất cả các thị-vệ và cung-nữ đang phục-dịch trong cung cấm đều được huy-động đi tìm kiếm mẹ Vĩnh-San : một sự náo-loạn diễn ra trong cung-điện, tưởng chừng như là có biến-cố gì trọng-đại xảy ra.

Đợi đã hơi lâu mà chưa thấy Nam-Triều đưa Hoàng-tử Vĩnh-San ra trình diện, viên Toàn-quyền Pháp tỏ vẻ giận dữ và toan đứng dậy bỏ ra về, thì một thị-vệ dẫn Hoàng-tử đến, mặt mày lem luốc và áo quần dính đầy màn nhện. Đinh-thần bèn giải-thích cho viên Toàn-quyền hay rằng:

vì quá sợ bị chọn làm Hoàng-đế, Hoàng-tử đã trốn chui trốn nhủi, nên mới ra nông nổi. Đề ra trình diện kịp thời, Hoàng-tử không kịp đi tắm rửa và thay quần áo.

Mục-đích của Pháp là đưa lên Ngôi một ông vua dần độn, không có tinh-thần chống Pháp để dễ bề sai khiến về sau này, càng nhỏ tuổi càng tốt, để dễ bề uốn nắn. Cho nên, khi viên Toàn-quyền trông thấy Hoàng-tử Vĩnh-San đang còn nhỏ và đã tỏ ra quá nhát gan như đinh-thần đã cho biết, thì chọn ngay Hoàng- tử để tấn-phong, không chút do dự. Ông có ngờ đâu rằng ông đã làm to khi có quyết-định ấy.

Thật vậy, lý-do Hoàng-tử vắng mặt lúc này, thật ra không phải vì sợ mà chạy trốn, mà là bận đi bắt rế rế ở dưới các bộ rầm rạ.

Ít hôm sau đó, trong buổi lễ dâng-quan, có mặt viên Toàn - quyền và đoàn tùy-lùng hôm nọ, Hoàng-tử đã tỏ ra chững chạc như người lớn, đối đáp với vị đại-diện Pháp bằng tiếng pháp rất lưu loát, tỏ ra thông-minh lạ thường, đôi khi còn thốt ra những câu nói trịch thượng và xóc óc là khác, khiến cho viên Toàn-quyền Pháp chưng hửng, nhưng việc đã trót lỡ mất rồi, dù có thay đổi ý-kiến cũng không được nữa.

Một ký-giả Pháp, có mặt trong buổi lễ tấn-phong hôm đó, đã về viết bài tường-thuật đăng trên các báo-chi ở bên Pháp trong đó ký-giả ấy đã có câu kết-luận như sau :

«Un jour de trône a complètement changé le visage de cet enfant de huit ans».

Nghĩa là : « Một ngày ở trên Ngai vàng đã thay đổi hẳn bộ mặt của đứa trẻ nit tám tuổi ấy».

Chín năm sau, viên cựu Toàn-quyền Pháp, người đã chọn Hoàng-tử Vĩnh-San, hẳn phải hối tiếc nhiều hơn nữa khi vị Hoàng-tử ấy, trong ngôi-vị Hoàng-Đế, đã cầm đầu một cuộc vùng dậy chống Pháp vào đêm 3 rạng ngày 4-5-1916.

CUỘC KHỎI-NGHĨA NĂM 1916 :

Vào khoảng thời-gian đó, lợi dụng cơ-hội Pháp đang bận tay đánh nhau với Đức trong cuộc thế-chiến thứ nhất (1914-1918), vua Duy-Tân cùng các đồng-chí như là các ông Trần-cao-Vân, Thái-Phiên, Phạm-thành-Chương, Phan-thanh-Tài, Tôn-thất Đê, Nguyễn-quang Siêu, v.v..., âm-mưu một cuộc bạo-động chống Pháp để khôi-phục lại giang-san.

Cuộc vùng dậy toàn diện được ấn-định vào giờ Tí ngày mồng 2 tháng 4 năm Bính-Thìn (nửa đêm 3-5-1916),

Các lực-lượng cách-mạng đã được tổ-chức hoặc móc nối gồm có :

— Các đạo dân-quân hai tỉnh Quảng-Nam và Quảng-Ngãi có đảng-lực mạnh mẽ và kiên-cố

hơn hết (1), được coi như là chủ-lực trung-kiên của cuộc cách-mạng, sẽ phối hợp với binh-sĩ chiếm giữ cửa biển Đà-nẵng.

— Các đạo dân-quân Thừa-thiên sẽ hưởng-ứng với các đội binh-sĩ chiếm lấy kinh-đô Huế. Các binh-sĩ này gồm có các đội lính khố-xanh, khố vàng, lính Bảo-hộ ở đồn Mang-Cá và nhất là đội tân-binh được Pháp tuyển-mộ để ném vào chiến-trường Âu-Châu, đang chờ tàu sang Pháp. Đội tân-binh này được coi như là lực-lượng xung-phong.

— Các đạo dân-quân và đội lính khố xanh tỉnh Quảng-trị.

Tại Bình-Định, thực-lực trong hàng-ngũ binh-sĩ và dân-chúng chưa được mạnh mẽ, sẽ chờ hưởng-ứng với Quảng-Ngãi.

Kế-hoạch khởi-nghĩa được ấn-định như sau:

— Các yếu-nhân cách-mạng mỗi người phụ trách điều-khiển một tỉnh. Hai cụ Trần-cao-Vân và Thái-Phiên điều-động chiếm lấy kinh-đô Huế và rước vua Duy-Tân ra khỏi Hoàng-thành.

— Các tân-binh trong các trại lính Pháp, các lính khố-xanh, khố vàng và lính Bảo-hộ sẽ phối-hợp với các đạo dân-quân ở ngoài, đồng loạt vùng dậy ở Huế và suốt mấy tỉnh Trung-Kỳ khi có hiệu-lệnh.

(1) Đảng Việt-Nam Quang-Phục Hội do cụ Phan bội-Châu sáng lập năm 1903.

— Cuộc tổng-khởi-nghĩa sẽ phát động bằng một phát súng thần-công bắn tại kinh-đô Huế, được coi như là khởi điểm, để làm hiệu-lệnh cho hai tỉnh Quảng - trị và Quảng - bình, đồng thời ở đèo Hải - vân cũng sẽ nổi lửa để báo hiệu cho hai tỉnh Quảng-nam và Quảng-ngãi.

Kế-hoạch trên được coi như là hoàn-bị, chỉ còn chờ ngày giờ thi-hành...

Nhưng, than ôi! Kế-hoạch ấy không bao giờ được thi-hành vì *cơ-muru đã bại lộ* :

Ba ngày trước hôm khởi-nghĩa, do sự sơ-suất của tên Võ-An, cai lĩnh khố - xanh Quảng - Ngãi, một đảng-viên được tổ-chức trong hàng-ngũ cách-mạng, và em nó là Võ - Huệ, lính gián tại dinh án-sát Quảng-ngãi, các quan đầu tỉnh này là các ông án-sát Phạm - Liệu, tuần-vũ Trần-tiến-Hối và công-sứ De Tastes được biết rõ cơ-muru của phe cách-mạng nhờ tra-khảo hai tên lĩnh khố - xanh và lính gián nói trên.

Vào khoảng hạ tuần tháng 3 năm Bình-Thìn, tên cai khố xanh Võ-An nói trên, được lệnh chuyển đi nơi khác. Trước giờ cáo biệt, Võ-An đến từ-giã em nó là lính gián Võ-Huệ. Tên này bèn bày tiệc rượu tiễn anh lên đường. Trong lúc chè chén say-sưa, Võ-An đã tiết-lộ cho Huệ biết công-tác của đảng và, vì tình ruột-thịt, đã căn dặn Huệ trước ngày biến-động, nên xin phép về quê lánh mặt.

Nghe theo lời anh, ngày 30 tháng 3 (năm

Bính-Thìn), lúc 2 giờ rưỡi chiều, Võ-Huệ vào xin phép viên Án-sát về quê thăm nhà.

Án-sát Phạm-Liệu, vốn đã có nghe phong phanh hoạt-động của phe cách-mạng, nhưng chưa tìm ra manh-mối, nay Võ-Huệ xin phép nghỉ một cách đột ngột, bèn sanh nghi, nên vặn hỏi Huệ dồn dập. Trước uy-quyền của viên Án-sát thời ấy, Huệ dăm ra lưỡng cuống và cuối cùng, đành phải khai hết sự thật. Thế là cả hai anh em Võ-An và Võ-Huệ đều bị Phạm-Liệu giữ lại để điều-tra và do đó, cơ-mưu của phe cách-mạng bị bại lộ.

Được mật-diện của Công-sứ Quảng-ngãi cấp báo, viên Khâm-sứ Trung-kỳ tại Huế lập tức mật báo cho tất cả các công-sứ các tỉnh nỗ lực canh-phòng ráo riết. Do đó, các đồn và trại lính đều nhận được lệnh thâu hết súng đạn cất vào kho, các cửa đồn đóng chặt, các cơ lính người Nam được giữ lại trong thành, ngoài đường chỉ có các đội lính Tây tuần tiễu mà thôi. Nam-triều không hay biết gì cả vì không được Tòa-khâm thông báo.

Các thủ - lãnh cách - mạng cũng tuyệt nhiên không hay biết gì về việc cơ-mưu đã bại-lộ, nên cứ theo kế - hoạch mà thi - hành. khắp các nơi, các đơn-vị dân-quân đều tập-trung sẵn sàng ở các địa - điểm chỉ định, chờ nghe hiệu-lệnh thì tiến quân.

Vào khoảng 11 giờ đêm hôm 3-5-1916, vua Duy-Tân cải trang làm thường dân do hai ông Tôn-thất-Đề và Nguyễn-quang-Siêu hộ-tống ra khỏi

Hoàng - thành, đến bến Thương - Bạc có thuyền của hai ông Trần-cao-Vân, Thái-Phiên đón rước.

Vừa đến Thương-Bạc, nhà vua gặp ngay tên Võ-quang-Trứ, phán-sự Tòa Công-sứ Thừa-thiên, là người được phe cách-mạng ủy-nhiệm tuyên-truyền và móc nối các cơ linh tân-binh và lính Bảo-hộ. Có lẽ vì biết được cơ - mưu đã bại lộ, do việc Pháp cho thâu hết súng đạn cất vào kho, nên Phán Trứ lật đật xuống thuyền qua sông phi báo với Tòa Khâm-sứ đề tỵ cứu lấy mạng mình.

Hai ông Trần-cao-Vân và Thái-Phiên rước vua xuống thuyền đi thẳng về làng Hà-Trung, ghé nhà một đảng-viên chờ đến giờ phát lệnh.

Các tân-binh, lực-lượng xung - phong chính, và các binh-lính Bảo-hộ đã bị cấm trại và tước hết khi-giới, thì còn ai bắn súng thần-công phát lệnh xuất quân vào một giờ khuya ngày 4-5-1916 (là giờ tổng-khởi-nghĩa) đề báo hiệu cho Quảng-trị và Quảng-Bình. Không nghe tiếng súng lệnh, cũng không ai ở đèo Hải Vân nổi lửa báo hiệu cho Quảng-nam và Quảng-ngãi.

Các đoàn dân-quân tụ tập ở các nơi chỉ định chờ đến gần sáng mà cũng không nghe hoặc thấy lệnh báo hiệu, đành phải tự giải-tán. Duy ở phủ Tam-kỳ, dân-quân đến vây đồn đại-lý và phủ, bắt được viên tri-phủ Tạ-thúc-Chuyên trói lại, và ở một vài phủ, huyện ở Quảng-ngãi, cũng có những bạo-động tương-tự, nhưng đến sáng

ngày 4-5-1916, khi các đội lính Lê-dương kéo tới, thì các toán dân-quân phải rút lui.

Thế là cuộc cách-mạng bị thất bại hoàn toàn. Vua Duy-Tân và các đồng-chí đều lần lượt sa lưới của thực-dân. Ngài bị Pháp đày sang đảo Réunion, một thuộc-địa của Pháp ở Phi-Châu : Chiếc tàu thủy «Guadiana» chở Ngài từ Vũng-Tàu đến Pointe des Galets (Réunion) vào ngày 20-11-1916 sau một cuộc hành-trình 17 ngày. Các đồng-chí nòng cốt của Ngài như các ông Trần-cao-Vân, Thái-Phiên, Tôn-thất-Đề, Nguyễn-quang-Siêu, Phan-thanh-Tài, Lê-Ngung, v.v... đều bị kết án tử-hình. Thận chí, các ông Phan-thanh-Tài và Lê-Ngung, tuy đã tự sát bằng độc dược ngay ở khám-đường rồi, nhưng cũng bị xử « *lục thi trăm niệu* », nghĩa là xác bị dựng lên để chém đầu. Còn các đồng-chí khác, lớp thì bị đày đi Lao-bảo, lớp thì bị đày lên Thái-nguyên và lớp thì bị đày ra Côn-Lôn.

Trước khi ra pháp-trường thọ hình, cụ Trần-cao-Vân có làm bài thơ tuyệt bút sau đây :

*«Trung-lập kiên-khôn bất ỷ thiên,
Việt-Nam văn-vật cổ-lai truyền.
Quán dân cộng chủ tinh-thần hội,
Thần-tử tôn châu nhật nguyệt huyền.
Bách-việt sơn-hà vô bạch xỉ,
Nhất xang trung-nghĩa hữu thanh thiên.
Anh-hùng đề cục hưu thành bại,
Công-luận thiên thu phó sử biên.*

Nghĩa là :

*Giữa trời đứng sững không thiên,
Ngìn năm nước Việt còn truyền sử xanh.
Chu-vương nhân chính đại hành,
Quần dân hợp sức lừng thành đắp xây.
Người thù non nước còn đây,
Trời xanh với tấm lòng này tương tri.
Anh-hùng thành bại sá gì,
Ngìn thu lịch-sử còn ghi lại đời !*

(Cụ Hành-sơn Lương-Vĩnh-Thuật dịch)

Và đến khi sắp sửa lên đoạn - đầu - đài đền nợ nước, cụ Trần-cao-Vân còn lên thuê đao-phủ - thủ là cụ Ngáo mang một mảnh giấy quuyến văn thuốc để giao cho Học-Bộ Thượng-thư Hồ-đắc-Trung sau khi cụ Vân đã ra người thiên-cổ. Ông Trung lúc bấy giờ là người được Nam-triều ủy-nhiệm soạn thảo bản án Duy-Tân. Trên mảnh giấy ấy, cụ Trần-cao-Vân thiết-tha khẩn-khoản họ Hồ tìm cách cứu mạng nhà vua. Cuối thư, có câu :

**«TRUNG LÀ AI? NGHĨA LÀ AI? CÁN ĐAI
VÔNG LÔNG LÀ AI? NỮ ĐỀ CÔ-THẦN TỬ-
NGHIỆT.**

**«TRỜI CÒN ĐÓ! ĐẤT CÒN ĐÓ! XÃ-TẮC
SƠN-HÀ CÒN ĐÓ! MẾN (1) CHO THÁNH-THƯỢNG
SINH HOÀN! »**

(1) «MẾN» : Tiếng địa - phương Quảng-Nam có nghĩa là : quyết tâm làm cho kỳ được.

Luối hái tử-thần đã kề gần cổ rồi mà cụ Trần-cao-Vân không nghĩ gì đến bản thân mình, đến cha mẹ vợ con mình, mà chỉ nghĩ đến sinh-mạng của nhà vua, thì quả là lòng yêu nước thương vua của cụ thật vô bờ bến! Đáng kính phục vậy thay !

Cuộc đời lưu đày của một thiên-tài không có đất dụng võ.

Trong thời-gian cụ-hoàng Duy-Tàn sống cuộc đời lưu-đày ở đảo Réunion, Ngài say mê vô-tuyến-diện. Là một nhạc-sĩ tài ba, nhất là Ngài chơi vĩ-cầm rất giỏi, Ngài thường điều-khiển giàn-nhạc của Hội Hòa-Nhạc Saint-Denis, thủ-phủ của Réunion. Ngài làm nghề nuôi ngựa đua và tham dự các giải đua lớn. Ngài cũng thích chơi nhiếp-ảnh và đã từng đoạt giải-thưởng của Viện Hàn-Lâm Khoa-học và Kỹ-thuật của Réunion.

Là một nhà-tri-thức, Ngài đã viết bài cho các báo-chí địa-phương về âm-nhạc và về môn thể-thao cưỡi ngựa. Thỉnh thoảng, Ngài diễn-thuyết về các đề-tài xã-hội và văn-chương Ngài có để lại vài ba thảo-bản.

Được phỏng-vấn bởi một ký-giả Pháp, ông Ch.Wateblet, Ngài tuyên bố lần đầu lên :

«Bị đày đến Réunion khi mới 17 tuổi, tôi rất bơ ngỡ, lạc lõng, không hợp thủy-thổ nên bị sốt hoài : đã ba lần, tôi bị chứng tiểu tiện ra máu, nhưng lần lần rồi cũng qua khỏi. Người dân bản-

xứ đối với tôi rất tốt. Phong - cảnh của Réunion đẹp tuyệt, tôi đã đi viếng tất cả các thắng-cảnh. Nhưng tất cả các thứ ấy không thể nào làm cho tôi quên được xứ Việt-Nam của tôi. Tuy nhiên, ước-vọng thiết tha nhất của tôi là được sống ở Ba-Lê, nơi mà tôi có thể phát-triển năng-khiếu của tôi về âm-nhạc mà tôi đã tự học lấy một mình, và về văn-chương nữa. Đã hai lần, tôi đoạt giải của Viện Hàn-Lâm Réunion».

Ngài có viếng Ba-Lê ít ngày. Tại đây. Ngài có tiếp một số ký-giả Hoa-kỳ một lần. Trong lúc trả lời các câu phỏng-vấn của họ. Ngài vẫn loay hoay điều-chỉnh một cái máy chiến-tranh mà Ngài đã nghĩ ra. Ngài đã nổi tiếng là một nhà bác-học và một thợ tài-tử có biệt tài.

Nhờ một cái máy vô-tuyến mà Ngài tự tay chế ra, Ngài chăm chỉ theo dõi tình-hình Việt-Nam và những biến-cổ trên thế-giới để phối-hợp chương-trình chính-trị của Ngài tương-quan với sự-hồi hương của Ngài trong tương-lai.

Một kết-cục bi thảm.

Khi cuộc thế chiến thứ hai (1939-1945) bùng nổ, cựu-hoàng Duy-Tân đứng về phía đồng-minh và đảm nhận việc kết-hợp nhân-dân đảo Réunion vào các «Lực-lượng Pháp Tự-do» của tướng De Gaulle. Ngài gia-nhập Lực-lượng ấy rất sớm và có tham-dự cuộc đổ bộ lên đất Pháp để rồi sau

đó ít lâu, có mặt trong quân-đội Đồng-minh chiếm đóng Berlin.

Năm 1945, sau khi Đồng minh thắng trận, Ngài trở về Saint Denis với cấp bậc Thiếu-tá không quân. Vào khoảng thời gian này, De Gaulle ngỏ ý muốn đưa Ngài về Việt-Nam để áp dụng « giải pháp Duy-Tân », vì vị tướng Pháp ấy biết rằng người dân Việt-Nam vẫn còn thương mến, cảm phục và xem Ngài như là một vị anh-hùng của nước họ. Ngài đã chấp-thuận và, đề chuẩn-bị cho việc hồi hương, Ngài đã đến Brazzaville ngỏ lời cùng nhân-dân Việt-Nam qua một bản hiệu-triệu quan-trọng mà Ngài đã đọc trên đài phát-thanh của thành-phố ấy hôm 10-6-1945. Xin trích ra sau đây vài đoạn đáng chú ý :

.. « *Convenez-vous un peu qu'avant le coucher du soleil, un oiseau noir — vous savez celui qui annonce une visite — est venu crier sur une branche de bambou jaune qui est devant votre fenêtre. Vous vous êtes demandé qui devait venir ?*

Eh bien ! C'est moi, le vieux sage qui a médité pour vous. C'est la première fois, depuis longtemps, depuis très longtemps, que je vous parle, et si ma voix n'est pas très claire, c'est qu'elle est voilée de toute la tendresse que nous avons les uns pour les autres.

« Pour un instant, oubliez vos misères, oubliez aussi vos plaisirs. Ecoutez ! L'âme de la terre natale vous parle, et elle dit :

« Fils d'Annam, qu'avez-vous fait pour moi ? Pendant que les peuples de la terre fouillaient le sol, construisaient des usines, irriguaient des déserts, tiraient des métaux, bâtissaient des cités et augmentaient, au prix souvent de leur vie, le patrimoine de la Nation, vous, qu'avez-vous fait pour moi ? Où est l'apport des générations qui vécurent depuis l'Empereur Tự-Đức ? En quoi avez-vous fait plus riche, plus grand, plus noble, l'héritage que vous avez reçu ? Qu'avez-vous donné à la Nation ?

J'entends du Nord au Sud beaucoup de cris. Je sens beaucoup d'agitation remuer jusqu'aux racines des arbres centenaires. Allez-vous faire de moi un champ dévasté où les hommes sans âmes se battent pour se gouverner ? Allez-vous, vous qui n'avez que des mots pour vous défendre, m'offrir à qui vous paiera avec de beaux mots ? Car tout ce qu'on vous dira et tout ce qu'on vous donnera, ce ne sera que des mots ! Votre valeur, votre richesse, votre indépendance, vous ne pouvez les avoir que de moi seul.

Penchez-vous sur moi et entendez-bien ce que je vous dis. Faites-moi produire ce que je peux, ouvrez mes produits, construisez sur moi des usines et des cités. Et vous, hommes, unissez-vous dans une même âme. Souvenez-vous que derrière le grand Gia-Long, vos aïeux sont morts pour vous donner un nom et une histoire. Ne vendez

pas cette histoire pour la vanité d'un moment... »

Tạm dịch :

«Đồng-bào hãy tưởng tượng rằng một giây phút trước khi hoàng-hôn xuống, một con chim đen — loài chim khách thường báo trước sắp có khách đến viếng — cất tiếng véo von trên nhánh tre vàng trước cửa sổ đồng-bào. Đồng-bào tự hỏi người khách nào sẽ đến viếng đây ?

«Thưa đồng-bào, người khách đó chính là tôi, một ẩn-sĩ có tuổi đã suy-ngẫm nhiều cho đồng-bào. Đây là lần đầu tiên, từ lâu, từ lâu lắm, mà tôi được ngỏ lời cùng đồng-bào. Nếu tiếng nói của tôi không được rõ ràng cho lắm, ấy chính là vì tôi quá cảm xúc bởi mối tình triu mến mà chúng ta đã dành cho nhau.

«Xin đồng-bào hãy quên đi trong giây lát những nỗi thống-khổ của tâm-hồn lẫn thề xác cũng như hãy quên đi những lạc thú. Đồng-bào hãy lắng tai nghe đây : Đó là tiếng nói của hồn thiêng Tổ Quốc. Hồn thiêng ấy nhắn nhủ :

«Hỡi các con dân Việt Nam yêu dấu ! Các con đã làm được gì cho ta ? Trong lúc các dân-tộc trên hoàn-cầu bôn xới đất đai, thiết-lập cơ-xưởng, khai mương dẫn nước vào các sa mạc, khai-thác các hầm mỏ kim-khí, xây dựng lên những đô-thị và gia-tăng di-sản quốc-gia, nhiều khi đến hy-sinh cả mạng sống, hỡi đồng-bào, đồng-bào đã làm được những gì cho ta ? Các thế-hệ đã sinh sống

từ thời vua Tự-Đức đã đóng góp được những gì ? Đồng-bào đã làm gì để cho cái gia-tài mà đồng-bào đã thừa hưởng, được phong-phú hơn, được vĩ-dại hơn, được cao qui hơn ? Đồng-bào đã hiến cho quốc-gia được những gì ?

«Từ Bắc chí Nam, ta đang nghe những tiếng gào thét. Ta cảm thấy nhiều biến-động làm rung chuyển đến tận gốc những cây đại-thụ. Có phải đồng-bào muốn biến cải ta thành một mảnh đất hoang tàn trên đó những kẻ không hồn chém giết lẫn nhau để thống-trị lẫn nhau không ? Có phải đồng-bào sắp hiến dâng ta cho kẻ nào trả công cho đồng-bào bằng những mị ngôn không ? trong khi đồng-bào chỉ có thể tự-vệ bằng lời nói suông mà thôi ! Bởi những gì người ta sẽ nói với đồng-bào và sẽ cho đồng-bào, đều chỉ là những lời nói rỗng tuếch. Nếu đồng-bào có được một giá-trị nào, một tài-sản nào, một nền độc-lập nào, thì chỉ do nơi ta mà có thôi.

« Đồng-bào hãy nghiêng tai nghe cho thật rõ những gì ta nói đây : Đồng-bào hãy làm cho ta sản-xuất những gì ta có thể sản-xuất, hãy chế-biến các sản-phẩm của ta, hãy xây dựng lên trên ta những cơ-xương và đô-thị. Đồng-bào hãy đoàn-kết lại trong một linh-thần và ý-chí nhất-trí. Đồng-bào nên nhớ rằng sau Đại-đế Gia-Long, các tổ-liên của đồng-bào đã hy-sinh mạng sống để lưu lại cho đồng-bào một cái tên và một lịch-sử. Đồng-bào chớ

nên đem cái lịch-sử ấy mà bán đi vì một niềm hư ảo nhất thời...»

Sau khi đọc bản hiệu-triệu trên, cựu-hoàng Duy-tân đã sang Tananarive, thủ-đô Madagascar, Pháp-quốc và Đức-quốc đề vận-động chính-trị trong giới kiều-bào Việt-nam hầu chuẩn-bị cho việc hồi-hương nhận lãnh quyền-hành mà phe De Gaulle muốn trao trả lại cho Ngài ở Việt-Nam.

Nhưng, than ôi! Ngài đã tử nạn máy bay trên đường trở về thăm gia-đình tại Réunion trước ngày hồi hương: chiếc máy bay chở Ngài đã rơi ở Banghi ngày 26-12-1945 (Banghi hiện nay là Cộng-hòa Trung-phi của Tổng-thống Bokassa).

Thật là đáng tiếc, vì biết đâu nếu Ngài không tử-nạn, cục-diện Việt-nam ngày hôm nay có lẽ đã đổi khác dưới sự lãnh-đạo của con người có một khối óc thông-minh kỳ lạ và một tinh-thần yêu nước vô biên như Ngài. (1)

MỘT GƯƠNG « TIẾT-HẠNH KHẢ - PHONG » : BÀ DUY-TÂN

Khi đã nói đến cuộc đời của vua Duy-Tân, tưởng cũng nên nói đến một người đàn-bà có

(1) Muốn biết rõ đầy đủ chi-tiết về cuộc đời của vua Duy-Tân, xin đón xem sách «VUA DUY-TÂN» mà chúng tôi đang soạn và sẽ cho ra mắt độc-giả trong một ngày không xa.

liên-hệ mật thiết với Ngài, vốn là một người vợ đã nêu cao gương tiết-hạnh của phụ-nữ Việt-Nam thời trước : đó là bà Duy-Tân.

Bà Duy-Tân, nhũ-danh là Mai-thị-Vàng, sinh năm 1899 tại xã An-Ninh-Hạ, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên, là con gái của cụ Mai-khắc-Đôn, phụ-đạo của vua Duy-Tân, năm nay được 75 tuổi và hiện còn sống tại xã nói trên.

Theo lời Bà kể lại, thì vào khoảng tháng 2 năm 1916, lúc Bà lên 18 tuổi, Bà được vua Duy-Tân cưới làm chánh-thất với phẩm-trật «đệ nhất giai-phi», trật cao nhất trong cửu giai dành cho vợ vua. Thật ra, Triều-đình hồi bấy giờ muốn tiến dâng cho vua Duy-Tân một lúc «tam cung» (ba vợ), trong đó có lệnh-ái của Học-bộ Thượng-thư Hồ-đắc-Trung, nhưng Ngài từ chối, chỉ-chịu cưới một bà mà thôi (tức là bà Mai-thị-Vàng), lấy cơ Ngài còn trẻ, muốn dành nhiều thì giờ cho việc học hành. (Về sau, lệnh-ái của cụ Hồ-đắc-Trung được cung tiến cho vua Khải-Định, người kế vị Ngài).

Bà sống với Ngài được chừng trên ba tháng, thì Ngài bị bắt và bị đày sang đảo Réunion. Trong khoảng thời-gian ấy, Ngài không hề cho Bà hay biết gì về các hoạt-động chánh-trị của Ngài cả. Bà được phép đi theo Ngài sang Réunion. Bà cũng đã có thai được vài tháng, nhưng khi xuống tàu thủy tại Vũng-Tàu để rời quê-hương, thì Bà bị hư thai.

Sống với Ngài ở Réunion được hai năm, thì Bà được Ngài cho phép trở về Việt-Nam, vì ở đây, Bà không hợp thủy thổ nên bị đau ốm hoài.

Mười năm sau, Bà nhận được, do Phủ Tôn-Nhơn trao lại, một giấy từ bỏ hôn-thú của Ngài với chủ-đích cho phép Bà lấy chồng khác, nhưng Bà vẫn ở vậy cho đến ngày nay để cho trọn tình trọn nghĩa với Ngài.

Bà cũng có gởi qua cho Ngài một giấy thỏa thuận hủy bỏ hôn-thú để Ngài lấy vợ khác hầu có người thay thế Bà mà săn sóc cho Ngài. Nghe đâu Ngài đã cưới một cô gái bản-xứ và đã có với người này hai trai và một gái.

Hiện giờ, tại xã An-Ninh-Hạ, Bà sống một cuộc đời đạm bạc, muối dưa qua ngày với số tiền khiêm nhượng tám ngàn đồng bạc mà chính-quyền quốc-gia trợ-cấp hàng tháng. Tám ngàn đồng bạc một tháng! Thật là thê thảm đối với quả-phụ của một vị anh-hùng dân-tộc, từng làm mẫu-nghi thiên-hạ.

Ai đã có dịp tiếp xúc với Bà không khỏi khâm phục cử-chỉ và lời nói đáng kính đáng trọng của Bà, tỏ ra xứng đáng là một bậc vương-hậu.

(Viết theo tài-liệu của : — Ông Võ - văn - Triêm

— Cụ Lê-thanh-Cảnh

— Việt-Điều Thái - văn-Kiểm

— Hành - sơn Lương-vĩnh-Thuật

và theo lời của Bà Duy-Tân nữ danh Mai-thị-Vàng)

LÀM VỢ VUA

Thời trước, các vua của nước ta thường tuyển rất nhiều phi-tần, cung-nữ làm vợ. Vợ chánh của vua gọi là Hoàng-Hậu. Nhưng kể từ khi Nguyễn-Ánh lên ngôi Hoàng-đế lấy niên-hiệu là Gia-Long (1802), chức-vị Hoàng-Hậu đã được bãi bỏ. Vì sợ bị tiếm mất ngôi, vua Gia-Long đã đặt ra «*Ngũ bất lập*» là :

- Bất lập Hoàng-Hậu
- Bất lập Đông-Cung
- Bất lập Tề-Tướng
- Bất phong Vương
- Bất tuyển Trạng-Nguyên.

Từ đó, cấp bậc của các bà vợ vua được chia ra làm «*Cửu Giai*», từ trên xuống dưới là :

- Nhất Giai-Phi

- Nhị Giai-phi
- Tam Giai-Tân
- Tứ Giai-Tân
- Ngũ Giai-Tiếp-Dur
- Lục Giai-Tiếp-Dur
- Thất Giai-Thục-Nhân
- Bát Giai-Mỹ-Nhân
- Cửu Giai-Tài-Nhân

cũng như cấp bậc của ngạch quan lại được chia ra làm «*Cửu Phẩm*». Người đứng đầu trong «*Cửu Giai*» gọi là Hoàng-Quý-Phi. Đến đời vua Bảo-Đại mới lập lại chức-vị Hoàng-Hậu (tức là Nam-Phương Hoàng-Hậu).

Vì số phi-tần, cung-nữ rất đông, nên vua phải cho xây cất «*Tam Cung*» và «*Lục Viện*» để cho họ có đủ chỗ ở, mỗi người được cấp một phòng riêng đầy đủ tiện-nghỉ.

A) TAM CUNG GỒM CÓ :

1) — Cung DIÊN - THỌ dành cho các bà Hoàng-thái-Hậu, Thái-Thái-Hậu, tức là các bà vợ các vị vua đã thăng-hà. Cung này ở trong một khu khá rộng lớn, có hồ và có một ngôi nhà dành cho các Thái-giám ở.

2) — Cung TRƯỜNG - SANH, gồm có nhiều lâu đài nổi bởi những hành-lang và xây thành hình chữ «*Vương*», nên có cái tên là VƯƠNG-TỰ-ĐIỆN (điện xây hình chữ Vương). Cung này

dành cho một số vợ vua đang tại ngôi. Các bà Lệ-Thiên, vợ vua Tự-Đức, và Từ-Minh, vợ vua Dục-Đức, đã từng ở tại cung này.

3) — Cung KHÔN-THÁI, ở gần điện CÀN-THÀNH (nơi vua ở), dành cho các bà Hoàng-quý-Phi. Cung này có một cái điện chính là điện CAO-MINH-TRUNG-CHÍNH làm năm Gia-Long thứ ba (1804). Phía đông của điện có một nhà hát để nội-cung hát riêng cho vua xem, gọi là Viện TÌNH-QUAN.

B) LỤC VIỆN GỒM CÓ :

1) — Viện THUẬN-HUY, ở giữa điện Càn-Thành và điện Cao-Minh-Trung-Chánh. Phía Tây viện Thuận-Huy có :

2) — Viện ĐOAN-THUẬN

3) — Viện ĐOAN-HÒA

4) — Viện ĐOAN-HUY

5) — Viện ĐOAN-TƯỜNG

6) — Viện ĐOAN-TRANG, dành cho các cung-nữ tân tuyển.

Trừ cung DIÊN-THỌ, tất cả các Cung và Viện kể trên đều dành cho các cung-phi, mỹ-nữ vợ của vua đang tại ngôi và hầu hết đều ở cả trong TỬ-CẨM-THÀNH, nơi mà trừ các Thái-giám ra, không một người đàn ông nào có quyền đặt chân đến.

Các phi-tân, cung-nữ thường được tuyển

chọn trong hàng các cô gái con các quan Đại-thần, hoặc cũng có khi trong hàng các cô gái con nhà thường-dân nếu có nhan-sắc xuất chúng. Khi mới được tuyển vào cung, các cô ấy được đưa đến ở «*Đoan-Trang-Viện*» để học tập cách ăn mặc, các nghi-lễ trong cung và các danh-từ riêng thường dùng trong đó.

Một khi đã được tiến vào cung, các phi tần, cung-nữ không còn được phép gặp mặt bất cứ ai ở bên ngoài nữa, dù là người thân, kể cả cha mẹ anh em. Họa hoảng, trong những trường-hợp đặc biệt, vua cho phép cha mẹ được vào Nội thăm con, thì chỉ được nói chuyện với con qua một bức sáo mà thôi, chứ không được phép nhìn thấy mặt con. Vì vậy, ở Huế, người ta nói «*đưa con vô Nội*» là có ý nói mất đi đứa con rồi đó.

Ở «*Tam cung lục viện*», ngoài các thị-nữ (đầy tớ gái) phục-dịch các phi tần cung-nữ, còn có các «*Thái-giám*» có nhiệm-vụ trông nom và săn sóc họ. Các vị quan này còn có nhiệm-vụ kiểm-soát các hành-động của họ nữa, và mỗi khi vua ngự đến ăn nằm với người nào, thì lo ghi chép ngày giờ cho đúng để tránh sự «*lộn sòng*» về sau.

«*Thái-giám*» chia ra hai hạng : một là «*Giám-sanh*» tức là giám trời sanh ra phi nam phi nữ, không có ngọc-hành hay âm-hộ, và hai là «*Giám-lặc*» tức là Giám tự lặc (thiến) ngọc-hành của mình đi để được tuyển làm Thái-Giám.

Thời xưa, tại làng nào có « *Giám-sanh* » ra đời, thì cha mẹ phải đi trình làng đề các cơ-quan hữu trách trình lên Bộ. Bộ sẽ cho nuôi nấng và dạy dỗ đưa trẻ theo nghi-lễ trong cung, đề khi nó lớn lên, thì đưa vào Nội làm Thái - giám. Người ta thường gọi đưa trẻ ấy là ông « *Bộ* ».

Thời ấy, làng nào sản-xuất ra được ông « *Bộ* » thì được coi như là có phước, vì khi ông « *Bộ* » được cung tiến, thì làng đó được vua cho miễn thuế trong ba năm. Do đó, các bà nội-trợ lúc bấy giờ, khi đi chợ gặp phải thực - phẩm bán giá quá cao, thì hay nói : « *Ấn để ông Bộ cho làng nhờ* ».

Phi-tần, cung-nữ thì đông, sức vua thì có hạn, nên có nhiều cô không bao giờ được vua chiếu-cổ, đến nỗi có trường-hợp vua đã thăng-hà rồi mà vẫn còn trinh.

Tương truyền rằng mỗi khi vua giá lâm đến Tam Cung Lục Viện đề « *ngự dân* », thì thường dùng xe do dê đực kéo. Hễ dê kéo xe vào phòng nào là vua « *ngự dân* » ở phòng đó. Vì vậy cho nên các phi-tần, cung-nữ thường cho mua sắm sẵn các thứ cỏ bay lá cây thuộc loại mà dê thích ăn (như là lá dâu hay lá sấu dâu, v.v...) đem rắc trước cửa phòng của mình đề nhử dê của vua kéo xe vào. Do đó, trong khúc « *Cung oán ngâm* » của Ôn-như-Hầu, mới có câu :

« *Phải duyên hương lửa cùng nhau,
Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào.* »

Lại theo truyện Tàu, thì đời vua Hy-Tôn nhà Đường, người Vu-Hự bắt được một cái lá đỏ ở ngòi nước Ngự, trong đó có bài thơ cung oán. (1) Hự bèn đề bài thơ (2) bỏ xuống dòng nước chảy ngược vào cung cấm, cung-nữ họ Hàn (tức là Hàn-Thúy-Tần cũng gọi là Hàn Thị, tác-giả bài thơ Cung oán) nhặt được. Sau Vu-Hự đến ở đậu nhà ông Hàn - Vinh, lúc đó bấy giờ vua sa thải ba mươi cung nhân trong có Hàn phu-nhân, ông Vinh với cựu cung-phi này cùng một họ, bèn làm mối gả cho Vu-Hự. Tích này được cụ Nguyễn - Du nhắc lại trong « Đoạn-trường Tân-Thanh » với hai câu thơ :

*«Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh.»*

Cụ Long-Châu Tôn-thất-Sa (93 tuổi hiện sống ở Huế) có cho tôi hay rằng một bà Hoàng-quý-Phi, vợ vua Khải-Định, vì quá cô-độc ở trong cung

(1) Bài Thơ cung oán được dịch ra như sau :

*«Nước chảy sao mà vội ?
Cung sâu cả buổi nhân.
Ấn cần khuyên lá thắm
Đi quách lối nhơn gian!»*

(2) Thơ của Vu-Hự chỉ có hai câu :

*«Tằng vãn điệp thượng đề hồng oán,
Diệp thượng đề thi ký ả thù ?*

Ông Quách-Tấn dịch :

*«Nỗi lòng lá thắm đề thơ,
Thơ đề lá thắm lá đưa người nào ?*

cấm, nên đã ký-thác tâm-sự chua xót của mình vào mấy vần thơ sau đây, có giọng của «Cung oán ngâm khúc»:

*«Hạt mưa đã lọt vào đài-các,
Những mình thăm cả nước duyên may.
Càng lâu càng lắm mùi hay,
Cho cam công kẻ nhúng tay thùng chàm.
Ai ngờ thế một năm một lát,
Nguồn ái-ân không tát mà vơi.
Suy đi âu cũng cơ trời,
Bỗng không mà hóa ra người vị vong!»*

Ngoài ra, có một số phi-tần, cung-nữ, vì không chịu nổi sự thiếu thốn về sinh-lý ở cung cấm, nên đã tìm cách tự giải-quyết vấn-đề lấy một mình hay là với một người bạn đồng cảnh-ngộ. Đó là chuyện «thâm cung bi-sử» mà người ngoài ít ai biết.

Một sự tình cờ dun dủi đã giúp cụ Long-Châu Tôn-thất-Sa khám phá ra bi-mật trên một cách gián-tiếp như sau:

Cụ Tôn-thất-Sa kể chuyện rằng:

«Năm ấy, tôi được phép vào Đại-Nội để bắc tượng cho vua (cụ Sa là họa-sĩ kiêm điêu-khắc-gia). Nhơn đi ngang qua «Đoan-Trang-Viện», chỗ ở của các cung-nữ tân tuyển, tình cờ tôi gặp một ông Thái-giám già độ 80 tuổi. Tôi dừng lại tò mò gọi chuyện ông ta về các việc trong cung cấm. Ông ta bèn khoe rằng ông là «Giám-sanh», được

cung tiến từ trào vua Tự-Đức. Ông được giao phó nhiệm-vụ trông nom các cung-nữ tàn tuyền ở Đoan-Trang-Viện, nên ông theo dõi rất kỹ mọi hành-động của từng cô. Do đó, ông nhận thấy có hai cô tỏ vẻ thân mật với nhau như là vợ chồng, nên ông để tâm dò xét, vì nhớ ra có thằng đực rựa nào đó giả làm cung-nữ lọt vào Viện, thì ông có thể bị mất cái đầu như chơi. Ông lại thấy hai cô ấy hay dẫn người đi chợ chọn mua thứ chuối «bà lùn» vừa mới chín và cà dái dê thứ nhỏ và dài. Ông để ý, thì không hề thấy hai cô ấy ăn chuối và cà bao giờ mà chỉ thấy chuối đã lột vỏ rồi, cà và vỏ chuối vắt bừa bãi dưới gầm giường của hai cô. Một hôm, ông đứng rình ngoài cửa phòng, thì nghe ở bên trong có tiếng cười rúc rích. Sanh nghi, ông liền tóng cửa xông vào, thì bắt gặp hai cô đang âu yếm nhau như là vợ chồng. Khi đó, ông mới hiểu rõ chuyện gì vừa xảy ra cùng là ứng dụng của cà và chuối mà hai cô thường cho mua về.

Một nhà thơ trào - phúng đất Thần - Kinh, nhưn biết được câu chuyện trên, đã sáng-tác bài thơ trào lộng sau đây :

*Trò chơi Cung-Viện (1) lắm công phu,
Mua sắm vừa lòng phải dẫn đo :
Lựa chuối chớ mềm và chớ ngắn,
Chọn cà không cứng cũng không to.*

(1) Cung-Viện là Tam cung lục Viện.

*Ấp yêu gối phụng đường tề tái,
Chờ đợi «xe dè» luống thần thờ.
Thái-giám tưởng đâu «đồ» đực rựa,
Ai dè cà, chuối của trời cho. (1)*

Người dân xứ Huế không bao giờ mua chuối «bà lùn» (2) để cúng, không phải là không có lý-do. Và thời trước, đưa con vào Nội để «làm vợ vua» chắc gì sẽ đem lại hạnh-phúc cho con.

Sau khi vua thắng-hà và chôn cất ở lăng-tầm mà vua đã cho xây cất lúc sinh tiền, ngoại trừ các Hoàng-quý-Phi, một số các cung-nữ phải lên ở thường-xuyên tại lăng để hôm sớm dâng hương và tụng kinh niệm Phật trước bàn thờ vua. Các cung-nữ ấy phải ở đấy cho đến khi chết để hầu hạ như là khi vua hãy còn sống.

Các nhà thơ Văn-Bình Tôn-thất-Lương và Quách-Tấn, trong các thi-phẩm của họ, đã có nói đến các cung-nữ ấy như sau :

*«Dâng hương đầu bạc bốn năm cô,
«Quét lá áo xanh ba bốn chú».*

Văn-Bình Tôn-thất-Lương

(trích ở bài thơ trường-thiên «Cung
chiêm Hiếu-Lăng» tức là lăng Minh-Mạng).

(1) Trời cho : nói lái thành «trò chơi».

(2) Thù chuối Huế to và dài, khi chín vỏ vẫn xanh.

TÌNH KHIÊM - CUNG
(tức là lăng Tự-Đức)

*«Xe rồng mây áng nẻo Khiêm-Cung,
Lạnh lẽo dài cầu lá rụng hồng.
Thương chị phi-tần nương bóng xế,
Hồ thu hương động ngấn hoá dung.»*

Quách-Tấn
(trích ở thi-tập «Động bóng chiều»)

VĂN TẾ ĐƯA TRẺ ĐỂ HOANG

Nguyên mù Ngôn, làm nghề sáo «đánh cá» ở mặt nước Thủy-Tú (Thừa-Thiên), có một người con gái tên là LAN mà mù đã hứa gả chồng rồi, nhưng chưa cho cưới. Nào ngờ cô Lan lại dan díu với một chàng trai giúp việc trong nhà tên là BÔNG đến mang thai, Sau khi sinh nở, cô ấy muốn làm cho phi tang sự lầm lỡ của mình, bèn đem đứa con sơ-sinh chôn vùi vào gốc cây «bả lả» ở cạnh nhà. Chẳng may, ba hôm sau, xác sinh thối của đứa bé bị chó bới lên, nên việc làm ám-muội của cô bị bại lộ, kkiến cho cô bị lôi đến cửa quan.

Nhơn câu chuyện trên, các nhà văn ở trong vùng đã sáng tác nhiều bài văn nôm đề phúng điệu đưa trẻ vô tội, được mệnh danh là «văn cây bả lả», trong đó có bài văn-tế sau đây của ông Hồ-kế-Biêm, quán làng Thanh-lam-Bồ, huyện Phú-

Vang (Thừa - Thiên), là được người ta chú ý hơn cả:

Hỡi ôi ! Máu mỡ thì thâm thối' nấy, ăn cho ăn, bú cho bú, nằng niu là lẽ thường tình.

Con ai đem bỏ chốn này, ruột cắt ruột, tay chèm tay, ngao ngán cho người thiên hạ.

Thấy cảnh mà buồn với cảnh, dễ đi liều giống thê dít nôi.

Thương người khác thể thương thân, cũng đắp điểm cho tròn năm mả

Khá thương cho vong : nào họ, nào làng, nào phường, nào xã, nào mẹ, nào cha, nào anh, nào ả.

Mà côi trong trứng, biết đâu chủ chớp, cha chài, đem bỏ ngoài ghềnh, thăm bấy ! tay rời, chán rã.

Đau đớn hình hài nửa nhắm, nói chẳng biết, cười chẳng biết, dễ đâu mà chưởi chó, mấn mèo.

Bơ vơ trời đất một mình, khóc ai hay, tủi ai hay, chỉ cho khỏi rứt điều, tha quạ.

Cũng trách cho ai, ngu si cho quá, há vô tình không nghĩ, không suy.

Khá thương cho trẻ, đại nỡ giết chi, làm phải cảnh bỏ đànng, bỏ sá.

Giấu giếm chi : măng đã mọc thành tre,

Đằng dậy mấy : đậu đã ngâm ra giá.

Dẫu chẳng nghĩ chanh chua BÔNG ngọt, lòng dặn nỡ vâng lời mẹ, thì kiếp sao chịu vậy là xong.

Dấu chẳng thương cúc héo LAN gầy, cảnh xuân đã bẻ cho người, thì khờ nấy khuôn mó cũng khá.

Khôn đã lỗ, dại đã lỗ, mà đón ngăn cũng đã lỗ, bất quá: tội làng, vạ họ, thà chịu bề như trái mướp quèo quèo.

Ăn chi chi, ở chi chi, mà tâm địa cái chi chi, nỡ toan sắp mặt, xây lưng, quyết đành dạ bỏ nơi cây «bả lả».

Hay là ôn mệ ngoại, tham giàu phụ khó, chi quyết rửa rêu đãi ốc, đặt cái nò mà đơm khách non sông.

Hay là oan gia chi, sanh đại, sanh điên, xui nên lấy thúng úp voi, bày cái mặt cho biết người tôm cá.

Hay là nước Thủy-Tú, con lên, con xuống, mượn dòng sông mà rửa tiếng ô-danh.

Hay là đồ mù Ngón, kẻ lại, kẻ qua, bìa miệng thể nên giấu gương Tạo-hóa.

Ghê gớm bấy cho lòng gan, dạ đá, con là máu, cháu là mủ, đành đoạn gương kia trở lưỡi, rút mối tình ân-ái rửa răng đành.

Thảm thương thay cho đầu trẻ, tuổi xanh, sống bỏ nạc, thác bỏ xương, ngần ngừ răng nọ mất hàm, đành chịu chữ cô-hồn cho khờ dạ.

Tôi nay: Thấy nghĩa phải làm, mặc ai ở chạ.

Thương ba sinh hương lửa cho ai,

Tuy bốn bề anh em đều cả.

Tám lễ bạc gọi là chút thảo, tuần rượu, nén hương,

Vong linh thiêng xin nhớ tấc thành, xin đỡ điều sai, sự họa.

Hỡi ôi ! Thương thay !

HỒ-KẾ-BIÊM

BÀI VĂN VỢ CHÍNH TẾ VỢ HẦU

Đêm 3-5-1916, vua Duy-Tân xuất môn đề cầm đầu một cuộc khởi-nghĩa chống Pháp. Khi ra khỏi Hoàng-thành, Ngài được hai Ông Trần-cao-Vân và Thái - Phiên rước xuống thuyền đi về Hà-Trung chờ đến giờ phát lệnh. Tại đây, Ngài ghé vào nghỉ tại nhà của một cư-sĩ tên là Mai-Trí, thường gọi là Cửu-Trí, có chân trong đảng cách-mạng của cụ Trần-cao-Vân. Đêm hôm đó, ông Trí thết đãi nhà vua bằng cơm nếp (1).

(1) Việc ông Mai-Trí đãi xôi vua Duy-Tân ở Hà-Trung trước kia, được nhắc lại trong bản «án vua Duy-Tân», do Học-Bộ Thượng-thư Hồ-đắc-Trung soạn-thảo :

«Hà Trung mạch phạn, Ngũ-Phong kê thang, Thánh-thê phong-trần, đại bĩ bối vi chi tội nghiệt.»

Nghĩa là :

«Cơm nếp Hà-Trung, cháo gà núi Ngũ-Phong, mình rồng dải dầu gió bụi, tội nghiệt ấy đều lại bọn kia gây ra cả.»

Sau khi cuộc khởi-nghĩa thất bại, Pháp bắt và đày vua Duy - Tân sang đảo Réunion. Chúng cũng bắt và đày ông Mai-Trí lên Lao - Bảo, một nơi đầy ma thiêng nước độc.

Ông Trí có hai bà vợ là hai chị em ruột, nhưng không có người nào có con. Khi ông bị đưa lên Lao-Bảo, người em xin đi theo săn sóc chồng, nhưng sau đó ít lâu, bị ngã bệnh mà chết. Xác của nàng được thân-nhân đem về mai táng tại Hà-Trung.

Nhơn dịp ấy, nhà văn Hồ-kế-Biêm làm một bài văn-tế sau đây, thay lời người chị tế người em, rất được truyền tụng:

« Hỡi ôi ! Đai tước lẻ đôi, tơ loan rơi mối.

Bò ngựa nhằm khi khế rụng, trách ông xanh khi bẻ lá khôn ngần.

Cóc kêu nõ thấu trời cao, túi phận bạc muốn bắt thang mà hỏi.

Nhớ từ khi : Đàn phụng thêm dây, phòng loan chung gối,

Chị nghiêng , em ngửa, thiệt hơn trăm lẽ nhường nhau.

Ra cúi vào lòn, ăn ở ba phao tiếng nổi.

Thế, thiệp cũng là phận vợ, dám khoe bề có dếp đỡ chân.

Thương, chẳng, dẫu mặc ý chồng, dễ khác nổi bất qui tận gối.

Tủi chị thiệt thòi chồi quế nở, duyên bèo, phận bọt, đã cam nổi khổ nổi phiền.

Tưởng em may mắn chút hờe tươi, dải muống, dây khoai, đâu ngờ càng trông càng mới.

Cháu, bạn, những chờ vắn đỏ, ngoài êm trong ấm, nền phong-lưu khi hưởng đắng dài lâu.

Mây rồng bỗng gặp thời đen, gió dập, mưa dồn, cơn hoạn-nạn phút xui nên bối rối.

Núi Mai-Lĩnh, cương-thường chia nửa gánh, non lam, nước chướng, quyết theo chồng cho trọn thủy, trọn chung.

Cửa Đào-Nguyên, tiền tục rẽ đôi đường, én bắc, nhạn nam, đành bỏ chị luyến nửa chừng, nửa đổi,

Việc phụng dưỡng, muốn hẳn hiên theo mẹ, đường mĩa lau, xói nếp một, nợ ba sinh ai giúp sức đền bồi.

Đường quan-san mong báo bồ cho chồng, canh bóng lý, chè hột sen, ngoài nghìn dăm biết nhờ ai thay đổi.

Đáo để chút con dưỡng-tử, thương mẹ muốn đền ơn cho mẹ, chữ thất-gia chưa định, khôn toan bề đôi chút trăn cam.

Cảm thương mấy cháu đồng-tôn, nghĩ có mong trả thảo cho có, câu hồi-tổ chưa minh, để tinh nổi trăm năm hương khói.

Nam mô A-Di-Đà Phật, hỏi qui y ra thế, ở phúc nỡ cho gặp phúc, dầy oan khiến nữ trêu khách tu-hành.

Đông-Trù Tư-Mạng Tảo-Quán, tàu thiện ác là sao, làm nhân mà chẳng gặp nhân, vòng luy-tiết nữ đơm người vô tội.

Duyên phận chi em chường rira nấy, lần đau một lần mất, nghĩ no nao thêm nhọc nỗi cay chua.

Non sông để chị sụt sùi đây, bước ra ba bước vào, kẻ đoài-đoạn luống ôm lòng tức tưởi.

Thôi ! Phận vậy thời vầy, biết rằng mà nói. Còn, mất là ngọn đèn kim cở, chẳng qua rằng già cuộc mà chơi.

Tử, sinh là cái nợ trần hoàn, đổ ai muốn chạy trời cho khỏi.

Một chén tỉnh, say, cười, nói, khóc, cuộc tóc-tơ chi xiết nỗi phôi-pha.

Năm canh thức, ngủ, đứng, đi, ngồi, tuần vận-mệnh thăm cho ai vắn-vỏi.

Báo đáp gọi là lấy thảo, nén hương, chén rượu, đơn sơ tha chị lúc phân-vân,

Linh thiêng xin nhớ chút tình, hơi gió, cơn trời, giúp đỡ cho chồng khi sớm tối.

Hỡi ôi ! Thương thay ! »

Bài văn-tế trên đây tài tình ở chỗ tác-giả đã dùng những câu ngạn-ngữ rất thích-ứng với hoàn-cảnh của hai chị em ruột cùng lấy một chồng, để dựng lên bài văn.

Tài tình nhất là những cảnh thăm kín diễn ra trong phòng the giữa ba vợ chồng cùng chung

một gói, được tác-giả gọi lên bằng một câu văn thật là bóng bẩy nhẹ nhàng, nhưng cũng thật là ý nhị :

*«Phòng loan chung gói, chị nghiêng, em ngửa,
thiệt hơn trăm lễ nhường nhau»...*

Ai nhường ai? Chắc độc-giả cũng đoán biết.

ÔNG GÀ GÂN

Xin nói ngay rằng «ông già gân» đây không phải là «Ông già gân» thời nay, đã cao niên rồi mà vẫn còn sức hoạt-động chính-trị để mưu việc an-bang tể-thế trong thời buổi nhiễu-nhương này.

Câu chuyện hài-hước kể lại dưới đây là chuyện của một «Ông già gân» thời xưa ở Đê-đô Huế, đã nều cao một thành-tích «chiến-đấu» bất hủ ở tình-trường, khó có ai bì kịp, khiến cho bọn trẻ cũng phải cất nón bài phục.

Nguyên cách đây mấy mươi năm, ở làng Dương-xuân-thượng, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên, có một hưu-quan tên là T.T.NG., góa vợ, tuổi đã ngoại thất tuổi rồi mà vẫn đa tình như hồi còn niên thiếu. Các con cháu của ông, đều là những kẻ có địa-vị trong quan-trường, đã lo

chung tiền sẵn sẵn cho ông một cái «Thọ-đường» (tức là quan-tài) đặt tiền, theo một phong-tục mà các vọng-tộc thời xưa ít khi bỏ qua.

Ông già nói trên thuộc loại «già-gân», nghĩ rằng còn lâu mình mới phải mặc «sơ mi gố» cho nên, một ngày nọ, ông cho gọi thợ hòm đến bán phức cái «thọ-đường» đã sẵn, lấy tiền cưới một cô hầu non. Vì chữ hiếu, con cháu ông cũng đành chịu ông vậy. Họ có dè dặt rằng cô hầu ấy thuộc loại «nái» tốt, năm nào cũng cho ra một «lí nhau» đều đều, có năm cho ra đến hai «lí nhau» song sanh, khiến họ phải lo chạy tiền trời chết để nuôi dưỡng.

Nhơn câu chuyện trên, thi-sĩ Hương-Thủy của đất Thần-kinh đã sáng-tác bài thơ trào-lộng sau đây :

«ÔNG GIÀ GÂN»

*Thấy ông râu tóc bạc như sương,
Con cháu chung lo sắm «Thọ-đường»
Đề nữa mai sau là cõi thế,
Sẵn «nhà», ông ở chốn Tây-phương.*

*Tưởng đâu gối mỗi với chân chồn,
Ai biết rằng ông «chiến» vẫn dòn,
Bán quách «Thọ-đường», ông đã quyết
Sắm sanh lễ vật... cưới hầu non !*

*«Càng già càng dẻo lại càng dai»,
«Đêm bảy ngày ba» chẳng kém ai.
Chớ tưởng trâu tra sừng cũng thế,
Đúng ngày (1), vợ trẻ đẻ con trai.*

*Máy tốt, ông chăm «sản-xuất» hoài !
Mới vừa năm một, lại năm đôi.
Mặc cho con cháu lo nuôi dưỡng,
Mặc kệ người đời liếng mĩa mai...*

Hương - thủy

Ông Nguyễn - bá - Nhiệm, cũng là một thi-sĩ trào-phúng nổi danh của đất Thần-Kinh, biệt-hiệu là «Hà-hử-Nbân» và «Vân-Am», đã từng giữ mục «Thơ ngược dòng» cho báo «Công-Dân» xuất bản ở Huế trước đây, cũng có sáng-tác bài ca-trù rất di dỏm sau đây đề trào lộng ông già «hồi xuân» :

« MUỖU

*«Tuổi trời vừa mới bảy mươi,
So bề sức khỏe, kém ai dân nào?
Vội gì tỉnh chuyện «mai sau»,
Thọ-đường sắm sửa, tào lao thế mà !*

(1) Đúng ngày : «Ông già gân» có tánh đa nghi và cẩn thận, nên mỗi lần ông «đến» với cô vợ hầu trẻ đẹp, ông đều có ghi rõ ngày giờ vào một cuốn sổ riêng để kiểm-soát, cũng như ngày xưa, các Thái - giám ghi rõ ngày giờ Hoàng-Đế «ngự dâm» với các phi tần, cung nữ vậy.

NÓI :

Ai già, ai trẻ?

Tuổi bảy mươi chưa thể gọi rằng già.

Vẫn còn đang sống giữa cõi ta-bà,

Thì cái chuyện «trăng hoa» còn eo ót. (1)

Thế sự dẫu thua ông bảy mốt, (2)

Nhân-tình còn xứng gái mười lăm (3)

Trâu tuy già, sừng vẫn còn hăng,

Lo hậu sự trăm năm chùng sớm quá.

Thôi, bán quách quan-lài đi cái đã,

Đề sớm hôm hỉ hủ với giai-nhân.

Sống no một lúc còn hơn. (4)

VĂN AM

(1) «Eo ót» : Tiếng Huế nghĩa là ao ước, trông mong.

(2) Tục-ngữ : «Ông bảy mươi còn học ông bảy mươi mốt»

(3) Ngạn-ngữ : «Bảy mươi có của cũng vừa mười lăm».

(4) Tục-ngữ : «Sống no hơn chết thèm».

LÊN ĐỀO XUỐNG ẨM

Ông Tôn-thất-Mỹ (1860-1913), biệt hiệu là Tam-xuyên, người làng Hòa-Đa, huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên, là một bậc khoa-giáp (cử nhân) làm quan ở Nam-Triều. Khi đang làm án-sát ở Nghệ-An, ông bị Triều-Đình Huế cách chức vì một lỗi nặng, nhưng cho giữ lại nguyên làm. Ông là một thi-sĩ nổi tiếng, đi đâu cũng hay bày ra cái trò chơi gọi là «*thả thơ*» (1) mà Nguyễn-Tuân có đề cập đến trong cuốn «*Vang bóng một thời*».

Bị mất chức, ông cùng người hầu non tên là Mộng-Liên dắt nhau đi bộ từ Nghệ-An về Huế

(1) Lấy một bài thơ chính mình làm ra viết vào giấy rồi che đi một vài chữ. Hễ ai đoán trúng được các chữ đã bị che, thì được thưởng tiền, bằng không thì phải mất tiền, do hai bên (bên đố và bên đoán) thỏa thuận. Trò chơi ấy được mệnh danh là «*thả thơ*».

là quê quán của ông. Dọc đường, ông thường dừng lại nơi nào đông đúc dân cư để chơi trò « thả thỏ » kiếm tiền. Đó là nghề tay trái của ông. Lúc ấy, nhằm mùa xuân, nên sự đi bộ không lấy gì làm mệt nhọc cho lắm.

Khi đi đến Đèo ngang (Hà-Tĩnh) — cái đèo nổi tiếng mà bà Huyện Thanh-Quan đã mô tả trong bài thơ bất hủ « *Qua đèo Ngang tức cảnh* », — thì trời đã sẫm tối, hai vợ chồng bèn dừng lại nghỉ chân để sáng ngày mai tiếp tục cuộc hành-trình.

Đêm hôm đó, có gió mát, có trăng thanh, quang cảnh đèo Ngang lúc bấy giờ thật nên thơ mộng. Trong một túp lều tranh sơ sài vắng chủ, đã được dựng lên cạnh lề đường từ bao giờ, hai vợ chồng, sau khi dỡ lương thực ra ăn uống xong xuôi, bèn ngả lưng nghỉ đêm tại đó.

Nằm bên cạnh người hầu trẻ đẹp, giữa một khung cảnh mùa xuân thơ mộng, có gió mát, có trăng trong, nhà thơ Tam-Xuyên đâm ra rạo rức, không sao ngủ được.

« *Đêm xuân ai dễ cầm lòng cho đang* »

(Nguyễn-Du)

Rồi trong một phút ân ái nồng nàn với giai-nhân, ông lẫn dần ra chết cứng vì chứng « *Thượng-mã-phong* ».

.

Trong đám táng nhà thơ cử hành tại Hếu,

rất đông thi-hữu đến phúng điếu, kể câu thi, người câu đối, nhiều không sao kể xiết.

Trong số những bài văn ấy, có hai câu đối của cụ Phước-Môn Nguyễn-hữu-Bài là được người ta chú ý hơn cả, bởi lẽ cụ Bài là một Thượng-thơ tại Triều, lại là một thi-sĩ nổi tiếng nữa. Hai câu đối của Cụ như sau :

«Ra Bắc vào Nam, trăng gió đề huề thi một túi.

«Lên đèo xuống ải, mây mưa đánh đổ cuộc trăm năm».

Thật là tài tình : Trong có hai câu văn tắt gọn gàng rất văn-chương tao-nhã, Cụ Thượng Bài đã gói ghém được tất cả những sự-kIỆN đã đưa đến cái chết của người thi-sĩ đa tình nhưng bạc phước :

«Trăng gió đề - huề thi một túi» gọi ra việc Tam-Xuyên cùng người hầu dắt nhau đi «thả thơ» trên đường về Huế giữa cảnh gió trăng. Hai chữ «*đề huề*» thật là tuyệt diệu.

«Lên đèo xuống ải» gọi ra cảnh đèo Ngang, nơi mà hai vợ chồng dừng lại nghỉ đêm, nhưng cũng gọi ra hình ảnh «*đèo*» và «*ải*» theo nghĩa mà nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương thường hiểu : «*Một đèo, một đèo, lại một đèo*».

«Mây mưa đánh đổ cuộc trăm năm» ám-chỉ việc ông Tam - Xuyên chết vì chứng «*Thượng-mã-phong*».

Thật là tuyệt tác vậy thay !

Trước kia, thi-sĩ Tam-Xuyên cũng rất nổi tiếng về những bài thơ trào-phúng mà ông đã sáng-tác, như những bài có nhan-đề là «Đưa o Đồi bán bánh», «Đưa o Khe», «Đề nhà đàn-bà góa gá Tồ-Tôm», «Không chổng trổng bóng lông», «Vịnh câu cá», «Đánh cờ Tướng», v.v... (có đăng trong tập «Hương-Bình Thi-Phẩm» của Hoàng-trọng-Thược, xuất bản năm 1962).

Sau khi bị cách chức nhưng được giữ lại nguyên hàm, thi-sĩ Tam-Xuyên có làm một bài thơ đề «tự trào» nhan-đề là «Không răng» (vì ông đã móm) hàm nhiều «ý tại ngôn ngoại» thật tài tình. Bài thơ ấy như sau :

KHÔNG RĂNG

*«Không răng đi nữa cũng không răng,
Chỉ có thua người một miếng ăn! (1)
Miễn được nguyên hàm (2) nhai nhóp nhép,
Không răng đi nữa cũng không răng!»*

(1) «Miếng ăn» đây là «tiền ăn hối lộ».

(2) «Nguyên hàm»: Tam-Xuyên bị cách chức nhưng được giữ nguyên hàm là phẩm-hàm trong ngạch quan lại, nhưng cũng có nghĩa là hàm xai.

LÀM THƠ ĐƯỢC VỢ

Lúc sinh thời, khi đang làm quan ở Huế, ông Tam - Xuyên Tôn - thất - Mỹ đã nổi tiếng nhờ một bài thơ trong đó lối chơi chữ được công nhận là tài tình. Về bài thơ ấy, người ta kể một giai-thoại lý thú như sau :

Trong vùng ông Tôn - thất - Mỹ ở, có một cô hàng bán bánh tên là Đoài (tên một quả trong bát quái), chẳng những rất xinh đẹp mà lại còn có học và biết làm thơ nữa, nên các văn-nhân thường hay lui tới ăn bánh và tỏ ý chọc ghẹo cô. Để làm nản chí những người sàm sỡ, cô Đoài thách thức rằng hễ ai làm được một bài thơ trong đó mỗi câu phải có tên một quả trong bát quái và tên một thứ bánh, thì cô sẽ bằng lòng trao thân gởi phận dù có phải làm lẽ chẳng nữa.

Không ai làm nổi bài thơ theo các điều-kiện

trên. Duy có ông Tôn-thất-Mỹ là làm được một bài mà cô Đoài chấm là trúng cách, nên về sau, cô đã ưng-thuận về làm lễ đính «khôi - nguyên», vì ông Mỹ đã có vợ rồi. Bài thơ ấy như sau :

ĐƯA O ĐOÀI BÁN BÁNH

*Vẻ ngọc CÀNG say rượu ÍT nồng,
 Kia ai vòng KHẮM ĐÚC hình dung.
 CẤN nơi quán khách e DẦY dựa,
 CHẤN bức màn ba nhũng ƯỚC mong.
 Chiếc LÁ TỐN công dòng bích thủy,
 Dấu BÈO LY hận ngọn đông phong.
 Nhắm em xem chợ lời KHÔN HỎI,
 Ngánh mặt non ĐOÀI mảnh RÁNG hồng.*

Tam-Xuyên Tôn-Thất-Mỹ

THÂN LƯƠNG

Lúc cụ Phạm-như-Xương (người Thừa-Thiên) làm Đốc-học ở tỉnh Quảng-Trị, thì ông Đồng-sĩ-V. làm Tuần-vũ và ông Thân-trọng-Đ. làm Án-sát ở tỉnh này. Nhơn dịp ông Án Đ. đổi đi tỉnh khác, các quan lại trong tỉnh đặt tiệc tiễn hành. Giữa tiệc, hai ông Tuần-vũ và Án-sát cãi cọ nhau kịch liệt, vì có sự xích mích từ trước, xuýt nữa thì xảy ra cuộc ẩu đả nếu không có người can ngăn kịp thời. Cụ Phạm-như-Xương, vốn không ưa cả hai ông, bèn nhơn dịp này làm một bài thơ châm biếm cả hai như sau :

PHÚ ĐẮC

*«Lương ngắn mà chẻ lệch dài,
«Lợn bơn méo miệng chẻ cá chai dẹp đầu».*

(Ca dao)

*Khéo khéo cười nhau chuyện dở hay,
 So đo cho lắm đó như đây :
 Cũng đều gan tấc chui bùn lấm,
 Tưởng đã tròn vuông nở mặt mày,
 Được nước khoe mình ngang với dọc,
 Nhờ mưa mùa mép mỏng hơn dày.
 Rồi ra lên cạn giờ vì vậy,
 Hành muối tra vô sừng cả bày !*

Phạm-như-Xương

Tác-giả bài thơ trên có ý nói rằng cả hai ông
 Tuần và ông Án đều là tôi mọi thực dân Pháp
 như nhau cả, thì còn tranh dành hơn thua với
 nhau làm chi nữa, vì đã là « *thân lươn* » thì « *bao
 quản lấm đầu* », chưa biết khi nào người ta bắt
 làm thịt. Thật là mỉa mai chua chát !

CON VOI

Thời trước, có một thầy Đồ nọ, quê ở Quảng-Bình, vác lều chõng vào Đế-Đô dự một kỳ thi. Khi gặp một con voi của Vua đi trên đường phố, — một con vật mà thầy chưa hề trông thấy bao giờ, — thầy rất lấy làm lạ. Sau khi về nhà, thầy làm một bài thơ «thủ vĩ ngâm» ghi lại những nhận xét của thầy về con vật ấy, bằng giọng Quảng-Bình như sau :

*Con chi to nậy tằng hai thừng,
Cấy mũi lòn thòn lọt dưới chun.
Một vật đa đen thui thúi thui,
Bốn đùi chun cứng nững nừng nưng.
Chày vồ lọt thọt treo kê hán,
Bụi dứa lùm thùm một trữa lưng.
Tự dỏ đến chừ chưa ngó chộ,
Con chi to nậy tằng hai thừng.*

Bài thơ trên tỏ ra tác-giả là một người quê mùa chất phác, nhưng có tài tả thực: Cái «*chày vồ lợt thọt treo kê hán*» và cái «*bụi dứa lùm thùm một trĩa lưng*» quả thật là những hình ảnh sống động mà tác-giả đã gọi lên một cách tài tình nhờ ở những chữ kép «*lợt thọt*» và «*lùm thùm*», và những động-từ «*treo*» và «*mọc*», khiến cho chúng ta phải nở một nụ cười thích thú. Bài thơ tả thực một cách ngây thơ đã dễ tức cười (chày vồ đâu lại treo dưới bụng voi, và bụi dứa đâu lại mọc trên lưng voi), đọc theo giọng Quảng-Bình lại càng dễ tức cười hơn nữa. Những vận «*thường*» và «*nưng*» đều là «*tứ vận*» khó mà ai có thể họa nổi.

Nếu nói rằng đó là một bài thơ tả thực tuyệt tác, thì cũng không phải là nói ngoa vậy.

ĐÒN NGÀM CỦA NHÀ NHO

Hồi mà việc thi cử Hán-học ở Việt-Nam còn thịnh hành, có một ông Tú ở tỉnh xa về Huế ăn ở trọ tại nhà một hàn-nho tên là Thâm trong Thành-Nội, để chuẩn bị thi «Hương». Ở đấy, cũng có vài nho-sinh khác tá túc nữa.

Ông Tú tên là Đại, nên người ta thường gọi là «Tú Đại», có tật hay về trễ, bắt cả nhà phải đợi cơm hoài. Chủ nhà và các người ở trọ khác rất lấy làm bực mình, nhưng không ai dám ngỏ lời than phiền cùng ông Tú, vì có nhiều khi họ phải nhờ đến ông Tú giảng nghĩa kinh sách. Đã có lần, họ giải-quyết vấn-đề bằng cách để phần cơm lại cho ông Tú, nhưng ông ta tỏ vẻ không bằng lòng, chê đồ ăn ít, ăn không đủ bữa. Họ lại thôi và các bữa ăn sau, họ lại phải kiên nhẫn đợi cho đông đủ rồi mới ngồi vào ăn.

Thấy người ta chiu, ông Tú tưởng là người ta sợ, vì ông là ông Tú lặn kia mà, các người khác đều là bạch-đinh cả. Được nước, ông lại giở chứng thêm nữa: Thấy bà chủ nhà có chút nhan sắc, ông đâm ra có tà ý. Lợi dụng những lúc chủ nhà đi vắng, ông buông lời ong bướm với bà chủ, hứa hẹn này nọ, tưởng rằng cái bằng cấp tú-tài của mình là to như cái đình, có thể làm xiêu lòng vợ anh bần nho chưa nên danh phận gì.

Nào dè, bà chủ nhà là một người vợ đoan trang, đem câu chuyện tồi bại ấy ra mách với chồng. Ông này là một nho-sinh hiền lành, tuy bất mãn về thái-độ bất chánh của ông Tú đối với vợ mình, nhưng lại có tánh không muốn gây sự với ai, nên đành làm thỉnh để bụng. Vả lại, ông đã mất mát gì đâu?

Tuy nhiên, ông cũng đã nghĩ ra được một kế để đuổi khéo ông Tú ra khỏi nhà mình.

Hôm đó, đã hơn một giờ trưa rồi mà ông Tú vẫn chưa về, chủ nhà bèn bảo mọi người ăn trước, để phần lại cho ông Tú. Ăn xong, ông chủ nhà lấy giấy bút loay hoay viết mấy dòng chữ, xếp gấp tư lại rồi dẫn dưới chén ăn nơi phần cơm dành cho ông Tú.

Nửa giờ sau đó, ông Tú về, ngồi vào bàn ăn, chợt thấy mảnh giấy để trước mặt, liền cầm lên mở ra xem. Thì ra đó là một bài thơ. Thơ rằng :

ÔNG TÚ ĐẠI (1)

*« Nghe đến tên mà đã thất kinh !
Nói ra thêm thẹn phải làm thính.
Chưa nguôi hơi thở đòi thêm nữa.
Xin rước Ngài ra khỏi cửa mình ! »*

Thế rồi chiều hôm đó, ông Tú thanh toán tiền trọ rồi lẳng lẽ dọn rương hòm của mình đi khỏi nhà, không một lời từ biệt với ai cả.

Ông chủ nhà tên Thâm đã chơi ông Tú một đòn ngầm quả là thâm, rõ là một đòn chơi của nhà nho vậy.

(1) Bài thơ này do người ở trọ là thi-sĩ Văn-Am Nguyễn-bá-Nhiệm gài cho chủ nhà từ trước.

TRUNG-VIỆT GAZ CÔNG-TY

Trunvigaz

**SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP
OXYGÈNE VÀ ACÉTYLÈNE**

NHÀ MÁY :

VĂN-PHÒNG :

Khu Kỹ-Nghệ 71-A Thống-Nhất—Đà Nẵng

ĐÀ NẴNG

Đ.T. 21 050

HUA-NGHI-NAM

Kiên-Hợp-Hãng

56, BỜ SÔNG BẠCH-ĐẰNG

**CHUYÊN BÁN FIBRO-CIMENT,
PHÂN HÓA-HỌC VÀ TẠP-HÓA**

Đ.T. 20.395

ĐÀ NẴNG

VIỆT-NAM

VÌ TÌNH, VÌ TIỀN

Cách đây chừng vài chục năm, tại đường Mai-thúc-Loan Thành-nội Huế, có một cụ già 82 tuổi cưới một cô gái 20 tuổi. Chú rể già đội khăn đóng, mặc áo gấm xanh trông rất bảnh chọe, tuy có chổng gậy trúc! Cô dâu trẻ chít khăn vành có vẻ một mạng-phụ. Đám cưới và lễ rước dâu được tổ-chức rất linh đình, có cau lồng rượu ché, có kẻ bồng ngồng và có cả lính mặc áo đỏ, quần bó xà-cạp và đội nón dẫu nữa. Thiên-hạ rủ nhau đi xem rất đông, ai cũng xi xầm bàn tán: họ bảo ông già kẻ miệng lỗ rồi mà còn mê gái tơ, và cô dâu trẻ trung thế, sao lại đi lấy ông già cho phí cái xuân xanh. Riêng thi - sĩ Văn - am Nguyễn - bá - Nhiệm thì bào chữa cho cặp chồng già vợ trẻ ấy bằng bài thơ:

VÌ TÌNH, VÌ TIỀN

Ông kia đã trở về già,
 Cùng cô gái nọ la cà kết duyên.
 Có người lại bảo ông điên,
 «Đã già, sao lại còn ghềnh gái tơ?»
 Ông bèn vác gậy ông quơ :
 «Tuy ta già thật, nhưng ta thiếu tình».
 Người kia lại bảo cô mình :
 «Gái tơ sao lại kết tình ông tra?»
 Cô kia vừa nói vừa la :
 «Tuy ta trẻ thật, nhưng ta thiếu tiền».

 Đời sao lắm chuyện cũng phiền,
 Vì tình là một, vì tiền là hai.
 Hai điều cũng thiết cả hai,
 Mặc ma với đước, chê bai làm gì !
 Thắng tôi cứ việc cười khì,
 Đề cho thiên hạ mần, chi thì mần.
 Nửa lời không dám can ngăn.

NHỮNG BÀI THƠ CẦU-KỲ

Đó là những bài thơ làm theo lối « *Song thanh điệp vận* » và thơ đọc xuôi và đọc ngược.

I. — SONG THANH ĐIỆP VẬN

« *Song thanh điệp vận* » là một thể thơ đường luật — bát cú hay tứ tuyệt — trong đó mỗi câu bảy chữ đều phải có sáu chữ trùng vận với nhau theo từng cặp. Thi-dụ bài thơ sau đây của Tuy-Lý-Vương :

‘Mây xây núi túi chim tìm tổ,
Khách cách đường trường nổi-cột lau.
Lông không đảo cao nường phậu xấu,
Lơ thơ liễu yếu chị đầu đau!’

Đó là một lối chơi chữ khá cầu-kỳ mà chỉ

có những thi-sĩ lỗi lạc mới có thể áp dụng được một cách trôi chảy tự nhiên mà thôi.

Về lối chơi chữ ấy, người ta kể lại một giai thoại thú vị như sau :

Ông Phạm-như-Xương, một vị đường quan dưới triều Nguyễn, đã nhờ tài làm thơ mà bắt được nhân-tình với công-chúa Phú-Lệ, một góa-phu trẻ đẹp cũng nổi tiếng hay thơ. Họ thường xướng họa với nhau rất là tương đắc.

Một hôm, ông Phạm-như-Xương nghe phong-phanh công - chúa Phú - Lệ có người yêu mới, bèn gởi cho công-chúa một bài thơ bát cú làm theo lối « *song thanh điệp vận* », đề trách kẻ bạc tình :

*Bíu ríu đương thương chó nỡ lia,
Trong lòng bó rọ khó bề kia.
Người đời rồi nổi không đồng mộng,
Miệng tiếng dầu đầu dễ thể chê.
Ước trước chưa vừa tình bức tức,
Sầu lâu đã lỡ bệnh tê mê.
Khoan toan phụ cũ tham lam mới,
Thuở nớ vì chi cột thắt thề.*

Công-chúa Phú-Lệ trách lại ông Xương bằng một bài tứ - tuyệt, cũng theo lối « *song thanh điệp vận* » :

*Lúi xúi lò mò khéo lựa thừa,
Cười người mặt sắt cũng đong đưa.*

*Khôn ngoan khéo léo xuôi dài chối,
Mặt dạn mày dày bí sí chưa!*

Ông Xương họa lại:

*Biết thiệt cùng không cố đồ thừa,
Lời chơi nói với gió chưa đưa.
Soi coi đã quả tò thơ nờ,
Giữ chữ thề té hản đặng chưa?*

Và kể từ đó, đôi tình-nhân thi-sĩ ấy, vì mến tài lẫn nhau mà đã trở lại thuận hòa và khăn khít với nhau hơn bao giờ hết.

Ở Huế, người ta còn truyền tụng hai bài thơ «song thanh điệp vận» có hạng sau đây, một của ông Tôn-thất-Diệm và một của ông Nguyễn-khoa-Vy :

LỤT THẮNG BẦY

*Hoa đã xây đây cỏ nhỏ sương,
Ngành xanh có gió mùa thương dương.
Mưa sưa lác đác mây đầy núi,
Nước bước lao xao lụt lụt đường.
Nhử lử chơm nơm bầy gáy nhảy,
Ao trào hói ỏi lũ lươn trường.
Bè tre rắn xoảng đong rỗng dấy,
Thước nước đêm thêm lấp xấp giường.*

Tôn-thất-Diệm

ĐI DẠO MIỀN NÚI CẨM TÁC

*Nước bước sa đà ngấm dậm đàng,
Thừa ưả tốt một vẻ quan-san.
Tươi mười nhụy túy bông chông bạc,
Lở đỏ ngành xanh lá mạ vàng.
Lúc ngúc đầu trâu ngời nhóm xóm,
Lau rau mỡ chó sữa vang làng.
Đường trường lối rẽ dừng chùn nghĩ,
Lặng lặng chùa khua lốc cốc tang.*

Nguyễn-khoa-Vy

II — THƠ ĐỌC XUÔI VÀ ĐỌC NGƯỢC

Một lối chơi chữ cầu-ký khác là thơ đọc xuôi và đọc ngược, đọc cách nào cũng có nghĩa. Lối chơi chữ này còn khó hơn lối chơi thơ «song thanh điệp vận» nhiều. Xin ghi lại sau đây ba bài để làm thí-dụ :

Năm 1904, nhơn trận bão năm Thìn làm sập hai vại cầu Trường-Tiền (lúc bấy giờ gọi là cầu «*Thành-Thái*»), vua Thành-Thái làm bài thơ tức cảnh sau đây :

VỊNH CẦU THÀNH-THÁI

*Ao ào trận gió nổi tây đông,
Vận khí vừa nay giáp hội rồng.*

*Cao điện chốn đều thay ngói cũ,
Sắt cầu nơi lại uốn lưng cong.
Xao sông nước đổ bay đò nặng,
Bán chợ người về khóc gánh không.
Hao hại buổi trời theo chịu thế,
Nào hay có gốc ấu sinh bông.*

Vua Thành-Thái

Người ta nói rằng bài thơ trên là một điềm gở, khiến cho vua Thành-Thái bị Pháp truất phế bốn năm sau đó (1907).

NGHE ĐÀN NHỚ BẠN ĐANG XA

*Ai đàn tiếng vắng vắng nghe xa,
Nhớ tưởng thêm lòng nỗi thiết tha.
Lai láng lệ mình khi nghĩ lại,
Thẳng dúi chân đó lúc đi ra.
Tai quen giọng lý câu tình tự,
Ý thích lời ngâm khúc nguyệt hoa.
Phai lợi nữ nào lòng chỉ quyết,
Dài lâu ngãi kết bạn cùng ta.*

Nguyễn-khoa-Vy

GỞI THĂM CỤ TAM-XUYỀN

*Tình chung mấy nẻo cách Tây Đông,
Cảnh nhớ đêm trăng thưởng chén nồng.
Sanh nhịp tiếng đàn ta với bạn,
Vận hòa câu vịnh ý ưa lòng.*

*Ngành chen trắng đã mai non khắp,
Lá nhuộm xanh còn liễu dăm trông.
Dành đề cuộc chơi người nguyện ước,
Quanh vòng hỏi bến ngã ba sông.*

Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm

HĂNG VẬN-TẢI THỦY BÔ

KHÁNH-PHÁT

Chuyên chở hàng-hóa từ
Saigon đến Đà Nẵng—Huế

Số 18-A Lê-quang-Liêm CHOLON

Số 79 Độc-Lập

ĐÀ NANG

CHƠI CHỮ VÀ NÓI LÁI

Về nghệ-thuật chơi chữ và nói lái trong thi-ca, có thể nói rằng các thi-sĩ đất Thần-kinh đã đạt đến mức tinh-vi. Đại-diện tiêu biểu nhất về phương-diện ấy là thi-sĩ Nguyễn-khoa-Vy (1881-Huế), biệt-hiệu là Thảo-am, đã nổi tiếng về các bài thơ đọc đáo sau đây :

KHUYÊN NGƯỜI ĐA TÌNH

*Chạy chữa chai chân chẳng chịu chữa,
Chín chiu chua chát chán chê chưa ?
Cha chài chú chớp chơi chung chạ.
Chẳng chính chuyên chỉ chớ chực chờ.*

VUI THÚ ĐIỀN VIÊN CẦM KỶ THI TỬU

*Cui cút cùng cây cỏ cận kê,
Cung cầm cứng cối cũng cò ke.*

*Cuộc cờ cao kém cơn cười cợt,
Cái cốc cỏ ca cứ cặp kè.*

ĐÊM KHUYA ĐỢI TÌNH NHÂN

*Nực cỗi chi ra nổi cực lòng,
Dòng châu lai láng dĩa dầu chong.
Khó đi tìm hỏi nhau khi đó,
Công khó chờ nhau biết có không ?*

KHÔNG CHỜNG TRÔNG BÔNG LÔNG

*Trông không vô phòng thấy trống không,
Chứa chan sầu lệ chán chưa chong.
Dòng châu lai láng dầu chong đợi,
Bóng nhận lưng chừng bạn nhóng trông.
Nhòm ngó đã cùng nơi ngả đó,
Mơ mộng bên cạnh gối mềm bông.
Đêm thâu mưa gió đâu thêm mãi,
Xông lướt đi tìm phải xước lòng.*

ĐI CHƠI THUYỀN Ở ĐẬP ĐÁ (HUẾ)

*Đập cũ thuyền đưa đủ cặp rồi,
Trời cho sức khỏe lắm trò chơi.
Có đôi khi rảnh lên cỡi đó,
Cười ngả nghiêng vui ngất cả người.*

Về thơ nói lái, sau Thảo-am Nguyễn-khoa-Vy, phải kể đến thi-sĩ Thanh-hương Phan-minh-Phụ (1913 — Thừa-thiên) với hai bài thơ rất tài tình sau đây :

VỊNH MỘT TỜ BÁO... HẠI

*Chỉ đáng vò đi đề độn lò,
Cầu dây móc đó đọc buồn xo.
Phao đi đồn lại nhiều tin quấy,
Vùi lộn chón lằm lằm hạm to.
Bịa cảnh canh khuya có tú đọi.
Bày trò đêm tối linh đồn lo.
Hãy xem đạo Dụ ghi điều luật,
Đồn lạc tin sai phạt mấy bò.*

ĐIỆN LU

*Thiên-hạ than phiền ánh điện lu,
U u ám ám tợ mây mù.
Đêm xuân sao nhuộm màu thu đậm ?
Lòng đã u buồn điện cũng u !*

Về nghệ-thuật chơi chữ và nói lái trong thi-ca, thiết tưởng không có nước nào trên thế-giới có thể so sánh với Việt-Nam được.

Về thơ nói lái, có thể nói rằng Việt-Nam giữ một địa-vị độc tôn. Còn về nghệ-thuật chơi chữ trong thi-ca, thi-nhân các nước khác cũng có áp dụng lối chơi này. Thí-dụ như trong bài thơ sau đây của Alfred de Musset, một thi-sĩ nổi danh của Pháp vào thế-kỷ 19, gởi cho cô tình-nhân là George Sand, một nữ tiểu-thuyết-gia Pháp cũng nổi danh không kém vào hồi đó, lối chơi chữ giống như lối chơi áp dụng trong bài thơ « Vô - đề »

của An-phong-công Hồng-Bảo đã ghi ở trên, là các chữ đầu của mỗi câu thơ ghép lại với nhau thành một câu có ý nghĩa riêng :

*« Quand je vous fais, hélas ! un éternel
hommage,
Voulez-vous qu'un instant je change de
langage ?
Vous seule possédez mon âme et mon cœur.
Que ne puis-je avec vous goûter le vrai bonheur ?
Je vous aime, ma belle, et ma plume en délire,
Couche sur ce papier ce que je n'ose dire.
Avec soin, de mes vers, lisez les premiers mots,
Vous saurez quel remède apporter à mes maux. »*

Đem ghép lại với nhau các chữ đầu câu của bài thơ, thì thành câu : *« Quand voulez-vous que je couche avec vous ? »*, nghĩa là *« Khi nào em muốn anh ngủ với em ? »*

George Sand đáp lại :

*« Cette grande faveur que votre ardeur réclame
Nuit peut-être à l'honneur mais répond à ma
flamme. »*

Hai chữ đầu câu ghép lại thành câu trả lời : *« Cettenuit »*, nghĩa là : *« Đêm nay. »*

Thi-sĩ Tâm-Hỷ Tôn-thất-Tốn (1901-Huế) đã dịch hai bài thơ trên ra thơ Việt như sau :

*« Khi yêu trao cả mối tình,
 Nào ai có biết lời mình đổi thay.
 Nàng ơi ! Lạc thủ cùng say,
 Thuận chẳng ? Tất cả lòng đây dâng nàng,
 Cho tôi viết vội mấy hàng,
 Tôi yêu tha thiết bằng hoàng nói sao ?
 Thỏa lòng mấy chữ đầu câu,
 Tình chung may được giải sầu cũng nên. »*

Alfred de Musset

*— « Đêm ngày nao nức lòng ai,
 Nay thăm mong ước ngại lời thị-phi. »*

George Sand

Ghép lại với nhau những chữ đầu câu, chúng ta đọc :

*« Khi nào nàng thuận cho tôi thỏa tình ? »
 — « Đêm nay ».*

Ông Tôn-thất-Tồn dịch thơ Pháp ra thơ Việt mà tôn trọng cả lối chơi chữ của tác-giả, thì quả thật là tài tình !

THỐNG-NHẤT THƯƠNG-NGHIỆP CÔNG-TY

SHIPPING AGENCY

Add 14 Bạch-Đẳng - ĐÀNẰNG

TL. 20,252

Cable : Thống-Nhất - ĐÀNẰNG

VIỆT-PHƯƠNG CÔNG-TY

NHẬP CẢNG CIMENT

162 Bạch-Đẳng - ĐÀNẰNG

Đ.T. 20 308

TIẾC QUÁ

Thời trước, khi Hán-học còn đang thịnh hành, ở Huế, tại trường học của một ông thầy Đồ nọ, đã xảy ra một câu chuyện khôi hài như sau :

Một hôm, thầy Đồ đi vắng, học-trò bày bàn cờ tướng ra đánh, có cô con gái hàng xóm là cô Huệ sang ngồi xem, vô ý mặc cái quần rách đáy để lộ chỗ kín ra. Hôm sau thầy về, học-trò cười khúc khích hoài, thầy hỏi duyên cớ không ai chịu nói, thầy giận lắm, rút roi mây toan nọc học-trò ra đánh. Một trò lớn nhất trong đám buộc lòng phải đứng lên kể lại sự tình. Nghe xong, chẳng những thầy rất thông cảm, đem cất cây roi đi mà còn vỗ đùi, chắt lưỡi tỏ ý tiếc rẻ hôm qua không có mặt ở nhà.

Nhân câu chuyện trên, ông Nguyễn-hồ-Trừu

đã làm một bài phú như sau, có đăng trong sách
« *Cổ xúy nguyên âm* » của Đông-châu Nguyên-
hữu-Tiến :

XEM CỜ ĐỀ MÃNH PHÚ

(hạn vận : đề, ra, mãnh, ơi)

Tiên-sinh đường bệ, đa sĩ lễ tề (1)
Nhi khúc-khúc nhiên, nhi khích-khích nhiên,
nhất nhật phó Tiên-sinh chi quách kệ.

Tiên-sinh giận lắm, hỏi rằng : làm sao ?

Đệ-tử đứng lên, thưa thầy con kê :

«Cái Huệ nó đề...

«Nhân ngày hôm qua, thầy đi vắng nhà,

«Đương mùa hè chi vô sự, viên (2) bàn cờ
hề dỡ ra.

«Bất ý : chị ta ngồi lê ngồi la, bèn giương
mép rỏi, bèn cững mào gà,

«Người chẳng ra người, ma chẳng ra ma.

«Nhi bành bạnh ra, nhi chành chạnh ra. Ưc
ông mãnh ra, ực ông kệnh ra, ực ông hồ-mang
chi cồ bạnh ra.

«Toại sử (3) : Tướng muốn thượng lên, pháo
tranh nước cạnh, tốt hữu ý ư nhập cung, sĩ mạnh
tinh ư nhất ghềnh.

«Thế mà không cười, họa có ông thánh.»

(1) Nhiều lắm

(2) Bền

(3) Bền khiến

*Tiên-sinh nghe rồi, nải mĩm kỳ môi, nải vổ kỳ
đùi, nải quăng kỳ roi,*

*Than tức ngôn viết (1): « Ối giời ôi ! Ối đất ôi !
Chết nỗi ! Thế mà hôm qua không có tôi ».*

(Nguyễn-hồ-Trừu)

(1) Than rằng

CÔNG-TY KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM

SICOVINA

NHÀ MÁY SỢI VÀ DỆT

HÒA-THỌ-HÒA-VANG-QUẢNG-NAM

Đ.T. 20.326

NGUYỄN-THỊ-SUYẾN

HIỆU QUẢNG-HƯNG

72 Bạch-Đẳng - ĐÀNẰNG

KINH DOANH THƯƠNG-MÃI

ĐẠI-LÝ HẢI-SANH

CHUYỂN-VẬN CÔNG-TY

SAIGON — ĐÀNẰNG — HUẾ

VẬN-TẢI HÀNG-HÓA ĐƯỜNG THỦY BỘ

CON CÒ VÀ CÁI HĨM

Trong văn-chương trào-phúng Việt-Nam, có trường-hợp các thi-sĩ làm thơ đề mô tả cơ-quan sinh-dục của con người. Tỷ như nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương đã *«lỡm một ông cử võ»* bằng bài thơ sau đây nghĩa đen tả một quân-nhân thời xưa, nhưng nghĩa bóng là vi ông cử võ với cái *«ấy»* của đàn ông :

*«Bác mẹ sanh ra vốn chẳng hèn,
Tối tuy không mắt sáng hơn đèn.
Đầu đội nón da loe chóp đỏ,
Lưng đeo bị đạn rũ thao đen.»*

Các thi-sĩ đất Thần-kinh cũng đã sáng-tác những bài thơ tương-tự, cũng rất là di dỏm và tài tình :

Trong bài thơ *«Vịnh cái bật lửa cũ»*, ông

Quỳ - Ưu Nguyễn - đôn - Dur (1908-Huế) đã dụng ý mô tả cơ-quan sinh-dục của các cụ già :

*« Let xet hồi lâu lửa chẳng ra,
Ngán thay cái quẹt của ông già !
Con cò chắc đã mòn khu ốc,
Viên đá e khi hồng ruột gà.
Đề xuống kéo lên thêm lỏng trục,
Bấm qua bóp lại muốn trầy da.
Dầu đã xì bậy tim đã ướt,
Toan vắt nhưng mà có kẻ la ! »*

Quỳ-Ưu

Còn về thơ tả bộ-phận sinh-dục của phụ-nữ, thì tưởng không có bài nào tài tình bằng bài thơ sau đây của ông Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm (1853-1922 — Huế), trong đó mỗi câu đều dùng một điển ngôn-ngữ và tên một con thú :

GIỐNG MẸ

*« Giống mẹ không sai chút béo beo,
Cuồng đầu tỏ đặng lúc chồng cheo.
Chơ hơ giữa chợ phơi ba vạ,
Đút đót trong cươi (1) trượt một keo.*

(1) Cươi : tiếng Huế có nghĩa là sân.

*Đánh giấc mê man tha kẻ chuột,
Nỗi cơn quay quắt dữ hơn mèo.
Đi nhai, đừng ngậm, ngồi cười gấm,
Róc rách bên cồn hứng gió heo.»*

Mộng-Phật

Hai bài thơ trên đây của các thi-sĩ Quỳ - Ưu Nguyễn-đôn-Dur và Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm, tuy dụng ý tả cơ-quan sinh-dục của con người, nhưng lời thơ vẫn thanh-nhã và bóng bẩy, không có gì lộ liễu có thể gọi là sống sượng hay tục tĩu. Về phương-diện này, câu thơ «Tối tuy không mắt sáng hơn đèn» của Hồ-xuân - Hương đã gọi ra một hình-ảnh tục lộ liễu hơn.

TRANSMAR - SOVIMAR

6 Đại-Lộ Độc-Lập — ĐÀ NẴNG

TÉL : 20 231

ĐẠI-DIỆN :

- CÁC HÃNG TÀU VIỄN DUYÊN, CẶN DUYÊN
- HÃNG LUSTEVECO — MANILA
- HÃNG COLUMBIA EXPORT PACKERS
INC.-TORRANCE

MỸ-LỢI

**BUÔN BÁN MÁY THU THANH,
TRUYỀN HÌNH, MÁY MAY
HÀNG BÁCH HÓA**

25 - 27, ĐỒNG-KHÁNH — ĐÀ-NẴNG

Đ.T. 20 398

ĐÀO VI THƯỢNG SÁCH

Khi ông Tr.-Ký, Người Quảng-Nam, được bổ đi làm quan ở Huế, Ông không đem theo gia-đình mà đi ở trọ một mình. Vợ ông quả thật đã vụng tính mới đề cho Ông tạm thời sống trong cảnh độc-thân tại một thành-phố nổi tiếng xưa nay là có nhiều gái đẹp, đầy vẻ quyến rũ. Rồi chuyện gì phải đến đã đến :

Lâu ngày, đi dò dọc trên sông Hương hoài rồi cũng đâm chán, viếng thăm mộ Nghè Đồng, mộ Cả Văn-Sanh, mộ Thất-Lan, v.v... ở trong Thành Nội, hoặc các cô Đào, cô Chỉ nổi tiếng hoa-khôi bên Đất Mới (gần Vạn-Động-Trường « Tự-Do ») hoài rồi cũng thấy hết hứng thú, Ông Tr.-Ký mới bắt nhân-tình với một nàng tự xưng là « Công-Chúa » ở dốc Nam-Giao, có tiếng là đẹp, thanh-lich và đài-các. Tuy « Công-Chúa » chưa có

chồng, nhưng thường sống một cuộc đời rất lãng-mạn, không khác gì cô Marguerite Gauthier trong truyện «*Trà-Hoa-Nhĩ*» của Alexandre Dumas Fils, đêm ngày nhà nàng tiếp nập khách hào-hoa phong nhã, qnan nhỏ có, quan to cũng có. Chẳng những nàng nổi tiếng về sắc đẹp, nàng lại còn nổi tiếng là một nữ-thi-sĩ tài ba và một danh cầm hữu hạng nữa. Thảo nào mà ông Tr. - Ký nhà ta không chết mê chết mệt với nàng cho được? Sau khi chiếm được nàng rồi, có lẽ nhờ ở chỗ ông ta «*đó*» con và «*đóng*» bạc cắc, ông rất lấy làm hãnh diện, tự cho mình là người sung sướng nhất trần-gian. Đi đâu, ông cũng khoe khoang với bạn bè cái «*chiến-lợi-phẩm*» mà ông vừa đoạt được trên «*chiến-trường tình-ái*».

— Đó là một «*kỳ công*», anh biết không? Chính ông ta đã nói với tôi như thế.

Kề ra, đó là một «*kỳ công*» thật! Vì có bao nhiêu là vương-tôn công-tử, bao nhiêu là tai to mặt lớn lui tới nhà nàng, thế mà ông ta đã chiếm được nàng làm của riêng, thì chẳng phải «*kỳ công*» là gì? Thành thật mà nói, chính tôi cũng phải phục tài chinh phục phụ-nữ của ông ta, vì, — xin thú thật, — chính tôi, bạn của ông ta, là «*kẻ chiến bại*» khi muốn ôm nàng vào lòng mà nàng đã từ chối!

Thế rồi, bặt đi một dạo gần sáu tháng, tôi mới gặp lại ông Ký. Lần này, trông ông ta có vẻ

tiều tụy, gầy gò và già đi nhiều lắm, tôi bèn hỏi nguyên-do, thì ông ta đáp :

— «Anh ạ ! Tôi đã đệ đơn xin về hưu non rồi, để trở về Quảng-Nam, không thì chết mất !

— «Ủa, anh nói chi mà lạ rứa ? tôi hỏi,—Anh còn những mấy năm nữa mới đáo hạn hưu-trí kia mà ! Tại sao lại nói đến chuyện về hưu ? Và ai đã làm gì anh mà phải nói đến tiếng «chết» ? Bộ anh điên rồi sao, anh Ký ? Còn nàng «công-chúa» của anh đâu ?

— «Tôi không điên đâu anh ạ ! Tôi nói tất cả sự thật đó mà ! Chỗ anh em, tôi không dấu gì anh hết : Số là kể từ khi tôi chiếm được trái tim của «công-chúa» mà anh đã biết đó, và ăn ở với nàng như vợ chồng, tôi tưởng tôi đã nắm được hạnh-phúc ở cõi đời này rồi. Có dè đâu đó chính là của nợ ba mươi đời nhà tôi cũng không bằng ! Tôi có ngờ đâu rằng tôi đã vợ phải một con đàn-bà «hystérique» (1) hết cỡ nói, một Đắc-Kỷ, một Từ-Hy Thái-Hậu, một Catherine de Russie, một Lucrèce Borgia hợp lại ! Anh biết không ? Đêm nào cũng như đêm nầy, nàng bắt tôi phải «phục-vụ» nàng quá sức chịu đựng của tôi, không cho tôi nghỉ xả hơi lấy được một đêm, khiến cho ngày nay, tôi ra thân thè như anh thấy đây. Đã thế, tất cả số tiền lương hàng tháng của tôi,

(1) Hystérique : bị dâm bệnh thần-kinh nên trở thành đa dâm.

tôi trao tất cả cho nàng mà nàng cũng chưa vừa lòng. Anh thử nghĩ coi: Tôi có trong quê tôi ở Quảng-Nam đến 50 mẫu ruộng đệ nhất đẳng, tôi đã bán cha nó đi hết 30 mẫu rồi để nàng tiêu xài, chỉ còn lại có 20 mẫu mà nàng cũng nhẫn tâm thúc dục tôi phải bán nốt. Anh ạ! với cái đà này, nếu tôi không sớm toan liệu, thì chẳng chóng thì chầy, tôi sẽ bị khánh tận sạch sành sanh là cái chắc, mà cho đến cả cái mạng sống của chính tôi nữa, chắc cũng «đi đon» mất thôi... với con quỷ dâm dục ấy. Chớ nên, để cứu vãn tình thế, tôi đã nghĩ ra một kế mà tôi phải thi hành ngay. Đó là «Đào vi thượng sách»: Tôi đã quyết-xin về hưu non để về sống bên cạnh vợ con tôi ở Quảng-Nam với 20 mẫu ruộng còn lại, hầu thoát ra khỏi nanh vuốt của con «Đắc-Kỷ» tàn thời ấy. Tôi chỉ còn chờ Chỉ hưu-trí ra là tôi «dọt» ngay tức khắc.»

Nghe Tr. - Ký nói đến đây, tôi nghĩ bụng: «Hú vía! Nếu trước kia mà con bé ấy chịu mình, thì chắc chắn là ngày hôm nay, mình đã về châu ôn châu mẹ từ khuya rồi! Thằng Ký nó «đồ» con như vậy mà còn không chịu nổi với con bé ấy, nữa là mình thuộc hạng «trời gà không chặt». Thật là phước ba mươi đời nhà mình».

Tôi đã bắt tay Tr. - Ký toan quay đi, thì ông ta níu tôi lại mà nói:

— «À quên! Xin anh rón lại một phút nữa thôi để tôi kể nốt chuyện này cho anh nghe: Con bé là một «cây» thơ, anh biết không? Khi phong

phanh nghe tôi đệ đơn xin về hưu non đề «chạy làng» nó mà về quê, nó có gởi cho tôi một bức thơ, vì từ hôm tôi đệ đơn xin về hưu đến nay, tôi trốn biệt không dám gặp mặt nó nữa. Mở phong bì ra xem, thì đó là một bài thơ «thất ngôn bát cú» mà chính nó đã sáng-tác với ý định rõ rệt là niu tôi trở lại với nó bằng văn - chương thi-phú. Tôi xin đọc anh nghe :

*«Chẳng nói thì thương, nói cũng thừa,
Hưu chi hưu vội sức đương vừa.
Chi em ngấm lại dung ông thế,
Son phấn buồn cho phận thiếp chưa?
Bề ai nhớ người ai nhớ của,
Thuyền tình khi đón ngàn khi đưa.
Thôi xin ông chớ về chi vội,
Ở ràn cùng em nói chuyện xưa».*

Tôi hỏi : «Thế rồi anh có trả lời cô ta không? Và nếu có, thì trả lời ra làm sao? Anh có thể cho tôi biết được không?

— «Được lắm chứ! Tr. - Kỳ đáp. Chi chi đi nữa thì mình cũng là bậc văn-chương học-thức. Về phương-diện kia, thì mình chịu thua nó đứt đuôi đi rồi, chứ về phương-diện văn-chương thi-phú, thì còn khuya mình mới thua nó. Cho nên tôi đã họa lại bài thơ của nó, và xin phép đọc đề anh nghe xem có được không nhá.»

— Dạ, xin anh cứ đọc, tôi nghe đây.

Tr. - Ký dẫn hẳn một tiếng đề lấy giọng rồi đọc :

*« Tinh nghĩa cô mi lão chán thừa,
Thôi xin cô hãy nói vừa vừa.
Ngọt bùi nếm đủ, mình thôi chớ !
Đồ đạc niêm rồi, chị thấy chưa ?
Đó dầu ép duyên mà ép nợ,
Đấy không cầu đón với cầu đưa.
Đố ai ái mộ cho ông ở,
Phủ áo ra về hết chuyện xưa ! »*

Tr. - Ký nói tiếp :

« Con bé nó nhắc đến chuyện xưa là chuyện gì anh biết không? Chuyện «ấy» đó mà, — cái chuyện làm cho tôi ra thân thè như thế này đây! Nó nhắc đến chuyện xưa đó mà tôi phát ón, phát nổi cả da gà! Nó không biết tôi «chạy làng» nó là vì chuyện «ấy» hay sao mà nó còn nhắc lại? Con bé quả thật không thông minh một tí nào khi có ý định giữ tôi lại với nó. Cho nên trong câu kết của bài thơ họa của tôi, tôi đã trả lời nó dứt khoát: không chuyện xưa chuyện nay gì nữa cả! Hết chuyện xưa rồi! Đừng có hòng! *«Phủ áo ra về hết chuyện xưa!»* Tôi họa như vậy anh nghe thế nào? Có được không anh?

— «Được lắm, hay lắm! Nhưng thôi, anh nên lo về ăn uống tầm bở và thuốc men đi là vừa, kẻo nếu anh ngã bệnh nằm xuống, thì chỉ tổ làm khổ chị và các cháu mà thôi!»

— «Dạ, dạ, xin cảm ơn anh nhiều lắm. Xin chào anh.

Sau khi Tr. Ký đi rồi, tôi nghĩ : « *Sắc bất ba đào dị nịch nhân* » là thế đó. Cồ-nhân nói thật không sai. Mình phải mau mau đem câu chuyện của thằng Ký đi nói cho tất cả bạn bè đều biết để tránh xa con bé « *hystérique* » khủng khiếp đó, vì nghe đâu sau khi thằng Ký bỏ cuộc, mấy thằng M, thằng H và cả thằng L nữa, đã mon men léo hánh đến nhà con bé đó rồi. Nguy quá ! »

SOVIMAR

CÔNG - TY TRÁCH - NHIỆM HỮU - HẠN VỐN 500.000\$00

Trụ-Sở 12 Công-Lý SAIGON—VIỆT-NAM

SỐ THƯƠNG-MÃI : 1042-B

S.Q.G.D.B. 65-518-21-101.

SOVIMAR ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI

SHIPMAR ĐÀ NẴNG

Chi-nhánh Đà-nẵng : 6 Độc-Lập ĐÀ NẴNG

Đ.T. 20.231

Hộp thư : 26

PHƯỚC-THỌ-ĐƯỜNG

28 Đại-Lộ Đồng-Khánh — ĐÀ-NẲNG

**THUỐC BẮC và
CAO ĐƠN HOÀN TÁN**

CHẤN-XƯƠNG

NHÀ BUÔN và KHAI QUAN-THUẾ

20 Đường Yên-Báy — ĐÀ-NẲNG

CUỘC CHÍNH-BIẾN NĂM 1933

Năm 1933, nhơn dịp vua Bảo-Đại hồi loan và thay đổi Nội-các, các thi-sĩ đất thần-kinh đã sáng tác ra nhiều thi-văn đề trào-phúng năm cụ Thượng-thơ về hư-trí bất-đắc-dĩ, trong đó có bài thơ và bài văn tế sống sau đây là nổi tiếng hơn cả :

CUỘC CHÍNH-BIẾN NGÀY 2-5-1933

*Năm Trạ khi không ngă cái inh !
Đất bằng một tiếng thấy đều kinh :
Bài không đeo nĩa đem dưng lại (1)
Đàn chẳng ai nghe khéo giở hình (2)*

(1) Nguyễn-hữu-Bài, Thượng-thơ Bộ Lại

(2) Tôn-thất-Đàn, — Bộ Hình

Liệu thể không xong binh chẳng dặng (1)
 Liêm đành giữ tiếng lễ đừng rình (2)
 Công danh thói thể là hư hỷ (3)
 Đại sự xin nhường lớp hậu-sinh (4)

(Hoài-Nam Nguyễn-trọng-Cần)

Nếu đề ý, bạn đọc sẽ nhận thấy trong bài thơ trên, trừ hai câu thơ đầu, mỗi câu đều có tên của một Cụ Thượng-thơ và tên của Bộ liên hệ.

BÀI VĂN TẾ SỐNG NĂM CỤ

của Võ-Thái

Hỡi ơi! Nắng héo cành hoa, sóng xiêu cột trụ.
 Hội văn-minh nên giữ lễ công, tài lão luyện
 khá thương người cũ.

Năm quý-dậu (1933) canh gà gáy thức, thời
 tĩnh rồi một giấc hoàng lương.

Tiết Nam-Phong (5) ngọn gió thổi đồn, bỗng
 trốc cả năm cây đại-thọ.

Nhớ các Cụ xưa:

Trí lự thông minh,
 Khôn ngoan tài ngỗ.
 Minh trải bốn Triều.
 Quan trên sáu Bộ.

(1) Phạm-Liệu, Thượng-thơ Bộ Binh

(2) Võ-Liêm — Bộ Lễ

(3),(4) Vương-tứ-Đại — Bộ Công

(5) Ý nói ông Phạm - Quỳnh, chủ bút tạp chí Nam-Phong.

Chức Bình-Chương xứng mặt đại-thần, tài
kinh-tế đã nên Thạc-Phụ.

Vận-hội gặp cơn mưa gió, lạnh rãng chỉ dám
hở môi.

Công-hầu say miếng đỉnh-chung, lấp miệng vì
chưng cả vù.

Sóng hoàng-hải không yên cũng lặng, lo chi
thế ấy thế này.

Nợ tang-bồng chưa trả đã vay, khắp cả ngõ
kia ngõ nọ.

Tháng hai trước áo xiêm trời buộc, mới tế
trời theo lễ Nam-Giao,

Tháng ba sau xe ngựa dập dìu, lại hầu Ngự
làm chay Thiên-Mụ.

Kiều Hoàng-đế đã về trị nước, bảy tám năm
mừng thấy mặt trời,

Sở hưu quan chẳng động tới mình, hai ba tháng
tưởng qua luồng gió.

Cụ thì tuổi vừa sáu chục, phép trường-sinh
ắt có tiên đơn,

Cụ thời thọ quá bảy tuần, ăn lưu dụng mới
vàng Thượng-Dụ.

Ai ngờ! giống tổ bất kỳ, mây mưa đánh đổ.

Cuối xuân xanh vừa lúc hoa tàn, giữa bề hoạn
gặp cơn sóng gió.

Đầu tháng tư đời tiệt, quan Toàn-quyền chính-
phủ đã qua.

Chiều mừng tám hội hương, việc hạ lệnh
phong bì mời xở.

Giấy đã khai ra, mắt đều thấy rõ.
 Từ dưới ông Công (1) đến trên cụ Võ (2)
 Cả thấy năm Ngải, đưa về một sở.
 Chữ pháp-tự trong tay đã hiểu, cười cũng
 lờ cười,
 Gương tinh-quang trên mắt còn đeo, ngó rồi
 lại ngó.
 Tưởng đã đứng đầu năm trước (3), tha hồ để
 bác Phước-Môn. (4)
 Hay đâu đi rốc một lần, hừ hỷ chờa quan
 Thượng-Hộ. (5)
 Thảm thiết nhĩ năm mây gần đó, ngần ngơ
 trông năm vẻ rồng cao,
 Độc bạc thay một lưới quét xong, may sót lại
 một con cá nhỏ.
 Ôi ! có câu : «Danh thành thân thối», kiếp phù
 sinh nào dám kêu nài,
 Tủi khi tổng cựu nghênh tân, chữ «bồn
 nhật», (6) thiệt là khắc-khờ.
 Ôi thời thời ! Sĩ chỉ tùy thời, hành tàng (7)
 tùy ngộ.

(1) Ông Công là ông Vương-từ-Đại, Thượng-thor Bộ công.

(2) Cụ Võ-hiền Nguyễn hữu-Bài, Thượng-thor Bộ Lại.

(3) Năm trước là : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

(4) Phước-Môn : Nguyễn-hữu-Bài

(5) Ông Thái-văn-Toản, Thượng-thor Bộ Hộ, được ở lại.

(6) Bồn nhật : lấy ở câu «đĩ bồn nhật vi thi».

(7) Hành tàng : có khi làm cũng có khi nghỉ.

Vua đã tha mà Pháp chẳng tha, ta không phụ
sao người nữ phụ ?

Bước qua năm mới, lối khương cù may khỏi
gác xe,

Biết có ngày nay, cửa huyền-võ trước thà
treo mũ.

Ngao ngán thay trên hàng Hiệp-quy, một chiếu
một mâm,

Thình lình đâu đưa giấy hồi hưu, cả đoàn
cả lũ.

Hẹn phải ba ngày báii mạng, giã mai hòe mà
vui với cúc tùng.

Đành theo một lối hồi hương, tạ khanh-sĩ để
chơi cùng thân cố.

Y thường chơi một hội, áo mũ kia đã khác
lịch thời.

Lương đồng thiếu chi người, nhà cửa đòi giao
cho tân chủ.

Đất cũ đãi người mới, cuộc tang-thương sao
khéo đòi đòi ?

Ăn lâu châu no, ăn sơn-hải nặng chưa báo bổ.

Rủi mà dặng sống lâu ra lão, miệng sau lưng
nhiều tiếng khó nghe.

May cũng cho chết trẻ khỏe ma, khối trong
bụng bao giờ cho đủ.

Tuyết trắng đã thay mái tóc, bằng con thơ mà
giỡn cho khuây.

Hoa tàn còn đượm mùi hương, dạo vườn cũ
thử chơi cũng thú.

Nhờ ơn nước gặp khi tiệc lớn, năm vài lần
quen miếng thịt xua.

Tính bạc hươu xơi số bông to, tháng trăm trự
còn màu mỡ đó.

Cụ thì dạo chơi sơn thủy, ra Bắc vào Nam (1).

Cụ thì trở lại hương quan, quê cha đất tổ (2).

Cụ thì lo thực nghiệp, tìm nơi canh khẩn, chơi
với người đã lão điền phu (3),

Cụ thì nuôi phần hoa, ần bóng kinh-đó, chịu
làm kẻ kiêu cư khách ngụ(4).

Tranh tạo-hóa hãy còn treo đó, vẽ phù-vân đủ
sắc trắng xanh.

Trường diễn ca đã hết lớp rồi, mặt khói-lối
thay màu đen đỏ.

May trước đã dắt diu con rề, khiến đua bơi
mà nổi nghiệp nhà.

Mừng nay cho thông thả tháng ngày, nâng tiệc
hạc càng lên cõi thọ.

Ni sắp tới quan trường chĩnh đốn, nhỏ thì lo,
lớn thì giũ phép, cải lương cho là gánh Khanh-phu.

Rày khác xưa chính-trị sửa sang, trên vì nước
dưới cũng vì dân, lâu dài được nhờ ơn Bảo-Hộ.

Nay chép mấy vần,

Đưa mừng các Cụ.

Ô hô, thượng hưởng.

(1) Cụ Vương-tứ Đại quê ở Bắc.

(2) Cụ Võ-Liêm người làng Thần-phù (Thừa-Thiên).

(3) Cụ Nguyễn-hữu-Bài, có đồn-điền ở làng Phước-Môn.

(4) Cụ Phạm-Liệu có mua nhà ở trong thành nội Huế.

CHẦU HOÀNG-ĐẾ

Dưới triều-đại của một ông vua nhà Nguyễn, trừ những lúc vua đi săn bắn, thỉnh thoảng một tuần lễ đôi ba lần, vua cho vời các cụ Thượng vào trong Đại-nội để chầu bài, từ sau bữa ăn tối cho đến nửa đêm. Thường thường, thì vua hay được, vì Ngài chơi rất cao, mà các cụ thì hay thua.

Tuy nhiên, nếu việc vào Nội chầu bài Hoàng-thượng thường bị lỡ vốn, thì cũng có một cái lợi khác bù vào, là đôi khi có cụ mượn cơ vào chầu Hoàng-Đế để dỗi vợ mà đi ăn mảnh. Sau đây là một câu chuyện khôi hài xảy ra cách đây đã mấy mươi năm, mà ở Cố-đô Huế bây giờ, người ta còn nhắc mãi mỗi khi nói đến việc đàn ông có vợ đi ăn vụng.

Số là khi còn ở người Bắc, cụ Thượng nợ

có đến bốn vợ, nhưng từ khi cụ vào Huế trọng nhậm chức thượng-thơ, thì chỉ có bà Ba (vợ thứ ba) là sủng-ái đi theo ở với cụ mà thôi. Bà ba có tánh ghen kinh khủng mà cụ thì lại hay cả nể bà ấy (vì bà là mối tình đầu của cụ), thành thử không có bà vợ nào khác của cụ dám công khai từ Bắc vào Huế ăn ở với cụ, dù chỉ trong vài ba hôm chẳng nữa.

Vợ thứ bốn của cụ ở ngoài Bắc, gọi là « cô Tư », có nhan-sắc mặn mà, lại đang hơn hớ mười chín cái xuân, nên lâu lâu cụ cũng muốn đổi bữa, bí mật cho triệu cô ấy vào Huế, đem giấu trong một phòng ngủ ở khách-sạn Morin, để cụ tiện bề đi lại kín đáo. Cẩn thận hơn nữa, cụ thường thuê xe kéo ngoài đường để đi đến Morin, chứ không dùng công-xa, sợ lộ bí-mật.

Một hôm, vào khoảng 12 giờ đêm, cụ ở phòng cô Tư ra về, gọi xe kéo đưa cụ về tư-thất. Khi xe đến nơi, cụ xuống xe móc túi ra trả tiền công cho phu xe một cắc (tức một hào). Anh phu xe bèn cự nự :

— «Đêm hôm khuya khoắc, tôi kéo chú từ bên Morin qua đây mà chú chỉ trả có một cắc thôi à ? xin chú cho hai cắc».

Anh phu xe đâu có biết người mình vừa chở trên xe chính là một đương-kim thượng-thơ của Nam-Triều, nên mới vói vĩnh và xưng hô như thế.

Sau khi chi thêm một cắc nữa, cụ rón rén

đi vào tư-thất, thay áo quần ngủ xong, se se toan leo lên giường, thì bà Ba đang nằm trên đó bỗng vùng phất dậy, túm lấy áo cụ mà hỏi dồn dập :

— « Ông đi đâu từ đầu hôm đến bây giờ mới về? Ông nói thật cho tôi nghe thử nào! Ông đi với con dĩ nào, thì nói ngay đi, đừng có hồng mà giấu tôi, nghe không? Ông là đồ đều, Ông đi ăn mảnh tưởng tôi không biết à?

— « Minh làm gì mà dữ vậy? Minh buông tôi ra đã nào, rồi tôi nói cho mà nghe: Thì cũng như mọi hôm, tôi vào châu Hoàng-Đế, chứ có đi ở đâu đâu! Minh đừng có nghi bậy mà tội chết!

— « Đã sờ sờ ra rứa mà ông còn dám chối leo lẻo à?»

Rồi bà Ba vừa véo Cụ vào cách tay, vừa nói gần như là la trong uất hận ghen ngào:

— « Nghi bậy nè! Châu Hoàng-Đế nè! Ông đi châu con Tư bên Morin thì có!

— « Nói bậy nà! Minh căn cứ vào đâu mà nói nhảm nhí như vậy? Bằng chứng đâu?

— « Bằng chứng à! Thì ban nãy ông đi xe kéo từ Morin về đây, trả cho phu xe một cắc, nó không chịu, ông phải xùy thêm cho nó một cắc nữa. Đó là bằng chứng, ông còn chối nữa thôi?»

Cụ Thượng đành chịu thua, không dám nói gì nữa, chỉ túm túm cười, rồi lệt lệt như rắn mồng năm, trèo lên giường nằm im chịu trận, mặc cho

bà Ba vừa khóc thút thít vừa cầu nài suốt đêm bên tai cụ...

Về sau, người ta được biết rằng «bi mật» của cụ đã bị bà Ba khám phá ra bằng cách sau đây:

Thường thường, thì hàng tuần, cụ Thượng vào Nội châu Hoàng-đế vài ba lần. Nhưng có một dạo, cụ đi châu Hoàng-đế hơi nhiều, không phải vài ba lần mà đến bốn năm lần liên tiếp mỗi tuần, khiến cho bà Ba sanh nghi. Bà liền cho người tin cần đi dò xét, thì được biết cụ Ông đã đến ân ái với cô Tư ở khách-sạn Morin phía bên kia cầu Trường-tiền, nhưng bà Ba chưa vội tố thái-độ, chờ nắm đủ bằng-chứng để cho cụ Ông hết đường chối cãi.

Rồi một hôm, sau bữa cơm tối, cụ Ông ra đi, nói là đi «châu Hoàng-đế», bà Ba vẫn tỏ ra bình tĩnh và vui vẻ như thường. Nhưng đến khuya, bà lén ra đứng núp ở bụi dâm bụt phía trong cổng, chờ cụ Ông về. Một lát sau, một cái xe kéo lù lù chạy đến và đỗ cụ ông xuống vệ đường. Sau khi nghe rõ anh phu xe vói thêm tiền công, bà đã nắm đủ bằng-chứng việc đi ăn mảnh của chồng, liền chạy nhanh vào nhà, leo lên giường nằm im giả vờ ngủ, như không có chuyện gì xảy ra, cho đến khi cụ ông sắp sửa lên giường, thì bà ngồi phắt dậy, đề lộ nguyên hình «sur-tử Hà-Đông» như chúng ta đã biết.

Về sau, nhơn biết được câu chuyện kể trên,

một thi-sĩ vô-danh đất Thần-kinh đã làm mấy câu thơ trào lộng sau đây :

*« Ngõ rằng vua gọi vào hầu,
Ai dè Cự Lớn đi «chầu» cô Tư.
Đường đường một đấng Thượng-Thư,
Lá đa cũng khoái «đóng cừ» như ai.
Của ngon chẳng nỡ để hoài ! »*

Và từ đó, tại Đế-đô Huế, người ta thường dùng danh - từ « *Chầu - Hoàng - Đế* » để ám chỉ việc các đấng phu quân đối vợ đi ăn vụng.

HĂNG TÀU ĐẠI - DƯƠNG

35 Phú-Kiệt — Lầu I SAIGON

Điện-Thoại : 90.079

TỔ HỢP TRUNG-VIỆT MỀ CỐC

34 *Khải-Định* — ĐÀ-NẴNG

Hãng BẢO-VÂN

— GARAGE, PHỤ TÙNG XE HƠI

— ĐẠI LÝ HÃNG **SHELL**

SỐ 100 NGUYỄN TRI PHƯƠNG

ĐANANG

NHU DÂY BUỘC MÌNH

Không rõ ở các nước khác như thế nào, chứ ở Việt-Nam, người đàn ông lấy hai vợ thường gặp nhiều rắc rối trong gia-đình vì cảnh ghen tương. Chả thế mà tục-ngữ Việt-Nam có câu :

*«Nhà rường mà lợp tranh mây,
«Thần anh hai vợ như dây buộc mình.»*

Ông Ái-Liên Nguyễn-Đề (1891-1946-Nghệ-An), trong lúc làm quan ở Huế, đã tưởng rằng mình tránh được cái cảnh ghen tương khi lấy hai chị em ruột làm vợ, và cái cảnh bộ ba chung sống êm ấm dưới một mái nhà đã cho phép ông ấy đề cao hạnh-phúc của mình bằng bài thơ nhan đề là :

EM LẤY CHỒNG CHUNG VỚI CHỊ

*Đi dâu lang xạo nữa rồi ra,
Em nhỏ thì cô, chị lớn bà,*

*Xẻ ngọt chia bùi con ấy cháu,
Quạt nồng ấp lạnh dưỡng là cha.
Đời này mấy kẻ chung chăn chung chăn một,
Ai được như mình đũa có ba.
Khi sống vui vầy, khi chết khóc,
Anh a ! Mấy tiếng lại chồng a !*

Nào ngờ, sau một thời-gian chung sống, cái cảnh êm ấm nói trên không còn nữa mà đã nhường chỗ cho cái cảnh ghen tương thường tình, khiến cho thi-sĩ họ Nguyễn phải thốt ra những lời than thở thật là ray rứt trong bài thơ sau đây :

THÂN ANH HAI VỢ

*Dang diu làm chi thiệt đã rầy !
Thân anh hai vợ rồi như dây.
Nợ duyên mấy đoạn vầy vò bấy !
Ấn ái đôi đành lặn đạn thay !
Chấp nôi sợi mảnh nên cắc cớ,
Vấn vương tơ nguyệt khéo thày lay.
Trong vòng mắc phải đành khôn dứt,
Chàng Thúc (1) ngày xưa cũng bó tay !*

Cái sự thật muôn đời ấy đã được cụ Nguyễn-Du, tác-giả «Đoạn-Trường Tân Thanh», nhắc lại, qua cửa miệng của Hoạn-Thư, một người vợ đánh ghen thâm trầm nhất cổ kim, trong hai câu thơ bất hủ sau đây :

*«Lòng riêng riêng những kinh yêu,
«Chồng chung chưa dễ ai chịu cho ai».*

(1) Chàng Thúc là Thúc-sinh ở tuyện Kiều của Nguyễn-Du.

NĂM GỐC CÂY SUNG

Năm 1925, nhà cách-mạng Phan-bội-Châu (1866-1940-Nghệ-An) bị bắt ở Thượng-Hải và giải về Hà-Nội. Cụ bị thực-dân Pháp kết án tử-hình, nhưng được viên Toàn-quyền Varenne ân-xá và đưa về giam lỏng ở Huế. Ở đây, vào những ngày hè nóng bức, Cụ thường hay xuống nằm nghỉ mát dưới gốc cây sung ở gần đầu cầu Bến-ngự, trên một chiếc thuyền con. Nhân thoáng nghe một cô lái đò hét véo von :

«Ấn sung nằm gốc cây sung,

«Lấy anh thì lấy nằm chung không nằm.»

Cụ cao hứng làm bài thơ sau đây để nói lên tình cảnh nước Việt-Nam lúc bấy giờ, chẳng khác nào một cô gái Việt bị ép duyên với anh chàng lùn.

Nhật-Bồn (lúc đó đã có quân lính đổ bộ lên bán-
đảo Đông-Dương rồi) :

*« Thời thế xui nên giả vợ chồng,
Lấy anh chưa dễ đã nằm chung.
Ừ ! Chơi cho nó toi đồng bạc,
Há dễ cho ai nếm má hồng.
Cười gượng lắm khi che nửa mặt,
Khóc thầm vì nỗi khác hai lòng.
Bao giờ duyên mới thay duyên cũ,
Thỏa thuận cùng nhau tát bể đông !*

ĐẠI-ĐÔNG-Á
BẢO-HIỂM CÔNG-TY
(Great Asia Insurance Co)

Trụ sở trung ương : 40, Hiền-Vương
— SAIGON —

Đ.T. : 24.176 — 99.923

Bảo phí nhẹ — Bồi thường mau lẹ

BIA KỶ - NIỆM CHÓ

Hồi đó, Cụ Phan-bội-Châu thường bị bọn mật-thám tay sai của Pháp bao vây canh chừng. Cụ có nuôi một con chó và khôn lắm tên là «ky» mà Cụ rất quý. Khi nó chết, Cụ chôn cất tử tế, lại dựng cho nó một tấm bia trên đó cụ có khắc một bài văn đề kỷ-niệm như sau :

*«Người hơi có đức nhân, hơi kém về phần trí,
Người hơi có đức trí, hơi kém về phần nhân.
Vừa trí vừa nhân, thật là ít thấy.*

Ai ngờ con Ky này

Lại đủ hai đức ấy.

*Chung nhau thờ một chủ, thời xem nhau
là anh em, chẳng bao giờ như mèo với chó, thực
là nhân đó.*

*Thấy không phải chủ, thời xem bằng cừu thù,
chẳng bao giờ vì miếng ngon dẫn dụ, thật là trí đó.*

*Trí vừa nhân, nhân vừa trí,
Trông giống súc mà người e, đến đây
mới thấy.*

*Sao mà vội chết,
Hỡi trời, hỡi trời !
Lòng ta đau đớn,
Phải tạc mấy lời.*

*Đau đớn quá. đau đớn quá !
Kìa những hạng muông người !
Vì có dùng nên liều chết phần đầu,
Vì có nghĩa nên trung thành với chủ.
Nói thời dễ, làm thật khó.
Người còn vậy huống chi chó !*

Ồi !

Con Vá, đây đủ hai đức đó.

*Há như ai kia,
Mặt người lòng thú,
Nghĩ thế mà mà đau !
Dựng bia mộ chó. »*

Độc bài văn trên, chắc ai cũng rõ thâm ý của Cụ Phan nói đến những cái hay của chó để mạt-sát những kẻ lòng người dạ thú, cam tâm làm tay sai cho thực-dân Pháp để đàn áp các nhà ái-quốc Việt-Nam.

LÀM THƠ SUÝT BỊ TÙ

Dưới thời Pháp thuộc, hồi Cụ Phan-văn-Hy (1890 Quảng - Trị) làm bác-sĩ công ở Bệnh - viện Huế, phương-tiện di-chuyển thông dụng nhất ở đế-kinh là xe kéo, tức là xe hai bánh do người kéo. Thời bấy giờ, hầu hết các quan Tây và quan ta đều dùng thứ xe ấy để xê dịch.

Đau đớn trước tình-cảnh nô-lệ của dân ta, Cụ Phan-văn-Hy đã khéo gói ghém tâm-sự của mình trong bài thơ sau đây :

VỊNH ANH PHU XE KÉO

*Công việc phu xe chẳng khó gì,
Người đi không nài kéo người đi.
Giả làm tôi mọi cho qua buổi,
Đánh đổ quan quyền cũng có khi.*

*Phổ xá đua chen cùng võng giá,
Phong trần lem luốc cả tu mi.
Người ngồi người kéo đều người cả,
Có khác nhau chẳng một chữ «thì»!*

Hai câu :

*‘Giả làm tôi mọi cho qua buổi,
‘Đánh đổ quan quyền cũng có khi.’*

đã nói lên ý chí nhấn-nhục và quật-cường của dân-tộc ta dưới ách thống-trị của thực-dân Pháp và bọn quan lại thối nát.

Chẳng may cho Cụ, có kẻ muốn dâng công với Pháp, đã đem bài thơ trên mách với trùm mật - thám Tây ở miền Trung thời bấy giờ là Sogny, suýt làm cho Cụ mất chức và tù tội nếu không có kẻ có thể lực bênh vực Cụ.

Mặc dù vậy, Cụ vẫn không chịu bỏ cái tính châm-biếm những kẻ làm tay sai cho Pháp, nên vẫn tiếp tục làm thơ đã kích chúng, nhưng dưới một hình-thức ít lộ liễu hơn. Thí dụ hai bài thơ sau đây :

HÀM-GIANG VÃNG ĐIỀU

*Trên sông một bầy vịt,
Dưới sông một bầy vịt.
Thấy con dại thời nhiều,
Chớ con khôn thời ít.*

*Con thời lội chúi đầu,
Con thời chạy quẩn đít.
Không biết họ nuôi mình,
Cối là đề ăn thịt !*

XE LỬA

*To đầu mà chạy thật đà mau !
Chỗ gọi rằng xe chỗ gọi tàu.
Đi khắp tỉnh này qua tỉnh nọ,
Nối liền toa trước với toa sau.
Nước sôi than nóng không nài khờ.
Lối vạy đường cong đã thuộc làn.
Lui tới đều quyền tài-xế cả,
Bảo gì làm nấy biết gì đâu !*

DƯỠNG-ĐƯỜNG và BẢO-SANH-VIÊN

TÊ - RÊ - XA

11-A đường Cao-Thăng — ĐÀ NẴNG

ĐT. 20 366

Nơi đáng tin cậy của các bệnh nhân và sản phụ

Công ty phân bón
THẠNH - NÔNG

Nhập cảng phân bón đủ loại

Số 21 Quang-Trung — ĐÀ NẴNG

CÔ GÁI HUẾ

Ai đã từng có dịp tới cố-đô Huế cũng phải công nhận rằng các cô gái Huế có một vẻ đẹp đài các thật quyến rũ, nhất là có một đôi mắt hung huyền thật trong trẻo, tinh tú và mơ mộng, khiến cho một thi-sĩ, trước cái nhìn của một giai-nhân xứ Huế, đã phải ca tụng đôi mắt người đẹp bằng những vần thơ đắm đuối như sau :

ĐÔI MẮT

*Đôi mắt giai-nhân thoáng gọn buồn,
Đầy hồ xuân biếc gọi yêu đương,
Đầy làn thu thủy trao thương nhớ.
Ngát một trời tình tỏa sắc hương.*

H.T.

«Học trò trong Quảng ra thi,
«Thấy o gái Huế chân di không rời!»

GẢI HUẾ

Μυθου

Học-trò trong Quảng ra thi,
Thấy o gái Huế chân đi không rời.
Chuyện đời ngồi nghĩ nực cười,
Lần môi khóe mắt nhử người văn-nhân.

Nói

*Khách hà nhân giả,
Đường công-danh, xa mã rắp đua chen,
Mấy mươi năm nghiền bút sách đèn,
Thì cử đến cũng một phen ra sức.
Nào nghiền bút, chõng lều, nào của tiền
 lương thực,
Vượt núi sông nô nức đến kinh kỳ.
Tưởng rồi đây áo gấm vinh qui,
Thông kinh sử, lo gì không đỗ đạt.
Thú thành thị khách còn ngơ ngạc,
Khác nào đâu mừng mán lạc về kinh.*

Rõ oái oăm con tạo khéo đa tình,
Xui có gái Huế, chàng thư-sinh gặp gỡ.
Khách bỗng thấy tâm hồn rạn vỡ,
Chân muốn đi ngơ ngợ bước không đành.
Ai nữ nào hờ hững với gái Kinh-thành,
Thân tha thướt, xinh hơn cảnh liễu yếu.
Mắt mơ mộng như dòng sông Hương trong trẻo,
Làn môi son như cột ghẹo kẻ râu mày.
Khách thấy mình không thuốc mà say,
Cơn sóng sắc mới hay là thể thể.
Chân ải gặp ghềnh chằm bẻ quẻ,
Thành Xuân vương vít muốn vịn hoa.
Thôi vông đào, thôi lộng tía, thôi áo gấm,
thôi thể ngà,
Bao thức ấy há ăn qua nhan-sắc ấy.
Lều với chõng xếp ngay vào xó vậy.
Đường công-danh khách đổi lấy đường tình.
Phải chăng duyên nợ ba sinh ?

BỬU-KẾ

VĂN - PHÒNG MÔI - GIỚI BẢO - HIỂM

Bà ĐỖ-THỊ-HIỆP

140/6 đường Huỳnh-quang-Tiên

Phủ - Nhuận — GIA - ĐỊNH

Đ.T. 44.935

**LO MỌI THỦ-TỤC BẢO-HIỂM MAU LẺ
LO VIỆC BỒI THƯỜNG LẠNH, CHÓNC**

ĐỒNG - AN - HẰNG

THỤ THÁC HÀNG-HẢI và CHUYÊN BỐC DỠ HÀNG HÓA

(188 cũ) 204 mới Bạch - Đằng — ĐÀ NẴNG

Đ.T : 20.264

Điện Tín Đông-An — ĐÀ NẴNG

Hộp thư số : 36

ĐẠI LÝ CÁC HẰNG TÀU :

- | | |
|------------------------------|---------------|
| — NAM-VIỆT HÀNG-HẢI CÔNG-TY | SAIGON |
| — HẰNG TÀU VIỆT TẢI | SAIGON |
| — NAM-QUẬN HÀNG-HẢI CÔNG-TY | SAIGON |
| — HẰNG NGHIỆP Á-CHÂU CÔNG-TY | SAIGON |
| — HẰNG VISHIPCO LINES | SAIGON |

TRÒ ĐEN BẠC

Vào khoảng năm 1931, cô Phan-thị-X, nữ-sinh trường Đồng - Khánh Huế, con gái của một vị đường-quan Nam-Triều, dòng-dõi cụ Phan-thanh-Giản, có đính hôn với một học-sinh tên là Nguyễn-K. (hiện nay là thạc-sĩ vật-lý-học ở bên kia vĩ-tuyến 17).

Sau khi K. đỗ tú-tài toàn phần, nhà gái bỏ tiền ra cho chú rể tương-lai sang Pháp ăn học. Ai ngờ sau khi thành tài trở về nước, ông tân thạc-sĩ K từ hôn với cô Phan-thị-X để cưới một người con gái khác đẹp hơn và giàu có hơn.

Đau đớn trước hoàn - cảnh phũ phàng ấy, người thiếu-nữ bị tình phụ, vốn là thi-sĩ, chỉ còn biết gởi tâm-sự khổ đau của mình vào mấy vần

thơ đề than thân và trách móc con người bội bạc. Do đó, giọng thơ của nàng thật là ray rứt và lâm ly. Chúng ta hãy đọc :

TRÒ ĐEN BẠC

*Tóc bạc nay đã điểm mái xanh,
Mười năm dằng dặt đợi chờ anh.
Nửa rèm phong-nguyệt đôi hàng lệ,
Muôn dặm quan-san một gánh tình.
Đặng cá ai ngờ quên phúc đó,
Qua cầu sao nữ tháo phăng đình ?
Xưa kia ví biết trò đen bạc,
Giắc mộng trường xuân ngủ suốt canh !*

Phan-thị-X.

Tiếng thồn thức của lòng nàng đã được cô đọng lại thành những vần thơ thật là trác tuyệt.

SANH-ĐIẾU

Thường thường người ta làm văn-tế là để tế người chết, chứ không ai làm văn-tế để tế người còn sống. Thế mà tại Cố-đô Huế, vào mùa xuân Tân-Mão 1951, khi cụ Ung-Bình Thúc - Gia, Thượng-thơ hưu-trí, được 75 tuổi, các bạn làng thơ đã bày ra lễ diếu sống tiên-sinh, trước là để cho bạn bè con cháu đến mừng thọ và sau là để cho các thi-bá có dịp trở tài Lý Đờ. Đó là một trò chơi tao nhã, có pha một phần nào tính-chất hài-hước, bày cho chúng ta thấy một khía cạnh độc đáo của tinh-thần trào-phúng trong thi - ca xứ Huế.

Cụ Ung-Bình Thúc-gia là một thi-ông nức tiếng của làng Nho nước nhà, đã được các bạn làng thơ bầu làm chủ-súy «Hương - Bình Thi-xã» trong một thời - gian khá lâu cho đến ngày cụ

mất (4-4-1961). Cụ là con cụ Hiệp-tá Tiều-Thảo Hồng-Thiết, cháu nội đức-ông Tuy-lý-Vương (một đại-thi-hào Việt-Nam, tác-giả bộ Vỹ-dạ Hợp-tập).

Về lễ sanh-điều nói trên, cụ Phù-giang Phan-thế-Roanh, trong bài «Tiều-sử của cụ Ưng-Bình Thúc - Gia» đăng trong tập thơ «Đời Thúc - Gia» (thơ của Thúc - Gia), xuất bản năm 1961, đã ghi lại những chi-tiết khá lý thú như sau :

«Nhân trong một cuộc hội-ngâm (của Thi-xã Hương-Bình), có mấy vị đã nhắc tới những bài điều-văn tuyệt tác, Tiên-sinh (cụ Thúc-gia) nhận thấy rằng các bạn già nên được phúng ngay từ khi còn sống mới thưởng-thức được văn hay. Thế là chỉ đêm ngày sau, Tiên-sinh bắt đầu nhận được những bài thi-văn sanh-điều của các thi-hữu xa gần, và cả của nhiều người mà Tiên-sinh chưa từng quen biết. Rồi một hôm, cách đó hơn ba tuần, bạn bè các nơi tấp nập đến viếng Tiên-sinh. Lúc bấy giờ, tại hưu - đình Lộc-minh (nơi hưu-dưỡng của Tiên-sinh thường dùng làm chỗ hội-ngâm của Thi-xã), la liệt đối trường treo kín mấy bức tường, ngồn ngang giấy tờ bày trên mặt án, xanh đỏ xen nhau, nào văn-tế, nào câu đối, nào thơ, nào ca-trù, nào ca Huế, nào hò mái-nhì, lời vui hơn Tết. Tận đàng xa, đã nhìn thấy trương đăng kết thái, lại vắng nghe thấy tiếng rộ cười, xen lẫn với tiếng ngâm đọc du-dương, tiếng đàn ca thanh thót.

«Bài văn-tế và đôi câu đối sau đây là của

cụ Nguyễn-khoa-Vy, do ông được-sĩ Nguyễn-văn-Lộc quý đọc mừng Tiên-sinh trong dịp lễ sanh-điếu :

«Ai ơi !

Nhân dục vô nhai,

Thiên-cơ mặc liệu.

Vẫn biết sống già mệt xác, trăm người cũng muốn sống dai. Tuy rằng chết trẻ khỏe ma, mấy kẻ mà ưng chết yểu.

Kính duy Tiên-sinh :

Mến cảnh điền-viên,

Nặng tình lãng-miếu,

Niên-xỉ tuy cao,

Tinh-thần chẳng gấu,

Làm thi-ca đầy đủ tinh-tinh,

Đặt tuồng văn đàn rành âm-điệu.

Trước xuất-sĩ vô tòa Bảo-hộ, đậu cử-nhân
qua chức Nam-triều,

Sau hồi hưu thay mặt nhân-dân, làm Viên-
trưởng nên tài Đại-biêu.

Hay dè dặt lời ăn tiếng nói, vẫn không ngọng
bởi xôi chùa,

Cứ thẳng ngay nước bước đường đi, nào có
oam như tre miếu.

Ba bốn tỉnh làm quan thanh bạch, vàng thoi
bạc nên không dư,

Mấy mươi năm vui thú giang-hồ, gió mát trăng
thanh chẳng thiếu.

Có ngôi mạng-phụ, đã lo âu giữ mối cầm giường,

*Thêm vị tiêu - tinh, lại sẵn sóc quạt màn
sử chiếu.*

*Trai khôn lớn Bửu-Tường, Bửu-Bá, cũng tài
ba sẵn tánh thông minh. Gái ngây thơ Hỷ - Thọ,
Hỷ - Khương, đủ công-hạnh có bề yêu-diệu.*

*Tiểu-thảo đình cảnh cũ, thêm tươi màu ngọc-
diệp kim-chi, Tuy-lý Phủ gương xưa, thường tỏ
vẻ thần trung tử hiếu.*

*Quận-triều trọng-vọng, đã là ông chức tước
cao cao,*

Sơn-thủy nhân-du, lại có vẻ thần-tiên tiểu tiên.

Hôm nay :

Gặp tiết xuân quang,

Lễ bày sanh diếu.

Rượu trà có sẵn đầy ve,

Trướng liễn treo lên đủ kiêu.

*Kẻ câu thi, người câu đối, văn-chương khác
thề gấm thêu,*

*Kìa sắc đỏ, nọ sắc xanh, phên vách nhuộm
màu vóc nhiều.*

*Bạn bè lui tới, nghe ngâm nga nào có
nghe than,*

*Con cháu vô ra, thấy vui vẻ mà không
thấy mếu.*

*Bàn bàn tiệc tiệc, ngạt ngào hương rượu cúc
trà sen,*

Hát hát ca ca, tươi lốt sắc má đào mảy liễu.

*Khi sống thử làm khi chết, cụ ừng chơi mà
họ chẳng dám chơi,*

*Chuyện buồn đem diễn chuyện vui, mình
tưởng giễu mà ai cho là giễu.*

*Ba vạn sáu ngàn ngày có mấy, dẫu hèn dẫu
quý, đồ âm-dương một chuyển phải qua.*

*Một trăm hai chục tuổi là ai, nào đại nào
khôn, lẽ Tạo-hóa mười phần đã hiểu.*

*Gặp gỡ nay đã đủ mặt, chén kim bôi rượu
thọ chúc mừng,*

*Dở hay chi cũng tiếng mình, bài văn-tế món
quà xin biếu.*

Phục duy phủ giám.

CÂU ĐỐI :

*« Có Huệ, có Na, đương học võ kếp đào,
họ quyết yêu cầu thầy ở lại.*

*Ông Lý, ông Đỗ, dẫu giữa nghề ngấm vịnh,
ai cho nghinh tiếp cụ về chơi. »*

*« Một thi - sĩ vô - danh đã có bài thơ viếng
như sau :*

Tuổi bảy mươi lăm, Phật ở đời,

Vui khi còn sống điều mà chơi.

Con dâng lễ cúng, hầu ban chuyện,

Bạn viết văn ai, đến chọc cười.

Xót mắt bụi trần, chưa nở nhảm,

Nóng lòng vạn nước đề chờ coi.

Hoàng-gia nguyên-lão còn không mấy,

Dưới đất văn-chương nở thiếu người.

«Cụ Tổng-nguyên Nguyễn-hữu-Hậu cũng có bài ca-trù viếng như sau :

*Phù-sinh nhược mộng,
Ai sống đây mà điếu sống ai đây ?
Phải chăng người tri-kỷ xưa nay,
Là thi-bá tiếng thầy Thúc-Giạ-Thị.
Tao-đàn sẵn nếp nhà Tuy-Lý,
Hoạn-bộ dừng chân bước Thượng-thơ.
Vẻ người trang-nhã dễ ư,
Khi chén rượu lúc câu thơ tỉnh-linh đủ.
Văn thái phong-lưu nhân bất hủ,
Với Hương-Bình còn lắm thú thanh-cao,
Gió trắng ngày tháng tiêu-dao.*

«Tiên - sinh có tạ lại các bạn làng thơ bằng bài ca-trù sau đây :

*Xuân phong vô dạng,
Mình còn đây mà liễn điếu bạn đi đây:
Xanh xanh đỏ đỏ chừng đây,
Hàng Nhựt có, hàng Âu-Tây cũng có.
Ngâm-luật ngôn ngôn giai cầm-tú,
Ca-trù tự tự lẫn châu-ky,
Những câu ca câu đối lại siêu-kỳ,
Thiệt chết cũng e khi mừng sống lại.
Huống thử bạch đầu xuân tại, tại,
Bảy mươi lăm xuân hầy còn xuân.
Ngỏ lời tạ đấng văn-nhân.*

TIỆC CỬU TUẦN THƯƠNG-THỌ

Một ngày vào khoảng năm 1964, cụ Thảo-am Nguyễn-khoa-Vy (sinh năm 1881 tại làng An-cự Huế), mở tiệc ăn mừng thương thọ 90 tuổi tuy vào lúc đó, cụ chỉ 83 tuổi thôi. Vì cụ có chân trong « Hương-Bình Thi-xã », nên các bạn bè Thi-xã đến dự tiệc rất đông. Ai nấy đều có một bài thơ đề mừng cụ. Riêng thi-hữu Văn-am Nguyễn-bá-Nhiệm thì làm một bài ca-trù khá hài hước như sau :

MƯỜU

*Tuổi trời mới tám mươi ba,
Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho ;*

Nợ Xã-tắc (1), nợ giang-hồ, (2)
Nợ cô bán rượu, nợ o lái đò.

NÓI

Cứu tuần thương-thọ,
Trước bảy năm, gọi có tiệc tùng chơi.
Vẫn còn đang vui sống dẻo dai,
Nợ trần-tục, trót vay ai — âu phải trả.
Mồ Phật! Cũng ưng thành chánh-quả,
Yêu đời, còn muốn ngấm danh-hoa.
Trâu tùy tra, sừng vẫn chưa tra,
Nâng chén thọ lân la cùng tuổi trẻ.
Phú quý, công danh là bánh vẽ,
Cứ vui lên cho trẻ lại cái thân già,
Trăm năm còn có bao xa...

VÂN AM

-
- (1) Cụ Thảo-am có một người nhân-tình ở trên Xã-tắc trong Thành-nội Huế.
 (2) Cụ Thảo - am nguyên là một khách quen của các đò dọc trên sông Hương.

CÁM TREO HEO NHỊN ĐÓI

Năm 1948, ông Bạch - văn - T., một sĩ - quan quan-thuế phục vụ tại tỉnh Thanh - hóa, đã cưới vợ trong một trường-hợp khá hy-hữu như sau :

Nguyên năm 1946, lúc ông T. còn ở Hà nội, gia-đình ông ở cạnh gia - đình nhà gái ở phố hàng Bông, nhưng hai bên không quen biết nhau. Đến khi cuộc chiến-tranh Việt-Pháp bùng nổ ở Hà-nội (19-12-1946), cả hai bên đều chạy loạn mỗi bên một nơi, cho đến năm 1948, thì cùng tản-cư về Cầu-Bố (Thanh-hóa).

Gia-đình nhà gái có hai cô rất xinh vừa đến tuổi cập kê. Ông T. hỏi cưới cô chị, nhà gái đã bằng lòng. nhưng chẳng may, trong lúc chờ cưới, cô ấy bị tử-nạn xuống máy trong một chuyến đi buôn ở Cầu-Yên (Ninh - Bình). Sau đó một thời-gian, ông T. lại ngỏ ý muốn cưới cô em, nhà

gái cũng chấp thuận, nhưng với một điều-kiện : cưới thì cho cưới, nhưng việc động-phòng hoa-chúc phải hoãn lại... qua năm sau, viện cỏ trong năm đã có gả đi người chị cả rồi (tục ngoài Bắc kiêng gả chồng hai người con gái cùng trong một năm). Muốn được vợ, ông T. đành phải chịu vậy.

Thế là, sau khi đã chọn được ngày lành tháng tốt, đám cưới của ông T. được cử hành đơn giản trong hoàn - cảnh tản cư, — một đám cưới mà người Tây - phương gọi là « *bach hôn* » (*mariage blanc*).

Ông Hương-Thủy, một nhà thơ trào - phúng của miền sông Hương núi Ngự, lúc đó cũng có mặt ở Thanh-hóa, nhân được mời dự tiệc cưới, đã sáng-tác bài thơ hài-hước sau đây, để tặng cô dâu chú rể :

NÔN NAO

*Vừa mới quen nhau đã mến nhau,
Bấy lâu hờ hững bởi vì đâu?
Người xưa trót nói: «Trầu tìm cộc»,
Duyên nợ ba-sinh lọ phải cầu!*

*Còn nhớ năm xưa ở cạnh nhà,
Ở gần nhưng lại hóa ra xa,
Vì chưng ô-thước bắt cầu muộn,
Suốt dải Ngân-hà vắng nẻo qua.*

*Lửa hồng từ dây cỏi Thăng-Long,
Lưu lạc phương xa biệt bóng hồng,
Ai biết ngày nay gần gửi lại,
Xích-thăng chấp buộc bốn như không.*

*Ô - thước đêm nay chực bắc cầu,
Cầu kia chữa bắc bởi nơi đâu?
Ngưu-lang chắc hẳn «nón nao» lắm,
Chức-nữ năm sau mới gặt đầu!*

*«Cám treo heo nhịn» khổ chưa tề!
Phong-tục gì đâu ác độc ghê!
Nữ bắt hoa xuân phong kín nhụy,
Đề cho con bướm khó đi về!*

Hương-Thủy

NGUYỄN - VĂN - THIẾP

**Đại-lý hàng hải, vận chuyển
và khai quan-thuế**

34 Khải-Định — ĐANANG

THỦY BỘ VẬN-TÀI

VIỆT - HƯNG

SAIGON — TAM-KỶ — ĐANANG — HUẾ — QUẢNG-TRỊ

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

TAM - KỶ : 437 Phan - châu - Trinh

ĐANANG : 4 Thành - Thái

HUẾ : 60 Phan - bội - Châu

QUẢNG-TRỊ : 20 Quang - Trung

**25 Không-Tử 25
CHOLON**

Đ.T. 36.505

THUYỀN-QUYÊN TRUNG BỘ

Vào khoảng năm 1947, một vụ bắt thuốc phiện lậu ở Thanh-Hóa đã làm chấn động dư-luận cả Liên-Khu IV (bên kia vĩ-tuyến 17). Thủ-phạm là một thiếu-phụ người Huế có nhan-sắc, tản-cư tại Cầu-Bố (Thanh-Hóa). Người bị liên can là một viên chức cao cấp của Nha Quan-Thuế Trung-Bộ. Người tổ-chức sập bẫy là một tay gián-điệp khét tiếng, lúc bấy giờ làm Trưởng-Ty Công-An Thanh-Hóa.

Vì địa-vị khá nổi bật của những người có dính dấp đến nội vụ, nên một ký-giả (cũng là người Huế) đã tháp tùng phái-đoàn Quan-Thuế Trung-Bộ đi dự phiên tòa lưu-động thiết lập ở Phủ Thọ-Xuân, và đã ghi lại những mẫu chuyện sau đây :

Khi phái-đoàn đi ngang qua trại giam tù-nhân,

thì bỗng nghe tiếng đàn bà ngâm thơ giọng Huế rất là truyền cảm, từ trong trại vọng ra :

*«Tôi biết đời tôi thất vọng nhiều !
Biết ai trao gởi mối tình yêu ?
Con thuyền lục bến không tay lái,
Lờ lững trôi theo ngọn gió chiều !»*

Rất đời ngạc nhiên về lời thơ và giọng ngâm thơ của một người đồng hương, chàng ký-giả bèn tò mò vào tận trại giam để hỏi thăm cho biết ngọn nguồn, thì được một nhân - viên ở đấy kể lại rằng :

«Người ngâm thơ chính là thủ-phạm trong vụ thuốc phiện. Đó là một người đẹp của miền sông Hương núi Ngự, chẳng những biết làm thơ, ngâm thơ, mà còn biết gảy đàn và ca hát nữa. Ngón đàn thập-lục và giọng ca Nam-ai, Nam-bình của nàng đã làm say đắm nhiều khuôn mặt lớn trong tỉnh. Ông cao cấp Quan-Thuế bị liên lụy trong vụ này và ông Trưởng-Ty Công-an Thanh-Hóa, kẻ trước người sau, đều là tình - nhân của nàng, và chính ông Công-an đã mượn tay của nàng để hạ độc thủ tình-địch.

«Thật vậy, theo biên-bản của Quan-Thuế mà nàng đã ký tên xác nhận, thì số thuốc phiện lậu bắt được ở nàng là hai ký, nhưng khi nội vụ đưa qua Công-an, thì nàng phản cung và quả quyết số thuốc phiện Quan-Thuế sai-áp là bốn ký. Do đó, ông cao cấp Quan-Thuế và hai nhân-viên

dưới quyền đều bị ghép vào tội «biền-thủ tang-vật sai-áp.»

Nghe xong câu chuyện trên nhà ký-giả, vốn là thi-sĩ, bèn cảm hứng họa lại bốn câu thơ từ trong ngục vọng ra:

*‘Rằng bốn, rằng hai, tội đã nhiều!
 Đề ai liên lụy cũng vì yêu.
 Chút tình sau trước khôn tròn vẹn,
 Được bạn hôm mai, phụ bạn chiều!’*

Trong phiên tòa hôm đó, người ta lấy làm ngạc nhiên khi nghe tòa tuyên án tha bổng nữ can-phạm tàng trữ thuốc phiện, và xử phạt ba ông cao cấp Quan-Thuế mỗi ông năm năm khổ sai, mặc dù không đủ yếu-tố phạm-pháp.

Điều đáng ghi là trong khi biện-hộ cho thân-chủ trước phiên tòa, luật-sư danh tiếng Nguyễn-mạnh-Tường đã châm-biếm gọi nữ-can-phạm là «Thuyền-quyên Trung-Bộ» và mấy viên chức cao cấp hãnh-tiến là «Anh-hùng mới».

Sau đó, một sự ngạc-nhiên khác dành riêng cho nhà ký-giả là chiều hôm đó, trên đường về Cầu-Bố, nhà ký-giả bắt gặp giai-nhân tài-hoa và ông Hội-thăm xử án nàng lúc sáng, ngồi chung trên một chiếc xe kéo, có vẻ rất là thân mật. Thì ra, như vụ án này, người đẹp đã bắt được một nhân-tình mới thuộc giới quan Tòa.

Gợi hứng bởi các sự việc trên, chàng ký-giả

thi-sĩ lại ngâm mấy câu thơ trào-lộng sau đây :

*« Vẫn biết rằng cô tội có nhiều,
Nhưng ai «mặt sắt» cũng lòng yêu.
«Thuyền-quyên Trung-Bộ», «anh-hùng mới»,
Vết cũ xe đưa lại một chiều. »*

Thế mới biết «Sắc bất ba đào dị nịch nhân»,
cho nên «anh-hùng mới» phải bị lụy vì «Thuyền-
quyên Trung-Bộ».

MỘT TRÒ CHƠI LÝ THÚ

Do một người bạn thơ giới thiệu, thi-sĩ Hương-Thủy (1911-Thừa-thiên), một đạo, đã giao thiệp bằng thi-văn với một nữ-sĩ có cái biệt hiệu độc đáo là «Trà-Giang Vệ-nữ». Hai bên thường trao đổi với nhau những bài thơ mà họ đã sáng-tác về một đề-tài chung, nhưng chưa khi nào họ có dịp đối diện nhau vì ở khác tỉnh. Tuy nhiên, người bạn nói trên có cho ông Hương-Thủy hay rằng «Trà-giang Vệ-nữ» là một cô con gái trẻ đẹp, còn độc-thân và có một thân hình rất hấp-dẫn như cái biệt hiệu «Vệ-nữ» đã nói lên..

Kể ra, cái trò «chơi thơ» giữa đôi nam nữ là một trò chơi lý thú, thanh - nhã và vô hại, nhưng không phải là không có phần nguy-hiêm, vì dần dà cái trò chơi vô hại ấy có thể dẫn dắt đến những trò chơi khác .. hấp dẫn

hơn mà hậu quả khó có thể lường trước được.

Sau một thời-gian trao đổi thi-văn, ông Hương-Thủy bèn nảy ra ý muốn tỏ tình với cô nữ-sĩ, dĩ nhiên là bằng một bài thơ.

Phải nhìn nhận rằng việc làm ấy có phần tế-nhi, vì phải làm thế nào để một mặt, đừng tỏ ra là sỗ sàng và mặt khác, để cho người nhận thơ có thể rung cảm với mình. Khó thật!

Ông Hương-Thủy đã giải-quyết các khó khăn ấy như thế nào! Chúng ta hãy đọc bài thơ tỏ tình sau đây của ông, nhan-đề là:

CẨM HOÀI

*Mây buồn giăng mắc kéo lê thê,
Chợt gió thu đưa cánh nhạn về
Trao chút hương trinh tình viễn xứ,
Men nồng chưa ngấm đã đê mê.*

*Ngắm mảnh hoa-tiên tưởng dáng người
Dấu không Nhược-Thủy cũng Bồng-Lai.
Tứ thơ kiều diễm văn kiều diễm,
Chữ gấm lời hoa đóa mộng tươi.*

*Ai tưởng ai mà ai ngóng ai?
Vấn vương thêm bận mối ly-hoài.
Đường đời hai ngã không mong gặp,
Giấc mộng Lam-Kiều ảo ảnh trôi!*

*Mượn mấy vần thơ giải nỗi lòng,
Gieo vào tâm khảm chút hoài mong.*

*Đã trong thanh-khi đồng tương ứng,
Chia sẻ cùng nhau mối cảm thông.*

Rồi sau đó ít lâu, ông Hương-Thủy lại tấn công bằng một bài thơ thứ hai trong đó ông đã kín đáo gọi tình cô nữ-sĩ bằng cách kể lại một giấc mộng yêu-đương của mình trên sông Trà-Khúc vào một đêm trăng tỏ. Bài thơ ấy có nhan-đề là :

MỘNG DƯỚI TRĂNG

*Trầy thuyền sóng lạ một đêm mơ,
Mặt nước Trà-giang phẳng lặng tờ.
Trăng sáng mộng lung huyền ảo quá !
Lòng đơn giá lạnh cũng say thơ.*

*Sóng nhỏ lăn tăn rợn mạn thuyền,
Ru hồn du-tử giấc có miền.
Trong mơ chợt thấy rèm hoa động :
Hiện hiện bên mình, ôi, Giáng-Tiên !*

*Da ngọc ngà phở mơn mẩn xuân,
Đào tơ vừa chớm nụ trắng rằm,
«Dịu thon lưng uốn đường sông-núi»,
Vệ-nữ sóng Trà hiện hiện thân !*

*Uy-nghi Tinh-Ai bước lên ngôi,
Người đẹp trao duyên mộng thăm rồi.
Đồ bến Yêu-Đương thuyền Hạnh-Phúc,
Thời-Gian đồng-lửa cũng ngừng trôi.*

.

*Tiếng dáu khẽ động gió lay màn,
Tỉnh giấc trông ra cảnh vắng tanh.
Bên gối trắng tà soi bóng chiếc,
Quanh thuyền sương tỏa trắng mông mênh...*

Không rõ phản-ứng của cô nữ-sĩ như thế nào sau khi nhận được hai bài thơ trên, nhưng một hôm, ông Hương - Thủy đã vỡ mộng khi nhận được của người đẹp bốn câu thơ sau đây :

*«Nghe tiếng dù chưa thấy được người,
Trăm phần đã mến cả mười mười.
Muốn lên cung nguyệt thăm chàng Cuội,
Chỉ sợ Hằng-Nga chị ấy cười».*

Thì ra Trà-Giang Vệ-Nữ đã được biết, có lẽ do ông bạn quý trên kia đưa tin, rằng ông Hương-Thủy đã có vợ rồi !

NHẢ NGỌC PHUN CHÂU

Trong một cuộc hội-ngâm của «Hương-Bình Thi-Xã», có đông đủ thi-hữu đến dự, thi-xã có mời một nữ-sĩ kiêm ca-sĩ biệt hiệu là Đoan-Phương đến ngâm thơ và ca Nam-ai, Nam-bình để cho buổi hội-ngâm thêm phần hào hứng. Vì mẫn tài của nữ-sĩ, thi-hữu Vân-am Nguyễn-bá-Nhiệm đề-nghị với thi-xã mời nữ-sĩ vào làng và ra đầu-đề thơ hôm đó là :

«Đoan-Phương nữ-sĩ nhập làng thi»

(dĩ đề vi phá)

Cả làng đều vỗ tay tán thành. Trong các bài thơ được sáng-tác và đọc lên hôm đó, có bài sau đây của thi-hữu Vân-am là được tán thưởng hơn cả :

«Đoan-Phương nữ-sĩ nhập làng thi,
 Vườn mới thêm hoa (1), thú lạ kỳ!
 Hương phấn đã nên trang quốc-sắc,
 Văn-chương nào kém bậc nam-nhi.
 Cùng nhau nhả ngọc phun châu thử,
 Cứ việc rung đùi nảy vẻ đi!
 Khao khát từ lâu, nay được gặp,
 Thôi đừng e lệ, thẹn thùng chi!»

Khi tiếng ngâm thơ vừa dứt, cả làng đều cười xòa, duy có thi-sĩ Văn-am là nhăn mặt như ăn phải ớt, vì ông bị nữ-sĩ Đoan-Phương giáng cho mấy cái đấm nên thân. Do đó, bài thơ trên được người ta mệnh danh là «thơ bị đấm».

(1) Âm chỉ nữ-sĩ Đoan-Phương trước kia làm hầu cụ Tuần H.Q.Đ. do câu thơ :

«Từ nghe vườn mới thêm hoa,
 «Miệng người đã lắm, tin nhà thi không.»

Nguyễn-Du

NỐI GÓT HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Trong văn - học trào - phúng Việt-Nam, sở dĩ nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương chiếm một địa-vị cao chót vót là nhờ những bài thơ mà trong đó nàng đã dùng hình ảnh của công việc tính giao để miêu tả bất cứ việc gì mà nàng thích thú. Điền-hình là các bài thơ «*Đánh đu*», «*Dệt cửi*», «*Đánh cờ người*» mà không ai là không biết.

Nối gót Hồ-xuân-Hương, thi-sĩ Hương - Thủy của miền sông Hương núi Ngự đã sáng-tác ba bài thơ dưới đây để vịnh các «*Lão tướng quần-vợt*» với một dụng ý như trên. Và ông đã thành công một phần nào trong việc ông muốn làm đồ-đệ của nữ-sĩ tài danh ấy, bằng chứng là ba thi-phẩm trên đã được ông Vũ-Bằng chọn đăng vào sách «*Những cây cười tiền chiến*» và trong

giới quần-vợt, nhiều người đã thuộc lòng và đem ra đọc trong các dịp liên hoan.

VINH LÃO TƯỚNG QUẦN-VỢT

I

Càng già càng dẻo lại càng dai,
Lão tướng ra quần chẳng kém trai :
Đấu mấy hiệp liền không đuối sức,
Tranh ba ngày tiếp chữa môn hơi.
Khi mau, khi chậm, khi môn ngắn,
Lúc xuống, lúc lên, lúc thọc dài.
Gác lại gác qua phở đủ kiểu,
Món lông banh nỉ lão còn chơi.

II

Món lông banh nỉ lão còn chơi,
Cân sức cho nên chẳng dám lời.
Chống đỡ gay go trào bọt mép,
Cò cưa dai dẳng toát mồ hôi.
Chơi trưa chưa phải còn chơi tối,
Đánh chiếc xong rồi lại đánh đôi.
Phút chốc mưa đầu tuôn xối xả,
Cuộc vui hào hứng tạm ngưng rồi.

III

Cuộc vui hào hứng tạm ngưng rồi.
Chốc nữa lau khô lão lại chơi.

*Biểu-diễn sân quen hay đảo đê,
Nấn dỗi banh mới sượng mê toi.
Người trên ập xuống phều phào thỏ,
Kẻ dưới nâng lên khúc khích cười.
Đối-thủ gặp nhau mùa nắng cực,
Quần lâu thắm mệt ngã lắn nhồi.*

Ngoài ra, bài thơ sau đây của Hương - Thủy cũng có phong-thái thơ Hồ-xuân-Hương :

TẮM BIỂN-HỒ (Pleiku)

*Cao hừng đưa nhau tới Biển-Hồ,
Đề chừng nẻo cũ tiến lần vô :
Hồ xuân nép dưới hai bồng đảo,
Cỏ rậm đơm quanh một nắm gò.
Muốn tắm nước trong tìm thú lạ,
Còn e đáy hãm cầm sào dò.
Cạn sâu rày đã đường thông lối,
Hụp xuống nhoi lên sượng thấy mờ !*

VIỆT - DƯƠNG Công-Ty

NHẬP CANG 18 NGÀNH - CIMENT - PHÂN BÓN

14, Bạch-Đẳng — ĐA-NANG

Đ.T. : 20.252

Văn phòng liên lạc tại SAIGON :

56, PASTEUR — SAIGON — Đ.T. : 94.823

VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY BỘ

ĐÔNG - KINH

**CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA TỪ SAIGON ĐẾN
ĐANANG, HUẾ, HỘI-AN VÀ TAM-KỲ**

NƠI THẦU HÀNG { 18/5 Bến Lê-quang-Liêm CHOLON
 { 285 Độc-Lập — ĐANANG

MÃ-TƯỚNG

Ở Huế, vào lúc trò chơi mã-chược mới du nhập vào cố-đô, phần đông những người trong giới thượng-lưu, lâu nay vẫn chơi «tài-bàn» hay «tổ-tôm,» đều dần dần từ bỏ các trò chơi này mà xoay sang chơi «mã-chược», gây nên một phong-trào rất là sôi-nổi. Bất chước các ông, các bà cũng từ bỏ các trò chơi cố-hữu của giới mình là «tứ-sắc» và «xì» để ngồi lại mà «xoá» với nhau, có khi với cả các ông nữa, nếu thiếu «chân»

Một thi-sĩ vô-danh của đất Thần - kinh bèn sáng-tác một bài thơ, theo lối Hồ - xuân - Hương, đề miêu-tả cái trò chơi mới này một cách khá dí dỏm như sau :

*Buổi thanh-nhàn trà sau rượu trước,
Vui anh em mã-tướng lại bày ra.*

*Ai khéo điềm-tô trong ngọc trắng ngà
Cho quân-tử hết xoa rồi lại mó.
Xuân, hạ, thu, đông còn ấp ủ,
Mai, lan, cúc, trúc đã kề vai.
Ai nhám hơn ai mà nhẵn hơn ai ?
Kìa bạch-bản với phát-xõi nom cho kỹ.
Chì mó trúng tui cười đắc ý,
Bị tay trên mặt sị đồ trâu.
Cuộc chưa tàn ai đã chắc đầu,
Đến gió Bắc mới lên râu ăn với phổng.
Mười ba cô (1) như thơ như mộng,
Hoa dựng lên hoa cấm cửa mình.
Chị em xuyên khéo thành phềnh !*

(1) Xập xám diu (thập tam yêu: Trong trò chơi mã-chược, ù «xập xám diu» là to nhất.)

ĐÁ GÀ

Trò chơi đá gà cũng là một trò chơi một đạo rất thịnh hành ở cố-đô, nhất là ở làng An-Cự vào dịp đầu xuân.

Một năm nọ, vào ngày mồng ba Tết, một thi-sĩ (không rõ là tên gì) đến nhà vợ chồng một người bạn để chúc mừng năm mới, nhưng không gặp : người nhà cho hay rằng ông bà đã đi vào An - Cự đá gà từ sáng sớm. Khách bèn để lại một tấm danh-thiệp trên đó ông đã ghi lại mấy dòng chữ.

Đến tối, vợ chồng ấy về, người nhà trao cho tấm danh-thiệp của ông khách. Lật ra xem, thì thấy có ghi bài thơ sau đây với lời chúc mừng năm mới :

Vui xuân nhằm tiết mừng ba,
 Ông bà cao hứng bắt gà đá chơi.
 Gà ông ngồng cổ gáy hơi,
 Gà bà thủ bộ đợi thời gà ông.
 Gà ông chém trúng cạnh mồng,
 Gà bà nổi giận ngậm cần gà ông.
 Đá nhau một chập ướn lông,
 Gà bà trúng cựa, gà ông gục cần !

Không rõ đêm hôm đó, vợ chồng ấy có cao
 hứng vì bài thơ trên mà khai xuân bằng một cuộc
 «đá gà» theo kiểu Hồ - xuân - Hương không? Chỉ
 biết cuối năm ấy, bà vợ sinh hạ một trai.

LÀM THƠ BỊ KIẾN

Vào khoảng cuối năm 1961, nhưn đi dự đại-hội của một cơ-quan nọ, thi - sĩ Hương-Thủy đã trao-hứng chọn những danh-từ dùng trong hội-nghị ghép lại thành bài thơ trào - lộng sau đây:

ÂM THẦM

*Nam nữ nhân-viên sở Điện-cơ
Âm thầm làm việc lặng như tờ.
Đôi bên cời mở cùng chung sức,
Kết-quả rồi ra sẽ thặng dư.*

Sau khi bài thơ trên được đăng vào nguyệt-san của cơ - quan, mấy cô xuyên-phiếu-viên Sở Điện-cơ Kế-toán bèn hè nhau làm đơn đệ lên vị Trưởng cơ-quan thưa tác-giả về tội «xuyên-tạc» các cô. Kết quả, tác-giả được cấp trên miễn-nghị.

Tuy vậy, tác-giả cho rằng dù sao thì mình đã bị thừa tức là có tội, nên đã làm tiếp bài thơ sau đây đề «tạ tội» với các người đẹp đòi trừng-trị mình :

NỘP MÌNH CHỊU TỘI

*Làm thơ bị kiện tình sao đây ?
Lạy cũng không tha thế mới rầy !
Thôi nộp thân già cho các cô
Luân phiên hành hạ suốt đêm ngày !*

Dĩ nhiên, tác-giả không dám cho đăng tiếp bài thơ trên vào nguyệt-san của cơ-quan nữa (vì sợ các cô làm dữ) mà chỉ truyền khẩu cho bạn bè nghe chơi mà thôi. Tác-giả tưởng rằng đến đây là chấm dứt câu chuyện thơ thần rắc rối. Ai dè một số thi-hữu của tác-giả không chịu dừng tại đây mà cứ nằng nặc đòi tác-giả phải làm thơ tiếp theo đề cho biết «tội nhân» bị các cô xuyên-phiếu-viên «hành hạ» như thế nào và kết-quả ra sao ? Do đó, ông Hương-Thủy lại phải «đề» ra thêm ba bài nữa để làm vừa lòng mấy ông bạn khó tính :

*Đưa về giam giữ tại phòng riêng,
Đao-phủ : mười cô xuyên-phiếu-viên
Lột áo quần ra để xuống chiếu :
Mấy cô giữ chặt, một cô «xuyên» !*

*Xuyên đêm chưa phỉ lại xuyên ngày,
Hành hạ thân già khổ lắm thay!
Lúc được tha về đi hết nỗi,
Ai ai trông thấy cũng chau mày!*

*Kể từ thọ tội đến hôm nay,
Chín tháng mười ngày bấm đốt tay.
Mấy viện bảo-sanh thêm bận rộn,
Điện-cơ xuyên-phiếu thiếu người thay!*

CÔNG-TY VĨNH-LỢI

VẬN CHUYỂN HÀNG-HÓA

SAIGON — ĐANANG — HUẾ

ĐỊA-CHỈ NHẬN HÀNG :

Đối diện số nhà 22, đường Lê-quang-Liêm

CHOLON (tại bến Tàn)

ĐANANG : số 12 Phạm-phủ-Thứ

Văn-phòng : 120 Triệu-quang-phục — CHOLON

(Trường học TÍN-NGHĨA)

HÃNG VẬN TÀI THỦY BỘ

HUY-HOÀNG

88 Lê-quang-Liêm

CHOLON

Đ.T. 50.558

(156 mới) Bạch-Đăng (142 số cũ)—ĐANANG

241 Phan-châu-Trình

TAM-KỶ

KHÔNG CHỒNG

Các cô gái đã lớn tuổi mà chưa có chồng, gọi là «gái lỡ thì», thường là một đề-tài đề cho các thi-ông ngâm vịnh.

Với đầu-đề «*Không chồng trông bóng lông*» (lấy đề làm vận), các thi-bá miền sông Hương núi Ngự đã sáng-tác những bài thơ hài-hước như sau :

KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG LÔNG

*Của đời ai có lại ai không ?
Thưa chị sao em chẳng có chồng !
Ba bảy qua mai đã quá muộn,
Mười hai bến nước những xa trông.
Tại con thanh-diều đi làm lối,
Hay dóa đờ-mi chậm trở-bóng.*

*Xuân hết thu qua chờ đợi mãi,
Bạc đầu e nổi quạ thay lông.*

Ung-Bình Thúc-Gia-Thị

*Chị em có cả một mình không,
Bán mấy nào ai biết giá chồng.
Chín lớp trời đầu trời cũng muốn,
Bốn mùa mỗi mắt đá còn trông.
Quá rằm trăng dễ tròn hìn bóng,
Lỡ lúa cây đà trắng toát bông.
Ông huyện Ba La (1) dầu gấp gỡ,
Tương-tư một gánh nhẹ bằng lông.*

Tam-Xuyên Tôn-thất-Mỹ

*Nghĩ nổi tơ duyên há nhẽ không?
Bơ vơ bến nước biết ai chồng?
Màn loan lạnh lẽo năm canh đợi,
Khúc phụng mơ màng bốn bề trông.
Non đóng rêu xanh mòn mỗi đá,
Dòng trôi lá thắm ngậm ngùi bóng.
Biết đâu mà hỏi Ba-la Huyện,
Không hở tình riêng chút mấy lông.*

Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm

Thi-sĩ Thảo - Am Nguyễn - khoa - Vy cũng có làm một bài thơ với đầu - đề như trên, trong đó mỗi câu còn có nói lái nữa, thật là tài tình

(1) Bông-Lông xã, Ba-la huyện.

(xin xem bài «chơi chữ và nói lái» ở trên).

Có trường-hợp con gái không có chồng mà mẹ cũng không có, (vì chồng đề hay góa chồng). Một hôm, con gái ngỏ ý với mẹ muốn lấy chồng, thì mẹ cho con hay rằng mẹ cũng có ý muốn như con. Do đó, mới có câu ca-dao hài-hước:

*«Mẹ ơi, con muốn lấy chồng,
«Con ơi, mẹ cũng một lòng như con.»*

Gợi ý bởi câu ca - dao trên, ông Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm đã có bài thơ:

*Mẹ đây cũng rứa ở con ơi!
Con hờ tình riêng mẹ hờ hơi.
Ý mẹ toan dạy thuyền bá đậu,
Xuân con nào đề quả mai rơi.
Gặp tuần trăng tốt con ưng giỡn,
Sợ nổi hoa tàn mẹ phải chơi.
Con muốn cái gì mà mẹ chẳng,
Ai thương con rước mẹ đi mời.*

Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm

Thế rồi, có khi cả hai mẹ con, kể trước người sau, đều đi lấy chồng và sau đó ít lâu, cũng đều có thai. Do đó, mới có các câu ca-dao châm-biểu như sau:

*«Mẹ ơi, con đã có thai,
«Con ơi, mẹ cũng một vài tháng nay...
«Mẹ ơi, con đã gần ngày
«Con ơi, mẹ cũng không rày thì mai».*

TOÀN-VIỆT VẬN-TẢI CÔNG-TY

All Vietnam Transportation Company, LTD (Avitrans)

Công - Ty trách - nhiệm hữu - hạn, vốn : 150.000.000 \$

**ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA
CÁC LOẠI TÀU SẮT
TỚI 2,500 DWT VÀ
TÀU FERRO - CEMENT
TỚI 500 DWT.**

**BỐC DỠ HÀNG TẠI
CÁC HẢI CẢNG VÀ
VẬN TẢI ĐƯỜNG
THỦY, ĐƯỜNG BỘ
TOÀN CỐI VIỆT NAM.**

Trụ sở : 165 Công-Lý—Saigon—Việt-nam — Đ.T: 93.469

**Chi nhánh miền Trung : 2 Gia-long (Hải-cảng) Qui-nhơn
30 Phan-dinh-Phùng, Đà-nẵng**

Thủy-xưởng và cơ-xưởng :

Xã An-Khánh Quận 9, Saigon

Địa chỉ điện tín : AVITRANS SAIGON

Hãng TÂN - QUANG

VẬN CHUYỂN — VẬN TẢI — ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI

GIÁM-ĐỐC : PHAN-VĂN

NIÊN CHUYÊN CHỞ :

HÀNG HÓA — THỰC PHẨM — TIẾP TẾ

Từ Saigon đến Đà-nẵng, từ Đà-nẵng đi các nơi

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG :

Trong mọi dịch vụ thương mại tại Saigon

SAIGON

ĐÀ NANG

CHOLON

114 Hồ-văn-Ngà

38 Nguyễn-thị-Giang

958 Nguyễn-Trãi

Đ.T.: 92.127

Đ.T.: 20.300

Đ.T.: 50.924

H U Ế : 23, Huỳnh-thúc-Kháng

THÁM HIỂM CUNG TRĂNG

Từ khi các phi-hành-gia Mỹ dùng phi-thuyền «APOLLO» đổ bộ nhiều lần lên mặt trăng và lấy đá ở đó mang về trái đất thí-nghiệm, nhiều thi-sĩ Việt-Nam đã sáng-tác thi-văn đề ca tụng các thành-tích phi-thường ấy.

Riêng các thi-sĩ Cổ-đô Huế, họ cũng tỏ ý rất thần phục thành-tích của người Mỹ. Nhưng có một số lại băn khoăn lo cho số phận của chị Hằng-Nga (1) ở trên cung trăng, có gìn giữ được nguyên vẹn sự trong trắng của mình trước

(1) Sách «Hồi-Nam-Tử» có chép rằng Hậu-Nghệ xin được thuốc trường-sinh của Tây-Vương-mẫu giao cho vợ là Hằng-Nga cất giữ. Nhưng khi nghe tin chồng làm phản, Hằng-Nga liền lấy thuốc tiên uống hết và thành tiên bay lên cung trăng.

sự thám-hiềm của các phi-hành-gia Mỹ hay không.
Do đó, thi - sĩ Quỳ - Ưu đã sáng - tác bài thơ
sau đây :

THÁM HIỀM CUNG TRẮNG

*Chị Hằng ơi hỡi chị Hằng ơi !
Hỏa - tiển «Bô-Lô» xáp chị rồi.
Điện Quế xưa không người đến viếng,
Cung Thiềm nay có kẻ lên chơi.
Trăng trong khó giữ thân ngà ngọc,
Tròn khuyết đã phôi chỗ lõm lồi,
Thám - hiềm khá khen tài mạo-hiềm,
Tỏ mờ thấy rõ cả đôi nơi. (1)*

Quỳ-Ưu

(1) Mặt trăng chia ra hai phía ; phía sáng mãi và phía tối mãi.

HAI CẢNH CHẠY LOẠN

Trong dòng lịch-sử, người dân xứ Huế đã trải qua biết bao nhiêu là biến-cố thê-thảm, trong đó họ đã phải gánh chịu biết bao nhiêu là đồ nát và tang tóc, điển-hình nhất là biến-cố «THẤT THỦ KINH-ĐÔ» năm 1883 và biến-cố «TẾT MẬU-THÂN» năm 1968.

Cả hai biến-cố kể trên đều được mô tả từ đầu đến cuối, với đầy đủ chi-tiết, trong hai bài về :

— Về THẤT THỦ KINH-ĐÔ (1.142 câu)

— Về TẾT MẬU-THÂN (984 câu)

sáng tác, theo thể thơ lục-bát, bởi người trong cuộc, cho nên rất trung-thực.

Bài về trên, không rõ ai là tác-giả, đã được Ty Thông-tin Huế ghi lại và ấn-hành theo lời nói về của ông Lão Mới, người Thừa-Thiên, lúc ông

này đã 85 tuổi (ngày nay chắc đã qua đời rồi). Còn bài về dưới thì do ông Đạm-Hiền Nguyễn-ngọc-Sinh sáng-tác vào khoảng tháng 6 năm 1968 (chưa được ấn-hành). Ông Sinh cũng là người Thừa-Thiên, hiện đang sống ở Saigon.

Trong khuôn-khổ nhỏ hẹp của tập sách này, tôi không thể đăng tải lại trọn vẹn tất cả hai bài về vì quá dài, mà chỉ chọn đề ghi lại, trích ở mỗi bài, đoạn mô tả cảnh chạy loạn của người dân xứ Huế trong hai biến-cổ nói trên, đề đọc-giả có dịp so sánh những nỗi thảm khốc mà người dân ấy đã gánh chịu trong hai cuộc chiến-tranh xảy ra tại Cố-Đô cách nhau khoảng 85 năm. Mặc dầu tả nỗi khổ cực của kẻ chạy loạn, tác-giả của mỗi bài về cũng đã tỏ ra được, trong nhiều đoạn, một tinh-thần trào-phúng nhẹ nhàng và kín đáo mà ai cũng có thể nhận ra được. «Cười ra nước mắt» là thế đó.

CẢNH CHẠY LOẠN NĂM 1883

.

*Trong thành ai cũng ngất ngơ,
Giặc đánh bốn giờ thiên hạ suy vi.
Đốt từ Chợ Mới đốt đi,
Hai bên phường phố vậy thì phân vân.
Kinh-thành nó đốt lần lần,
Đốt dài Long-Võ, đốt lần Triệu-Phong.
Thiên-hạ ai cũng đau lòng,
Cửa nhà đốt hết, nó mong hại mình.*

Bộ Binh, Bộ Lại, Bộ Hình,
 Quán khách Gia-Hội, Ba-Đình, Đông-Ba.
 Nhân-dân cứ chạy đồn ra,
 Phố phường hai dãy cháy mà tan hoang.
 Đi qua một chuyển đồ ngang,
 Tiền đồng, bạc lượng, thuê hàng cả cây.
 Ai ai cũng sợ súng Tây,
 Bắn lên một phát, đạn bay rầm trời.
 Thiên-hạ ai cũng chơi vui,
 Kinh-thành thất thủ đổi dời về quê.
 Hai hàng nước mắt đầm đề,
 Cửa nhà cũng bỏ, ra về tay không.
 Giàu thời bạc lượng tiền đồng,
 Số sa gấm nhiễu đều cùng bỏ đi.
 Trời cho Tây thành mình suy,
 Quân quan chạy trước, mình thì chạy sau.
 Người nghèo cho chỉ kẻ giàu,
 Phố phường, quan khách chạy sau hăng hà.
 Người thời ra cửa Đông-Ba,
 Kêu nhau mà chạy như ca chệt lồng.
 Súng Tây hấn bắn đùng đùng,
 Đồn đài tan nát khổ trong nước nhà.
 Người thời ra cửa An-Hòa,
 Người thời ra cửa vậy mà Chánh-Tây.
 Lên thành mà lại xuống đây,
 Sảy tay rớt xuống oan rày hồi oan.
 Trách trong quan Tướng không troàn,
 Trong thành thiên-hạ chết oan đã nhiều.
 Súng mình họ bắn phiêu phiêu,

Súng Tây bắn nhiều chết hết người ta.
 Quần bao của cải cửa nhà,
 Dắt con dúi mẹ chạy ra khỏi thành.
 Đàn - bà bỏ củi bỏ canh,
 Bỏ buôn bỏ bán trong thành mà ra.
 Khỏi thành tìm mẹ tìm cha,
 Tìm con tìm vợ kêu la tìm chồng.
 Súng Tây nó bắn đùng đùng,
 Bốn bề thiên-hạ hãi hùng như chim.
 Thợ may mất kéo mất kim,
 Thợ rèn mất búa mất kìm nhón nhan.
 Thợ mộc mất đục mất chàng,
 Cưa bào cũng mất, khó toan lẽ gì.
 Thợ cưa, cưa cũng mất đi,
 Công lưng mà chạy, vậy thì mô mô.
 Thợ chạm thì cũng mất đồ,
 Mất chàng, mất đục, lấy mô mà mần.
 Thợ kim-hoàng mất đá, mất cân,
 Có vàng khốn thử, phân vân việc đời,
 Thợ xa-cù mất bướm, mất dơi,
 Mất đế, mất lửa, sự đời khó toan.
 Thợ bạc mất bông, mất vàng,
 Bỏ lò, bỏ bệ, khó toan lẽ gì.
 Thợ thiết thùng kéo bỏ đi,
 Bao nhiêu lấy được khoanh chì mà thôi.
 Thợ đúc mất chảo mất nồi,
 Thảm thương thợ bời mất tượng lưỡng long,
 Thợ nề mất phụng mất rồng,
 Mất bay mất búa giận cùng ông Tây.

Thợ xây thành mất nợ mất dây,
 Thặng bằng khó nhăm vì Tây đó mà.
 Thợ giày mất kéo mất da,
 Mất chui, mất díp nghĩ đà bất nhơn.
 Hầy còn một nỗi thợ sơn,
 Mất sơn, mất phấn giận hờn ông Tây.
 Thợ sáo mất nợ mất dây,
 Mất đồ chàm lọng, thấy Tây (cũng) chưởi chùng.
 Thợ nhuộm mất mái mất thùng,
 Quặng sào quặng nạng khở trong đạo đời.
 Thợ thêu mất bướm mất dơi,
 Cơ đồ bát bửu, nghĩ đời thảm thương.
 Thợ lược cùng với thợ gương,
 Nghề nghiệp cũng bỏ ra đường kêu ca.
 Thợ ngọc cùng với thợ ngà,
 Cong lưng mà chạy kêu là mất đồ.
 Thợ đá tìm Quảng mà vô,
 Bao nhiêu đục búa, bỏ hồ Cầu Kho.
 Thợ lại bỏ bệ bỏ lò,
 Quặng kèm quặng búa mần tro cả nhà.
 Thợ tiện mất sợi mất da,
 Bao nhiêu soi quét, vậy mà cũng đôi.
 Thầy thuốc hàm-tử bỏ rồi,
 Dao cầu cũng bỏ, quyết lới (quyền) sách truyền.
 Thầy pháp thì mất trống mất tang,
 Thầy tu mất mũ, áo ba-tràng cũng bỏ đi.
 Thầy bộ-thủy mất gươm hành-trì,
 Mỡ còi cũng bỏ, biết lấy chi mà trờ.

Bà bóng bàn tịnh cũng hư,
 Chàng mà xa bóng nay chừ lẻ đôi.
 Gia-tài sự-nghiệp bỏ rồi.
 Khen anh thợ váy mà lời (được cái) dao tàu.
 ,

CẢNH CHẠY LOẠN NĂM 1968

.
 Khói un lửa dậy mịt trời,
 Nhân-dân chạy loạn toi bời lá hoa.
 Cháu thơ lեն mền cồng bà,
 Chồng xiêu vợ lạc kêu la kiếm tìm.
 Đào thơ chân yếu tay mềm,
 Bay hờn, chị kéo bừa em chạy ào.
 Cảnh tình thảm thiết đường bao,
 Con thơ lạc lõng, khóc gào mẹ cha.
 Ngoài thành: Gia-Hội, Đông-Ba,
 Bỏ phường bỏ phố, xuống phà qua sông.
 Nước sâu, sóng rộng mệnh mông,
 Gió xao, sóng lượn, người đông, đồ đầy.
 Thật là thảm nỗi vậy thay,
 Loạn kia khủng khiếp, nạn này hiềm nguy.
 Tháo thân, thực mạng chạy đi,
 Không qua sông biết chạy đi phương nào?
 Đò giang, thuyền bến lao xao,
 Trùng triềng, nghiêng úp, xiết bao đoạn sầu!
 Phủ-Cam, An-Cự, đâu đâu,
 Lò-Rèn, Bến-Ngự, chung sầu nước non.

Nam-Giao cho chí Cầu Lòn,
 Chợ Cống, Vỹ-Dạ, đến Cồn-Hến kia
 Dưới vòm súng bắn đạn rĩa,
 Khác nào cá lội trong ãia, hoang mang.
 Than ôi ! Như kiến ướt hang,
 Như ong vỡ ồ, chàng ràng xôn xao,
 Người già ốm, khổ xiết bao,
 Vắn dài lệ nhỏ, thấp cao chân trầy.
 Có người thai nghén gần ngày,
 Vai mang, tay lại dắt bầy con thơ.
 Xơ rơ, hồn hên, bơ phờ,
 Lỡ khi sinh nở, biết nhờ vào đâu.
 Tưởng xuân hồng tía môn màu,
 Nào hay xuân những thảm sầu bi thương !
 Chiến-tranh lan đến phố phường,
 Dân lo lánh nạn tìm phương bốn ão.
 Ừ vào nhà lớn lầu cao,
 Hằng hà, hỗn loạn, nói sao cho cùng.
 Thiên-Hựu, Cứu-Thế, Trường Dòng,
 Phân-khoa, Sư-phạm, Bán-Cổng ãầy người.
 Quốc-Học, Đồng-Khánh như rươi,
 Nông-Lâm, Kỹ -Thuật. kễ thời : muôn ngàn.
 Vứt bừa, quăng ãu, nằm cang,
 Củi than, thùng gióng, chẵn màn, bị bao.
 Tiếng than thở, tiếng kêu gào,
 Mỗi ngày mỗi cứ tràn vào thêm ãng.
 Nỡ ãanh chi bấy Hóa-Công !
 Tả không ãủ chữ, nói không ãủ lời.
 Uống ãn, nấu thời lỏi thôi :

Bếp lò, chén bát, mâm nôi bầy huây.
 Nằm co, ngồi xồm, khổ thay :
 Kẻ kia đầu ngược, người này chân xuôi.
 Già nua tóc bạc da mồi,
 Đặt lưng không chỗ, ngủ ngồi thâu canh.
 Đổ lòm, con trẻ sơ sanh,
 Mời lọt lòng mẹ, tội tình chi vay !
 Lỡ nuôi sữa hộp bấy nay,
 Gui-gô, can-bét, nước này tìm đâu ?
 Ôm con hơi hơi đêm thâu,
 Con gào khản cổ, mẹ sầu chứa chan.
 Phải chăng ? Địa-ngục trần-gian,
 Mới là đày ải, khổ oan đường này.
 Lại còn khôn khổ đắng cay,
 Vệ-sinh không chỗ, tỏ bày cùng ai ?
 Trẻ già cho chí gái trai,
 Bừa trong bếp nước, vấy ngoài hiên sân !
 Có lăm vào cảnh gian-truân,
 Mời tường hai lẽ : phong-trần, thanh-cao.
 Ngần hơi hết nổi kêu gào,
 Từng trên thăm thẳm xanh cao có tường.
 Khoanh ngồi bó gối tư lương,
 Gẫm câu «thế-sự vô thường» mà kinh.
 Tai ương xảy đến thành linh,
 Ai ngờ đến nỗi phận mình ra ri.
 Nào khi hơn thiệt, thị phi,
 Tranh đua quyền-lợi suy bì lợi danh.
 Giàu nghèo, trong đục, nhục vinh,
 Thanh thô, quý tiện, rách lành, đại khôn.

Bây giờ súng đục lửa đồn,
 Đâu còn ganh tị, đâu còn đua tranh.
 Nào khi tần tảo, kinh doanh,
 Lật trời đổ nước, tìm vành ẩm no.
 Tay không quyết vả nên hồ,
 Dời non tát biển cơ-đồ mỹ quan.
 Bây giờ đạn quét lửa cần,
 Xui nên ma đại thân tàn long đong.
 Bao nhiêu cửa, bấy nhiêu công,
 Bổng dựng phải sạch tay không một giờ.
 Bao nhiêu sản-nghiệp cơ-đồ,
 Bổng dựng thành một giấc mơ ly-kỳ.
 Bây giờ trong cảnh gian nguy,
 Cũng đều chui rúc, cũng đều sợ lo.
 Cũng thì chung một chuyển đồ,
 Cũng thì biển rộng sóng to chòng chênh.
 Cũng thì ở lẫn nằm quanh,
 Cũng thì áo rách chiếu manh, nhịn nhường.
 Cũng thì tắm gió gội sương,
 Xác thân xài xề, tám trường lái tề.
 Ngày đêm lửa đạn tư bề,
 Ngủ không yên giấc, ăn hề ngon đâu.
 Ngày tàn rồi lại đêm thâu,
 Tiếng than trời rúng, giọt châu trắng mờ.
 Lê la, chung chạ, bần dơ,
 Tám thân ở đậu ăn nhờ ra chi.
 Nhờ tay cứu khổ phò nguy,
 Nhờ ơn cứu tế, qua kỳ lênh đênh.
 Nhờ ơn những lấm lá lành,

Bọc dùm lá rách trong tình xót thương.
 Ở trong Thành-Nội mười phường,
 Cũng như cá chậu, lúng đường chạy quanh,
 Lửa binh, súng đạn vây doanh,
 Mạng treo sợi tóc, mong manh thay là.
 Trông chừng Thương-lữ, Đông-Ba,
 Uà nhau đều định chạy ra ngoài thành.
 Cửa thành đã bị nghiêm canh,
 Chạy ra chẳng được, phải đành lộn vô.
 Cửa Ngăn, cửa Hữu, Nhà-Đồ,
 Thấy đều nghiêm cấm, chẳng cho ra vào.
 Than ôi ! Biết liệu làm sao ?
 Khốn lui, khốn tới, khốn vào, khốn ra.
 Chánh-Tây và cửa An-Hòa,
 Là nơi trận chiến, nghe ra hãi-hùng :
 Là nơi đấu hổ tranh long,
 Âm âm động địa, ùng ùng kinh thiên.
 Là nơi thủ hiểm công kiên,
 Bên nguyên tám lạng, bên tuyền nửa cân.
 Là nơi khốc quỷ kinh thần,
 Giành đi giật lại, bao lần lại qua.
 Người bàn vào, kẻ tỉnh ra,
 Cũng đều lo chạy tránh xa khỏi tầm.
 Sau nghe dân chúng thì thầm :
 Khu Tàng-Thor với Tịnh-Tâm an toàn.
 Chung quanh Tư-Lệnh Sư-đoàn,
 Toàn vùng quân-đội bảo toàn an-ninh.
 Cầu Thanh-Long đến Bao-Vinh,
 Quanh ra Cửa Hậu, Phú-Bình đều yên.

Đồng bào hợp chợ thường xuyên,
 Bán buôn tấp nập chẳng phiền lo chi,
 Nghe qua, nhắm mắt liêu đi,
 Thiên-Đàng, địa-ngục rồi thì sẽ hay.
 Tìm nơi tránh núp qua ngày,
 Đến đâu hay đó, rủi may nhờ trời.
 May thay khi chạy đến nơi,
 Thì ra khu-vực được trời còn thương.
 Người đông tràn đất chật đường,
 Ung dung tự-tại, bình thường vô lo.
 Thật là trời để dành cho,
 Một vùng an-lạc chẳng lo tai nạn.
 Sự đời nhiều nỗi đa đoan,
 Có người tiến thối lưỡng nan, hai điều.
 Không đi, thấy rõ hiểm nghèo,
 Lửa giăng trước mặt, đạn veo trên đầu.
 Muốn đi, nào có được đâu :
 Đứng trước trở ngại, đứng sau canh phòng.
 Đánh liều ở lại cho xong,
 Đào hầm tạm núp trong vòng quyền-nghì.
 Đưa chân nhắm mắt qua thì,
 Rủi may tại số, ở đi tùy thời.
 Dưới hầm, hăm mấy ngày trời,
 Mắt mờ tai điếc, ngày thời như đêm.
 Điện hư, nước tắt khôn tìm,
 Nặng nề mày mặt, lấm lem áo quần.
 Hai ba ngày, nấu một lần.
 Chỉ lo sợ đói cho phần trẻ con.
 Người lớn ruột héo gan mòn,

Miếng ăn miếng uống nào còn thiết chi,
 Đã đành tuyệt vọng nan kỳ,
 Mười phần hết chín còn gì mà mong.
 Mịt mù hai chục ngày ròng,
 Ngày hăm hai bỗng quanh vùng dục nhau.
 Dục rằng: hãy chạy cho mau,
 Nách mang đôi xách, trước sau rùng rùng.
 Ngọn nguồn chẳng rõ dục trong,
 Cùng ủa theo chạy, chạy cùng một phương.
 Ngõ tìm sanh lộ nấu nung,
 Lo thân, nào dám đoái thương cửa nhà.
 Khởi vùng « cấm-địa » đã xa,
 Hú hồn, mới chắc rằng là sống đây.
 Sự đời nghĩ thật lá lay:
 An nguy, họa phúc, dở hay khôn lường.
 Ròng, lên, con nước bất thường,
 Phận bèo, càng nghĩ càng thương phận bèo.
 Nước lên, bèo cũng lên theo,
 Mà khi nước rã, thì bèo cũng xuôi.
 Khi tìm được chỗ yên nơi,
 Tâm thần, hồn phách phục hồi vài phen.
 Được may thoát khỏi tử-thần,
 Thân hình rửa ráy, áo quần giặt phơi.
 Tưởng là hy-vọng tuyệt rồi,
 Ai dè nay được gặp nơi an toàn....

Chúng ta ước mong rằng HÒA-BÌNH vĩnh cửu sẽ chóng đến với chúng ta để cho những cảnh tượng chạy loạn đầy thảm khốc bi thương, được mô tả trên đây, không còn bao giờ diễn ra trên mảnh đất miền Nam thân yêu này nữa.

THƠ ẤM-DỤ

Dưới chế-độ phong-kiến, thực-dân hay độc-tài, các nhà thơ trào-phúng Việt-Nam thường dùng phương-pháp « ám-dụ » để biểu thị thái-độ của mình trước thời-cuộc. Để châm-biếm hay đả-kích một chế-độ hay một nhân-vật đương quyền mà họ chống đối, họ phải nói bóng nói gió, nói việc nọ để ám-chỉ việc kia, vì họ sợ những tai họa mà kẻ có quyền có thể đem đến cho họ. Phương-pháp « ám-dụ » là một lợi-khí của kẻ yếu để chống lại kẻ mạnh vậy.

Thí dụ nhà thơ Nguyễn-Khuyến (1835-1909 — Hà-Nam) muốn trào-lộng bọn tham quan ô lại nhan nhản ở thời ông, đã không lời thẳng chúng ra trước tòa-án dư-luận, mà lại gián-tiếp đả-kích chúng bằng cách miêu-tả việc Thủy-Kiều bán

minh lấy tiền đút lót cho bọn quan lại để chuộc tội cho cha :

*Thằng bán tơ kia dỏ dối ra,
Làm cho bạn đến cụ Viên già.
Muốn xong phải kiếm ba trăm lạng,
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa.
Đón khách mượn màu son phấn mụ,
Bán mình chuộc lấy tội tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ ?
Đời trước làm quan cũng thế a !*

Câu kết « Đời trước làm quan cũng thế a ! » thật là mỉa mai chua chát. Đời trước làm quan mà còn ăn của đút, thì đời này — đời Nguyễn-Khuyến — làm quan lại càng hay ăn của đút. Nguyễn-Khuyến đã tố-cáo bọn tham quan ô lại thời ông bằng cách giễu cợt bọn tham quan ô lại đời Gia-Định Triều Minh ở bên Tàu.

Các nhà thơ trào-phúng của cổ-độ Huế cũng hay dùng phương pháp « ám-du » để biểu lộ thái-độ của mình. Xin ghi lại dưới đây một số bài thơ đáng lưu ý mà họ đã dựng lên theo phương-pháp ấy :

THƠ ĐẢ-KÍCH BỌN THAM-NHỪNG

VỊNH CÒN RẠN

*Chuột xạ đòi phen đã khoét đào,
Lại thêm loài rạn ở trong bầu !*

*Áo com trên Chúa nhờ no ấm,
Máu mủ ngoài dân hút tổn hao.
Xếp giáp khi an na bụng tới,
Giấy binh lúc động thụt đầu vào.
Cơ chi ta đứng quyền xanh vạc,
Trúng mèn nhà bảy diệt tận phao.*

Đặng-đức-Siêu
(dưới Triều vua Gia-Long)

BỤNG BINH

*Chỉ biết tiền thôi có biết gì ?
Bụng to mà miệng thỉ thì thì.
Chành bành ra thế đeo ăn mãi,
Đút nhét vô thời chẳng nói chi.
Mấy thuở đưa tài người gọi tướng,
Cả đời giữ cửa mọi là mi.
Lâu nay lúc lặc nghe chừng đã,
Lúc lặc nghe nhiều phải đập đi.*

Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm

BA-NHE (1)

*«Ba-nhe» nay mới đổi tên này,
Kẻ cắp ngày xưa cũng tui mầy.
Mắt ngược mắt xuôi cò lên tép,
Chân sau chân trước khỉ leo cây.*

(1) «Ba-nhe»: do tiếng pháp «panier», chỉ những tên đội
rồ muôn, ăn cắp ở chợ Đông-Ba (Huế).

*Bà già gắp gỡ trời chưa sứt,
Hàng xóm lao xao chợ đã đầy.
Ghê nữa «ba-nhe» cao-đẳng tột,
Cấp ban đêm lại cấp ban ngày. (1)*

Sào-Nam Phan-Bội-Châu

RÁC ĐÔ-THÀNH

*Rác rến sao mà lắm vậy ôi !
Hốt hoài hốt mãi vẫn không vơi.
Lăng xanh dựa thế tha hồ bám,
Chuột cống xu-thời mặc sức xơi,
Ấn bần muối mòng đầu biết lợm,
Rúc bùn giới bộ quần gì hôi.
Một mai sở Rác canh-tân lại,
Quét sạch Thành-đô lũ nhặng ruồi !*

Hương-Thủy

THƠ ĐẢ-KHÍCH CHẾ-ĐỘ

ĐỘC-TÀI VÀ BÙ-NHÌN

ĐẦU NĂM XEM HÁT BỘI

*Sao bồn tuồng xưa cứ diễn hoài ?
Diễn đi diễn lại quá nhàm tai !*

(1) Cấp ban ngày: do câu ca-dao:

«Con di con nhớ điều này:
«Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.»

*Đỏ đen lui tới chường dăm mắt,
 Trung nịnh ra vào vẫn mấy vai.
 Trống gióng chiêng khua nghe đã rộn,
 Đào già kép dỡ ngó càng gai.
 Thôi về đi ngủ chờ ban khác,
 Trót dại toi tiền biết hỏi ai?*

Hương-Thủy

NON NƯỚC

*Non vẫn còn đây nước vẫn đây!
 Cớ sao non nước hận với đây?
 Triều dâng Bến-Hải ngăn bờ cõi,
 Lửa dậy Hoành-Sơn loạn cỏ cây.
 Rú động tiêu-phu còn ần mặt,
 Sóng xan ngư-phủ chữa ra tay.
 Sài lang kinh ngạc dù thao túng,
 Mặc lưới vương tên hãn có ngày!*

Hương - Thủy

HÁT BỘI TRÀNG-AN

*Ba hồi trống đỏ, tiếng hô ran,
 Áo mũ lô nhô kéo một đàn.
 Vương tướng mấy vai thừa sự-nghiệp,
 Triều-đình một góc đủ giang-san.
 Tuy không thi-cử không sưu-thuế,
 Mà cũng cán-đai cũng lọng-tàn.
 Làm cái trò chơi thiên-hạ ngó,
 Hỏi rằng chi đó? — Bội Tràng-an.*

Cao-xuân-Đăng

THƠ ĐẢ - KÍCH BỌN TAY SAI CỦA PHÁP

CON NỘM NAN

*Dị đoan truyền thuở chú Tàu sang,
 Lưu vết thần-quyền cái nộm nan.
 Mặt vẽ mày râu trông nhẵn nhụi,
 Sườn mang xiêm áo ngó xuê xoang.
 Tô son điểm phấn trông hào nháng,
 Có óc không hồn khéo dỏ dang.
 Linh ứng nhờ tay thầy Pháp thôi,
 Bày trò mê tín nử dân-gian.*

Quỳ-Uu Nguyễn-đôn-Dur

Câu thơ thứ bảy của bài thơ trên: «*Linh ứng nhờ tay thầy Pháp thôi*», ám-chỉ bọn tay sai của Pháp, thật là tuyệt diệu: hai chữ «*thầy Pháp*» hiểu theo nghĩa nào cũng được, thầy pháp đi cúng đề trừ ma quỷ hay thầy Pháp là quan thầy Pha-lan-Sa

Năm 1933, sau khi nhà học-giả Phạm-Quỳnh được viên - Toàn - quyền Đông - Dương Pierre Pasquier đưa từ ghế chủ-bút tạp-chí Nam-Phong ở Hà-nội lên ghế Thượng-thơ ở Huế, có nhiều bài thơ châm-biếm ra đời ở cố-đô, không biết tác-giả là ai. Xin ghi lại sau đây ba bài chưa chất nhất:

CÁI ĐIỀU

*Tung hoành đường tưởng gặp hồi may,
 Có biết vì đâu sáng-tạo mầy ?
 Thân phận chắc chi tờ giấy bản.
 Tư duyên chừng cây sợi dây day !
 Mà toan ngất ngưỡng trời mây ấy,
 Lại chực vo ve đất nước này.
 Lên lắm ông cho rồi có lúc,
 Một cơn mưa nhỏ biết nhau ngay.*

ÔNG TÁO

I

*Cục đất ngày xưa nó thế nào ?
 Nay làm ông Táo chức quyền cao,
 Khéo đem mặt lọ vênh vang thế !
 Chẳng hồ lưng khòm khúm núm sao ?
 Ngày những giữ nôi cho địa-chủ.
 Quanh năm kiếm chuyện mách Thiên-tào.
 Một mai đất lại thành ra đất,
 Cái dây chè xói đáng giá bao ?*

II

*Táo-quân thế cũng tước trời phong,
 Chắp chưởng làm chi giữa cõi Đông ?
 Nồi gạo lo toan ngày sợ hỏng,
 Hơi đồng liếm láp bữa ngồi trông.
 Oai quyền xó bếp vui chi đó,
 Đè nén trên đầu có biết không ?*

*Lành dữ việc đời sao ngậm miệng,
Nực cười cục đất nắn ra ông !*

Vô-danh-thị

Hai câu thơ thứ tư và thứ sáu của bài thơ «*Ông Táo*» trên đây : «*Chẳng hổ lưng khòm khúm núm sao ?*» và «*Quanh năm kiếm chuyện mách Thiên-Tào*», thật là đặc địa, vì ám-chỉ ông Phạm-Quỳnh có cái lưng hơi gù và làm mặt-thám cho Pháp.

THƠ ĐẢ-KÍCH HỌ NGÔ-ĐÌNH

CHÁY NHÀ RA MẶT CHUỘT

*Đục khoét xưa rày núp ở đâu ?
Cháy nhà thấy chuột chạy lao nhao.
Dương oai bà Hỏa vừa lên mái,
Khiếp vía ông Thiêng vội ló đầu.
Rường cột rã rời phơi mặt địa,
Cổng chủ quay quắt chống hàm râu.
Tai bay vạ gió đã ra rủa,
Chĩnh nếp dòm vô đã sạch lâu !*

Quý-Uu Nguyễn-đôn-Dư

Bài thơ trên ám-chỉ việc dinh Độc-Lập dưới chế-độ Ngô-đình-Diệm bị hai phi công Phạm-phú-Quốc và Nguyễn-văn-Cử oanh tạc gây nên hỏa hoạn.

Trong ngạch quan lại dưới thời Pháp thuộc, việc thăng thưởng thường thường căn cứ vào thần-thế, vảy cánh, tiền bạc, và nhất là sự đùm bọc của các quan thầy Bảo - hộ. Có tài, có đức mà không có thần-thế hay không chịu đút lót, thì đành ngồi y một chỗ. Thời đó, Ngô-đình-Diệm, với cái học-lực nông nổi, chỉ nhờ sự nâng đỡ của quan thầy Pháp mà tiến rất mau trên con đường công - danh: từ một chức tri-huyện tiến đến địa-vị một đường-quan (Tuần-vũ Bình-thuận rồi Thượng-thơ Bộ Lại), chỉ trong vòng chừng mười năm mà thôi.

Vi thế, một ông quan thời đó, quá uất ức về sự bất công trong hoạn-trường, đã làm bài thơ dưới đây để châm - biếm sự thối nát của Nam-Triều :

LÀM QUAN NAM-TRIỀU

*Lênh đênh chiếc bách buổi ba-đào
Chèo lái xem chừng khó biết bao !
Tôi tớ mấy người dâng lễ hậu,
Quan thầy lắm kẻ nặng hầu bao.
Chật trong bề hoạn thêm mình nữa,
Theo hết rừng Hàn (1) biết kiếp nao ?*

(1) Rừng Hàn là phạm - trật Hàn-Lâm trong ngạch quan lại.

*Vây cánh Ngô-đình ghê gớm thật,
Mềm lưng dẻo gối chóng lên cao !*

(Vô-danh)

Ngô-đình-Cần, em Ngô-đình-Diệm, được dân chúng cổ-đô tặng cho cái danh-hiệu «*Hùm xám miền Trung*» vì Cần đã có những hành-vi rất tàn ác đối với những người đối-lập với chế-độ. Do đó, một thi-sĩ vô-danh ở Huế đã sáng-tác bài thơ :

VỊNH CHUÔNG CỌP

*Kìa xem chú cọp vẻ vang thay !
Sảnh rộng, thềm cao ngự bấy nay.
Một kiếp tàn hung hùm xám đó,
Muốn dân ghê rợn ác ôn này !
Châu hầu bao kẻ không gần mặt,
Thăm viếng nào ai dám bắt tay.
Mưa gió làm than đau đấy mặc !
Phòng riêng mộng ấm tháng năm chầy.*

(Vô-danh)

Ngô-đình-Cần có cho xây chín cái hầm dưới đất ở ngoại ô thành-phố Huế để nhốt tù chánh-trị và những kẻ mà Cần định làm tiền. Ái-Huyền, một nữ-sinh trường Đồng-Khánh Huế, nạn-nhân của Cần, trong khi bị giam ở «*chín hầm*», đã sáng-tác bài thơ :

*Trước phong-cảnh hữu tình ai có biết
 Rằng nơi đây, địa-ngục của trần-gian,
 Nơi chứa chấp một chế-độ bạo tàn,
 Và cạnh đấy là cung vàng điện ngọc.
 Du-khách hỡi ! Dừng lại đây nghe tiếng khóc
 Của oan hồn tử-sĩ chết đau thương.
 Những nắm mồ vô chủ suốt đêm trường
 Như quần quai theo từng cơn gió buốt !
 Trên mộng ẩm kẻ bạo tàn đâu có biết
 Bao thân người chui rúc dưới tanh hôi,
 Và nghe hồn khóc kẻ mãi không thôi...*

TÁC-DỤNG CỦA THƠ «ẨM-DỤ»

Thơ «ẩm-dụ» nhiều khi là một lợi-khí sắc bén có hiệu-quả tức thời, làm cho những kẻ hại dân hại nước phải chùn tay lại trước những lời phê phán chỉ-trích biều lộ trong các thi-ca đăng trên mặt báo-chí hoặc truyền khẩu trong dân-gian. Xin đơn cử ra đây một thí-dụ :

Vào khoảng năm 1930, một tay sai đắc lực của Pháp (tên là Nguyễn - duy - Hàn) được bổ về làm tuần-phủ tỉnh Thái - Bình (Bắc-Việt) và ân thưởng đệ tứ đẳng Bắc-Đầu Bội-Tinh.

Về Thái-Bình, để lấy lòng quan thầy Pháp, Hàn lũng bắt các nhà cách-mạng và thường dùng chày nện vào các khớp xương của họ để tra-tấn.

Nhơn đó, cụ Đồng - Giang, một cư-sĩ tỉnh Nam-Định, đã làm bài thơ dưới đây đăng vào báo

« Đông-Tây » (Hà nội) ở trang nhất, dưới cái hình của ông Hàn với lời chú : « *Quan Tổng-Đốc Hàn vừa được ân thưởng đệ tứ đẳng Bắc - Đẩu Bội-Tinh* », khiến cho ai cũng hiểu là bài thơ ám-chỉ ông Tuần, nhất là nhờ câu « *Ở chốn rừng xanh trơ xác lõi* » có ý nói ông Tuần vốn là người ở Thượng-du ;

THƠ CHÀY

*Khen ai đã khéo tạc nên chày !
Đau đớn cho ai chỉ vị chày.
Ở chốn rừng xanh trơ xác lõi,
Về nơi dân đỏ béo thân chày.
Trông ra tròn trặn tron lì gối,
Dùng đến hung hăng giã nặng chày.
Đầu có nhọn đầu mà cổ thắt ?
Ngân thu còn nhớ mãi tên chày.*

Bài thơ trên được truyền tụng khắp các tỉnh ngoài Bắc khiến cụ Tuần Hàn không còn dám dùng chày để tra-tấn các can-phạm nữa.

Sự « *lưu xú vạn niên* » bằng thi-ca là một trừng-phạt còn nặng nề gấp mấy búa rìu của của dư-luận đương thời đối với những kẻ hại dân hại nước, bởi lẽ những lời nguyên rửa họ, dưới hình-thức văn-chương, còn tồn tại mãi trong sử sách.

Nhờ ở thi-ca còn còn truyền tụng mà người

dân Việt-Nam không bao giờ quên được những hành-động «*mãi quốc cầu vinh*» của một Hoàng-cao-Khải hay một Vi-văn-Định ở ngoài Bắc, một Nguyễn-Thân ở miền Trung và một Trần-bá-Lộc ở trong Nam chẳng hạn.

Cứ như vậy, thì thử hỏi có kẻ cầm quyền nào mà lại không sợ sự phê phán muôn đời của lịch-sử? Thế tất, họ phải đắn đo suy nghĩ nhiều trước khi có một hành-động phản nước hại dân để mưu cầu lợi riêng.

Tác-dụng của thi-ca «ám-dụ» quả thật là ghê gớm và hữu ích vậy thay!

KẾT-LUẬN

Qua các thi-ca chọn-lọc ghi lại trên đây, chắc độc-giả đã nhận thức được tinh-thần trào-phúng cá biệt và cao độ của các thi-sĩ miền sông Hương núi Ngự cùng các phương-pháp nghệ-thuật tinh-vi mà họ đã áp dụng trong khi sáng-tác. Một số thi-ca ấy lại còn là những sử-liệu xác thực đánh dấu từng giai-đoạn lịch-sử của nước nhà hay nói lên tập tục của người dân xứ Huế qua các thời-đại.

Trong dòng lịch-sử, cổ-đô Huế đã trải qua nhiều biến-cổ thê thảm mà điển-hình nhất là biến-cổ Tết Mậu thân gần đây (1968), trong đó người dân địa-phương đã gánh chịu biết bao nhiêu là đồ nát và tang tóc. Mặc dù vậy, tinh-thần trào-phúng của họ không hề nao núng và vẫn còn tồn tại mãi, cũng như tinh-thần tranh-đấu của họ trước những bất công và áp bức, như lịch-sử đã nhiều lần chứng minh.

Và đó chính là lý-do khiến cho chúng ta càng tin tưởng và tự hào ở sức mạnh tinh-thần của dân-tộc.

HẾT

BẢN ĐÍNH CHÍNH

| Trang | Hàng | NGUYÊN LÀ | XIN SỬA LẠI LÀ |
|-------|------|-------------------------------------|--------------------------|
| 17 | 6 | lên ở tu chùa | lên tu ở chùa |
| 20 | 3 | xuất phủ ở riêng | xuất phủ ra ở riêng |
| 29 | 1 | Cao-bá-Quét | Cao-bá-Quát |
| 29 | 7 | chim oanh học tiếng | chim oanh học nói tiếng |
| 43 | 28 | Tả ngã | Tá ngã |
| 51 | 25 | 1966 | 1866 |
| 53 | 11 | Trương-quang-Đản | Trương-đăng-Đảng |
| 71 | 14 | nguy không được | không nguy không |
| 122 | 8 | lúc đó bây giờ | lúc bây giờ |
| 122 | 9 | cung nhân trong có | cung nhân trong đó có |
| 125 | 19 | Dân hương | Dâng hương |
| 128 | 13 | Mà côi | Mồ côi |
| 128 | 22 | nỗ giết chi | nỗ biết chi |
| 142 | 28 | Hếu | Huế |
| 198 | 3 | mấy kẻ chung chăn chung chăn một | mấy kẻ chăn chung một |

TRUNG-NAM VẬN-TẢI

17, Trần-Hòa—CHỢ LỚN

Đ.T. 52883

Đảm nhận chuyên chở hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy từ SAIGON đến các tỉnh miền Trung.

ĐƯỜNG BỘ: bằng xe vận tải mới, hàng-hóa được bảo đảm, giá phải chăng.

ĐƯỜNG THỦY: bằng các tàu NAM-QUAN, NHỰT-LỆ v...v.... giao hàng hóa nhanh chóng. Mọi chi tiết xin liên lạc cùng ông TRƯƠNG-CHÍ tự MÃN.

THẾ-GIỚI BẢO-HIỂM CÔNG-TY

THE WORLD INSURANCE COMPANY

(CÔNG-TY LE SECOURS CŨ)

Trụ Sở: 16, Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. : 20 461 - 94.482

Chi Nhánh ở Lào quốc: 42, đường Nokeo

Koumane — VIENTIANE

ĐÀM NHẬN TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ BẢO-HIỂM

- Xe tự động các loại.
- Tai nạn lao động.
- Hỏa hoạn, Trộm cắp.
- Nhân mạng.
- Thân ghe, Tàu đánh cá—Tàu cận-duyên và viễn dương
- Hàng hóa chuyên chở đường Thủy, Bộ, Hàng không
- Trách nhiệm dân sự của Nhà trường, Thầu khoán.

Bác-sĩ, Y-tá, Nữ Hộ-sinh.

BẢO-PHÍ NHẸ — BỒI THƯỜNG LẺ

ĐẠI-LÝ KHẮP CÁC TỈNH

SÁCH «TINH - THẦN TRÀO - PHÚNG
TRÔNG THI - CA XỨ HUẾ» CỦA
HOÀNG-TRỌNG-THỰC IN XONG
NGÀY 10-11-1973 TẠI NHÀ IN
TRUNG-VIỆT 170 B ĐẠI-LỘ CHI-
LĂNG — PHÚ-NHUẬN — SAIGON
3.000 CUỐN GIẤY THƯỜNG VÀ
50 CUỐN ĐẶC BIỆT (KHÔNG BÁN),
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3521/
PTUDV/KSALP/TP NGÀY 2-9-1973.

Thư từ liên lạc xin gửi :
Ô. Hoàng-trọng-Thực
số 74/6 Đường Hai-bà-Trung
S A I G O N

GIÁ: 600\$00

TÌNH THẦN TRÀO PHÚNG TRONG THI CA XỨ HUẾ
CỦA HOÀNG TRỌNG THƯỢC
IN XONG NGÀY 10-11-1973
TẠI ÁN QUÁN TRUNG VIỆT
170 B ĐẠI-LỘ CHI-LĂNG, PHÚ-NHUẬN — SAIGON
3.050 ÁN BẢN
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3521/PTUDV/KSALP/TP
NGÀY PHÁT HÀNH 15-11-1973